

Số: 266 /TTr-UBND

Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 2021

TỜ TRÌNH

Báo cáo tổng kết thi hành Luật Thủ đô (trình kỳ họp thứ 3, HĐND Thành phố khóa XVI)

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Thực hiện quy định tại khoản 2, Điều 25 Luật Thủ đô: “Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm giám sát việc thi hành Luật Thủ đô; định kỳ xem xét báo cáo của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thực hiện Luật Thủ đô.”; trong những năm qua, UBND Thành phố định kỳ báo cáo kết quả hằng năm, báo cáo sơ kết thi hành Luật Thủ đô trình Hội đồng nhân dân Thành phố vào kỳ họp cuối năm.

Năm 2021, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVII và chỉ đạo của Thành ủy, UBND Thành phố đã triển khai việc tổng kết thi hành Luật Thủ đô và đề xuất xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi). Theo Chương trình kỳ họp thứ 3, Hội đồng nhân dân Thành phố khóa XVI, UBND Thành phố trình HĐND Thành phố Báo cáo Tổng kết thi hành Luật Thủ đô như sau:

I. Quá trình xây dựng Báo cáo tổng kết thi hành Luật Thủ đô

1. Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và văn bản hướng dẫn thi hành, UBND Thành phố đã chủ động phối hợp với Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch số 777/KH-BTP-UBNDTPHN ngày 19/3/2021 về phối hợp giữa Bộ Tư pháp và UBND thành phố Hà Nội về đánh giá kết quả thi hành Luật Thủ đô; nghiên cứu, đề xuất chính sách, lập hồ sơ đề nghị và xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi). UBND Thành phố đã ban hành kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 15/3/2021 về đánh giá kết quả thi hành Luật Thủ đô; nghiên cứu, đề xuất chính sách xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi) năm 2021.

2. Để triển khai các Kế hoạch, UBND Thành phố ban hành Quyết định số 1747/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 thành lập Tổ công tác đánh giá kết quả thi hành Luật Thủ đô; nghiên cứu, đề xuất chính sách, lập hồ sơ đề nghị và xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi) (gọi tắt là Tổ công tác xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi)); ban hành Quyết định số 2317/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 về việc kiện toàn Tổ công tác. Trên cơ sở đó, Tổ công tác đã lập kế hoạch hoạt động, chỉ đạo, phân công các sở, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã thực hiện Tổng kết thi hành Luật Thủ đô 2012 và đề xuất các chính sách mới, nội dung cần xem xét sửa đổi trong Luật Thủ đô. Tổ công tác đã tổng hợp, xây dựng 2 dự thảo Báo cáo: (1) Tổng kết thi hành Luật Thủ đô năm 2012; (2) Tổng hợp đề xuất chính sách xây dựng Luật Thủ

đô (sửa đổi).

Tổ công tác xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi) của Thành phố đã phối hợp với Vụ Các vấn đề chung về Xây dựng pháp luật, Bộ Tư pháp và nhóm chuyên gia tư vấn, tổ chức nhiều hội nghị lấy ý kiến các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý, các Sở, ngành, đơn vị có liên quan.

Ngày 30/7/2021, Ban cán sự Đảng UBND Thành phố đã có Tờ trình số 597-TTr/BCS báo cáo Thường trực Thành ủy về 02 báo cáo nêu trên. Tiếp thu chỉ đạo của Thường trực Thành ủy tại Thông báo số 459-TB/TU ngày 13/8/2021, Ban cán sự Đảng UBND Thành phố đã giao UBND Thành phố chỉ đạo các Sở, ngành rà soát, hoàn thiện bổ sung các Báo cáo và tiếp tục trình Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy có ý kiến chỉ đạo (Tờ trình số 735-TTr/BCS ngày 7/9/2021).

3. Ủy ban nhân dân Thành phố đã báo cáo Ban Cán sự Đảng UBND Thành phố tham mưu, trình Ban Thường vụ Thành ủy ban hành Quyết định số 1484-QĐ/TU ngày 22/9/2021 thành lập Ban Chỉ đạo Xây dựng dự thảo Luật Thủ đô (sửa đổi) gồm 71 đồng chí, do đồng chí Bí thư Thành ủy làm Trưởng Ban Chỉ đạo, các đồng chí Phó Bí thư Thành ủy làm Phó Ban Chỉ đạo; thành viên Ban Chỉ đạo là các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội và mời các đồng chí đại diện lãnh đạo các cơ quan của Quốc hội, Ban, bộ, ngành, Mặt trận tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội Trung ương, đại diện lãnh đạo các tỉnh trong Vùng Thủ đô, một số chuyên gia, nhà khoa học tham gia Ban Chỉ đạo; đã thành lập Tổ soạn thảo là bộ phận giúp việc cho Ban Chỉ đạo. Đồng thời, xây dựng, trình Ban Chỉ đạo xem xét ban hành Kế hoạch hoạt động của Ban chỉ đạo xây dựng Dự thảo Luật Thủ đô (sửa đổi) (Tờ trình số 941-TTr/BCS ngày 4/11/2021).

UBND Thành phố cũng đã trình, tham mưu Ban Chỉ đạo Xây dựng dự thảo Luật Thủ đô (sửa đổi) tổ chức họp Ban Chỉ đạo vào ngày 30/9/2021 để cho ý kiến góp ý, định hướng hoàn thiện đối với 2 dự thảo Báo cáo. Trên cơ sở đó, UBND Thành phố đã tổ chức các hội nghị chỉ đạo, giao nhiệm vụ cho lãnh đạo UBND Thành phố, các Sở, ngành rà soát, hoàn thiện các nội dung báo cáo Tổng kết thi hành Luật Thủ đô và rà soát, bổ sung, hoàn thiện nội dung chính sách xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi).

Các đồng chí lãnh đạo UBND Thành phố đã chủ trì chỉ đạo các Sở, ngành liên quan tổ chức các hội thảo, tọa đàm với các cơ quan Trung ương, Thành phố, các chuyên gia, nhà khoa học để đánh giá kết quả thi hành Luật Thủ đô và đề xuất chính sách xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi).

4. Đến nay, việc tổng hợp, hoàn thiện Báo cáo tổng kết thi hành Luật Thủ đô đã qua nhiều lần lấy ý kiến góp ý, chỉnh sửa, bổ sung. Báo cáo cơ bản đã được hoàn thiện theo Đề cương hướng dẫn của Bộ Tư pháp và tiếp thu các ý kiến góp ý. Việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện chính sách đề nghị xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi) đang được UBND Thành phố tập trung chỉ đạo các Sở, ngành tiếp tục thực hiện, thông qua các hội thảo, tọa đàm lấy ý kiến đóng góp của các cơ

Phụ lục 4: Danh mục các chính sách, pháp luật chuyên ngành có những mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập cần sửa đổi, bổ sung.

III. Đề xuất

UBND Thành phố kính trình HĐND Thành phố xem xét, thông qua Báo cáo Tổng kết thi hành Luật Thủ đô.

(Gửi kèm Dự thảo Báo cáo tổng kết thi hành Luật Thủ đô và các phụ lục) *MT*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban MTTQ VN TP Hà Nội;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND TP;
- VPUB: CVP, PCVP V.T.Anh, NC, TH;
- Lưu: VT. *g*

44

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Chu Ngọc Anh

Số: /BC-UBND

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO
Tổng kết thi hành Luật Thủ đô

Kính gửi: Hội đồng nhân dân Thành phố

Thực hiện quy định tại khoản 2, Điều 25 Luật Thủ đô: “*Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm giám sát việc thi hành Luật Thủ đô; định kỳ xem xét báo cáo của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thực hiện Luật Thủ đô.*”; trong những năm qua, UBND Thành phố định kỳ báo cáo kết quả hằng năm, báo cáo sơ kết thi hành Luật Thủ đô trình Hội đồng nhân dân Thành phố vào kỳ họp cuối năm.

Năm 2021, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVII và chỉ đạo của Thành ủy, UBND Thành phố đã triển khai việc tổng kết thi hành Luật Thủ đô và đề xuất xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi). Tại kỳ họp thứ 3, Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, UBND Thành phố báo cáo công tác triển khai tổng kết thi hành Luật Thủ đô như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

TRIỂN KHAI CÔNG TÁC TỔNG KẾT THI HÀNH LUẬT THỦ ĐÔ

1. Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và văn bản hướng dẫn thi hành, UBND Thành phố đã chủ động phối hợp với Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch số 777/KH-BTP-UBNDTPHN ngày 19/3/2021 về phối hợp giữa Bộ Tư pháp và UBND thành phố Hà Nội về đánh giá kết quả thi hành Luật Thủ đô; nghiên cứu, đề xuất chính sách, lập hồ sơ đề nghị và xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi). UBND Thành phố đã ban hành kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 15/3/2021 về đánh giá kết quả thi hành Luật Thủ đô; nghiên cứu, đề xuất chính sách xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi) năm 2021.

2. Để triển khai các Kế hoạch, UBND Thành phố ban hành Quyết định số 1747/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 thành lập Tổ công tác đánh giá kết quả thi hành Luật Thủ đô; nghiên cứu, đề xuất chính sách, lập hồ sơ đề nghị và xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi) (gọi tắt là Tổ công tác xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi)); ban hành Quyết định số 2317/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 về việc kiện toàn Tổ công tác. Trên cơ sở đó, Tổ công tác đã lập kế hoạch, chỉ đạo, phân công các sở, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã thực hiện Tổng kết thi hành Luật Thủ đô 2012 và đề xuất các chính sách mới, nội dung cần xem xét sửa đổi trong Luật Thủ đô. Tổ công tác đã tổng hợp xây dựng 2 dự thảo Báo cáo: (1) Tổng kết thi hành Luật Thủ đô năm 2012; (2) Tổng hợp đề xuất chính sách xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi).

Tổ công tác xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi) của Thành phố đã phối hợp với

Vụ. Các vấn đề chung về Xây dựng pháp luật, Bộ Tư pháp và nhóm chuyên gia tư vấn, tổ chức nhiều hội nghị lấy ý kiến các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý, các Sở, ngành, đơn vị có liên quan.

Ngày 30/7/2021, Ban cán sự Đảng UBND Thành phố đã có Tờ trình số 597-TTr/BCS báo cáo Thường trực Thành ủy về 02 báo cáo nêu trên. Tiếp thu chỉ đạo của Thường trực Thành ủy tại Thông báo số 459-TB/TU ngày 13/8/2021, Ban cán sự Đảng UBND Thành phố đã giao UBND Thành phố chỉ đạo các Sở, ngành rà soát, hoàn thiện bổ sung các Báo cáo và tiếp tục trình Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy có ý kiến chỉ đạo (Tờ trình số 735-TTr/BCS ngày 7/9/2021).

3. UBND Thành phố đã báo cáo Ban Cán sự Đảng UBND Thành phố tham mưu, trình Ban Thường vụ Thành ủy ban hành Quyết định số 1484-QĐ/TU ngày 22/9/2021 thành lập Ban Chỉ đạo Xây dựng dự thảo Luật Thủ đô (sửa đổi) gồm 71 đồng chí, do đồng chí Bí thư Thành ủy làm Trưởng Ban Chỉ đạo, các đồng chí Phó Bí thư Thành ủy làm Phó Ban Chỉ đạo; thành viên Ban Chỉ đạo là các đồng chí ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội và mời các đồng chí đại diện lãnh đạo các cơ quan của Quốc hội, Ban, bộ, ngành, Mặt trận tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội Trung ương, đại diện lãnh đạo các tỉnh trong Vùng Thủ đô, một số chuyên gia, nhà khoa học tham gia Ban Chỉ đạo; đã thành lập Tổ soạn thảo là bộ phận giúp việc cho Ban Chỉ đạo. Đồng thời, xây dựng, trình Ban Chỉ đạo xem xét ban hành Kế hoạch hoạt động của Ban chỉ đạo xây dựng Dự thảo Luật Thủ đô (sửa đổi) (Tờ trình số 941-TTr/BCS ngày 4/11/2021).

UBND Thành phố đã trình, tham mưu Ban Chỉ đạo Xây dựng dự thảo Luật Thủ đô (sửa đổi) tổ chức họp Ban Chỉ đạo vào ngày 30/9/2021 để cho ý kiến góp ý, định hướng hoàn thiện đối với 2 dự thảo Báo cáo. Trên cơ sở đó, UBND Thành phố đã tổ chức các hội nghị chỉ đạo, giao nhiệm vụ cho lãnh đạo UBND Thành phố, các Sở, ngành rà soát, hoàn thiện các nội dung báo cáo Tổng kết thi hành Luật Thủ đô và rà soát, bổ sung, hoàn thiện nội dung chính sách xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi).

Các đồng chí lãnh đạo UBND Thành phố đã chủ trì chỉ đạo các Sở, ngành liên quan tổ chức các hội thảo, tọa đàm với các cơ quan Trung ương, Thành phố, các chuyên gia, nhà khoa học để đánh giá kết quả thi hành Luật Thủ đô và đề xuất chính sách xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi).

4. Đến nay, việc tổng hợp, hoàn thiện Báo cáo tổng kết thi hành Luật Thủ đô đã qua nhiều lần lấy ý kiến góp ý, chỉnh sửa, bổ sung. Báo cáo cơ bản đã được hoàn thiện theo Đề cương hướng dẫn của Bộ Tư pháp và tiếp thu các ý kiến góp ý. Việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện chính sách đề nghị xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi) đang được UBND Thành phố tập trung chỉ đạo các Sở, ngành tiếp tục thực hiện, thông qua các hội thảo, tọa đàm lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan, bộ, ngành Trung ương và Thành phố, các chuyên gia, nhà khoa học trên các lĩnh vực.

PHẦN THỨ HAI

KẾT QUẢ TỔNG KẾT THI HÀNH LUẬT THỦ ĐÔ

Trên cơ sở thực hiện Kế hoạch số 777/KH-BTP-UBNDTPHN ngày 19/3/2021 của Bộ Tư pháp và UBND thành phố Hà Nội, Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 15/3/2021 của UBND Thành phố và hướng dẫn của Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Hà Nội báo cáo kết quả tổng kết thi hành Luật Thủ đô như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT

1. Công tác chỉ đạo và tổ chức thi hành Luật Thủ đô

Ngay sau khi Luật Thủ đô được Quốc hội thông qua, thực hiện Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 25/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về triển khai thi hành Luật Thủ đô, Thành ủy đã chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền các cấp, các tổ chức chính trị, chính trị xã hội của Thành phố triển khai công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Luật Thủ đô đến các cơ quan, đơn vị, Nhân dân Thủ đô và cả nước. Thành ủy cũng chỉ đạo, cho chủ trương để Hội đồng nhân dân (HĐND), UBND Thành phố khẩn trương, kịp thời xây dựng, ban hành các Nghị quyết quy định chi tiết những nội dung được giao theo Luật Thủ đô để tổ chức thi hành ngay khi Luật có hiệu lực vào 1/7/2013¹. Đồng thời, Thành ủy cũng lãnh đạo, chỉ đạo, cho chủ trương việc xây dựng hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) của Thành phố để tổ chức thi hành Luật trong những năm tiếp theo. Ban Thường vụ, Thường trực Thành ủy luôn chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo công tác phổ biến, quán triệt, việc tổ chức thi hành Luật gắn với việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị và các Nghị quyết, Chương trình công tác, Chương trình phát triển kinh tế xã hội của Thủ đô; Báo cáo định kỳ hằng năm, sơ kết 3 năm, 5 năm theo yêu cầu của Quốc hội, chỉ đạo của Chính phủ.

Trên cơ sở các chỉ đạo của Trung ương và sự lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy, UBND Thành phố đã ban hành các Kế hoạch, văn bản tổ chức triển khai, trong đó tập trung xây dựng văn bản quy định chi tiết Luật Thủ đô thuộc thẩm quyền của HĐND, UBND Thành phố. Tính đến nay, UBND Thành phố đã ban hành 65 văn bản để tổ chức triển khai, thực hiện Luật Thủ đô trên địa bàn. (*Chi tiết Phụ lục số 01 kèm theo*).

Hằng năm, UBND Thành phố ban hành Kế hoạch đánh giá tình hình thi hành Luật Thủ đô, trong đó tập trung đánh giá tác động thực tiễn của cơ chế, chính sách quy định trong Luật Thủ đô. UBND Thành phố cũng đã phối hợp với Bộ Tư pháp tổ chức sơ kết, đánh giá 03 năm, 05 năm thi hành Luật Thủ đô; tổ chức Đoàn công tác liên ngành khảo sát tình hình thi hành Luật Thủ đô theo lĩnh vực và địa bàn²; tổ chức các hội nghị, hội thảo góp ý về những nội dung theo yêu

¹ Thông báo số 552-TB/TU ngày 3/6/2013 Kết luận Hội nghị Ban Thường vụ Thành ủy về việc cho ý kiến chỉ đạo đối với một số nội dung cụ thể hóa Luật Thủ đô.

² Thực hiện hoạt động khảo sát tại Bộ Tài chính; tại các tỉnh gồm: Hà Nam, Phú Thọ, Bắc Ninh; tại các quận, huyện của thành phố Hà Nội gồm: Hoàn Kiếm, Bắc Từ Liêm, Thạch Thất.

cầu báo cáo; tổng hợp báo cáo phục vụ các đoàn Giám sát của Quốc hội, HĐND Thành phố về tình hình thi hành Luật. UBND Thành phố cũng đã ban hành Đề án "Nghiên cứu, rà soát tổng thể, xác định những nội dung quy định trong Luật Thủ đô và các văn bản quy phạm pháp luật khác của Trung ương khi triển khai vào thực tiễn chưa phù hợp để đề nghị Trung ương sửa đổi bổ sung và tiếp tục đề xuất với Trung ương cho phép áp dụng các cơ chế, chính sách đặc thù để phục vụ sự nghiệp phát triển Thủ đô" (Quyết định số 3317/QĐ-UBND ngày 29/5/2017).

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Luật Thủ đô và văn bản quy định chi tiết

Việc tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Luật Thủ đô và các văn bản quy định chi tiết đã được các cấp ủy Đảng, các cấp chính quyền, các ngành, đoàn thể, hệ thống chính trị của Thành phố thực hiện kịp thời, có trọng tâm, trọng điểm. Hằng năm, Thành phố triển khai tuyên truyền với nhiều hình thức đa dạng, thường xuyên, liên tục³; 100% các sở, ban, ngành, đoàn thể và 30/30 quận, huyện, thị xã đã tổ chức hội nghị quán triệt Luật Thủ đô và các văn bản quy định chi tiết cho đối tượng cán bộ chủ chốt, công chức, viên chức và Nhân dân trên địa bàn. Thông qua đó, ý thức chấp hành, nhận thức về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, người dân Thủ đô trong việc xây dựng và phát triển Thủ đô được nâng cao. UBND Thành phố đã phối hợp với Bộ Tư pháp tập hợp các tư liệu để xây dựng Bộ kỹ yếu Luật Thủ đô nhằm phục vụ nhu cầu tìm hiểu của cán bộ, Nhân dân.

3. Tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành Luật

Trong thời gian qua, UBND Thành phố đã tích cực, chủ động, phối hợp với các Bộ, ngành trong việc soạn thảo các văn bản QPPL quy định chi tiết thi hành Luật để trình cấp có thẩm quyền ban hành bảo đảm có hiệu lực cùng với thời điểm có hiệu lực của Luật Thủ đô (ngày 01/7/2013). Các văn bản đã được ban hành bảo đảm đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức liên quan trong quá trình soạn thảo; kịp thời được kiểm tra,

³ Đã tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, in ấn và cấp phát tài liệu, trên các báo, đài, hệ thống truyền thanh cơ sở, trên Cổng/Trang thông tin điện tử, pa nô, áp phích, khẩu hiệu, băng tin, hoạt động tư vấn, hướng dẫn, cung cấp thông tin, tài liệu pháp luật, hoạt động tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, hoạt động trợ giúp pháp lý, các buổi sinh hoạt đoàn thể, các buổi họp tổ dân phố, hội diễn văn nghệ,... Tổ chức 1.990 hội nghị, hội thảo, tọa đàm cho 262.658 lượt người tham dự; in ấn và phát hành 730.000 cuốn Luật Thủ đô và các văn bản cụ thể hóa Luật Thủ đô, 20.584 cuốn "Hỏi – đáp một số quy định của pháp luật về Luật Thủ đô", 118.625 cuốn Luật Thủ đô, 39.785 tờ gấp tìm hiểu Luật Thủ đô; phát 7.168 buổi tuyên truyền Luật Thủ đô và các văn bản quy định chi tiết trên hệ thống truyền thanh cơ sở; 1.600 pa nô, áp phích; tổ chức 31 cuộc trợ giúp pháp lý cho 3.291 lượt người; đăng tải Luật Thủ đô và các văn bản quy định chi tiết, 225 tin, bài liên quan triển khai thi hành Luật trên Cổng/Trang thông tin điện tử cơ quan, đơn vị; Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội, các Báo: Hà Nội Mới, Pháp luật và Xã hội, Kinh tế và Đô thị, Đài Phát thanh quận, huyện, thị xã đã đăng tải các phóng sự, tin bài phản ánh về công tác triển khai Luật Thủ đô, chuyên mục tuyên truyền sâu về Luật Thủ đô; tuyên truyền, quảng bá sâu rộng các Nghị quyết của HĐND Thành phố lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành, địa phương (Thông qua Hội chợ giới thiệu sản phẩm làng nghề tuyên truyền Nghị quyết số 24/2013/NQ-HĐND; thông qua công tác giải phóng mặt bằng tuyên truyền nội dung Nghị quyết số 09/2013/NQ-HĐND,...).

rà soát, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tiễn. Do đó, về cơ bản, các văn bản thuộc thẩm quyền của thành phố Hà Nội được ban hành kịp thời, đúng trình tự, thủ tục, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất về cơ chế chính sách xây dựng, phát triển, quản lý và bảo vệ Thủ đô.

Theo quy định của Luật Thủ đô và Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 25/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Thủ đô, có 22 nội dung được giao các cấp có thẩm quyền quy định chi tiết. Trong đó, 01 nội dung được giao cho Chính phủ, 05 nội dung được giao cho Thủ tướng Chính phủ, 01 nội dung được giao cho Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, 13 nội dung được giao cho HĐND Thành phố và 03 nội dung được giao cho UBND thành phố Hà Nội quy định. Đến nay, đã có 19/22 nội dung được các cơ quan ban hành (trong 23 văn bản) đề quy định chi tiết. 03/22 nội dung còn lại đang được các cơ quan nghiên cứu, soạn thảo để trình cấp có thẩm quyền ban hành, trong đó: 02 nội dung do Thủ tướng Chính phủ quy định và 01 nội dung thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND thành phố Hà Nội⁴.

a) Nội dung thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND, UBND thành phố Hà Nội

Tại kỳ họp tháng 7/2013, HĐND Thành phố đã thông qua 11 Nghị quyết, UBND Thành phố ban hành 02 Quyết định đảm bảo các văn bản này có hiệu lực cùng thời điểm Luật Thủ đô có hiệu lực. Có 03 văn bản được ban hành sau thời điểm Luật Thủ đô có hiệu lực.

Ngoài những nội dung Luật Thủ đô giao, HĐND, UBND thành phố Hà Nội đã ban hành 05 Nghị quyết để bổ sung và sửa đổi các quy định có liên quan nhằm bảo đảm thi hành Luật Thủ đô. Tính đến tháng 11/2021, thành phố Hà Nội đã ban hành 17 Nghị quyết, 11 Quyết định nhằm kịp thời cụ thể hoá quy định của Luật Thủ đô. Đồng thời, UBND Thành phố đã ban hành 22 Quyết định triển khai thi hành các Nghị quyết của HĐND Thành phố và những nội dung có liên quan. (Chi tiết Phụ lục số 02 kèm theo).

b) Công tác phối hợp xây dựng các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

Theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 25/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ, có 03 nội dung thuộc thẩm quyền ban hành của Thủ tướng Chính phủ và 01 nội dung thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Thành phố đã chỉ đạo các ngành chức năng chủ động phối hợp với các Bộ, ngành trình Thủ tướng Chính phủ hoặc ban hành theo thẩm quyền các nội dung được giao trong Luật Thủ đô, cụ thể như sau:

- *Quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch, kiến trúc đối với khu vực cải tạo, tái thiết đô thị tại các quận: Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa và Hai Bà Trưng* (Theo quy định tại Khoản 3, Điều 10 Luật Thủ đô, UBND thành phố Hà Nội có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Bộ Xây dựng dự thảo), đến nay, Thành phố đã xin ý

⁴ Nội dung Nghị quyết quy định tăng mức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đã hoàn thành việc xây dựng dự thảo và sẽ được HĐND Thành phố thông qua trong kỳ họp cuối năm 2021.

kiến thống nhất với các Bộ, ngành Trung ương và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét ban hành.

- *Quy định về biện pháp, lộ trình di dời và việc sử dụng quỹ đất sau khi di dời một số cơ sở sản xuất công nghiệp, một số bệnh viện, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, đơn vị trong nội thành Hà Nội (Khoản 1 Điều 9 và Khoản 4 Điều 15):* UBND Thành phố đã phối hợp với Bộ Xây dựng chủ trì xây dựng dự thảo và được Thủ tướng Chính phủ ban hành bằng Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 23/1/2015 về biện pháp, lộ trình di dời và việc sử dụng quỹ đất sau khi di dời cơ sở sản xuất công nghiệp, bệnh viện, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, đơn vị trong nội thành Hà Nội.

- *Quy định quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trên địa bàn Thủ đô Hà Nội (Khoản 3 Điều 14):* Trên cơ sở đề nghị của UBND Thành phố, ngày 05/9/2014 Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư số 51/2014/TT-BTNMT quy định quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

c) Đối với các văn bản quy định chi tiết khác

Bên cạnh các VBQPPL được giao quy định chi tiết theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 25/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ, Luật Thủ đô còn giao Chính phủ quy định cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong vùng Thủ đô để thi hành các quy định của pháp luật về Thủ đô (Khoản 2 Điều 23 Luật Thủ đô); đến nay, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 91/2021/NĐ-CP ngày 21/10/2021 quy định về cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô để thi hành các quy định của pháp luật về Thủ đô. Luật Thủ đô cũng giao Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng nghề trên địa bàn Thủ đô theo nguyên tắc tập trung đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho Thủ đô và cả nước (Khoản 2 Điều 12 Luật Thủ đô). Tuy nhiên, đến nay các công việc này chưa được thực hiện. Điều này phần nào ảnh hưởng đến kết quả thi hành Luật Thủ đô trên thực tế.

4. Công tác kiểm tra, rà soát, giám sát văn bản quy định chi tiết Luật Thủ đô

Công tác kiểm tra, giám sát văn bản đã được HĐND, UBND thành phố Hà Nội quan tâm, thực hiện. Theo đó, HĐND và UBND thành phố Hà Nội đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn chủ động tham mưu, giúp HĐND, UBND kịp thời thực hiện việc tự kiểm tra, rà soát đối với 100% Nghị quyết của HĐND, Quyết định của UBND Thành phố. Kết quả tự kiểm tra cho thấy các Nghị quyết, Quyết định quy định chi tiết thi hành Luật Thủ đô đều được ban hành đúng thẩm quyền, nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật. Qua rà soát, có 02 Nghị quyết của HĐND đã được đề nghị sửa đổi, bổ sung kịp thời.

HĐND Thành phố thường xuyên thực hiện hoạt động giám sát đối với UBND Thành phố và các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện các quy định

của Luật Thủ đô và Nghị quyết HĐND thông qua các hoạt động chất vấn tại các kỳ họp, các hoạt động giám sát, khảo sát theo chuyên đề của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND và đại biểu HĐND Thành phố. Chủ đề chất vấn (tại các kỳ họp), giám sát, khảo sát chuyên đề của HĐND Thành phố được lựa chọn trên cơ sở các quy định của Luật Thủ đô như: việc thực hiện quy định về trường chất lượng cao; quản lý, sử dụng biệt thự, nhà thuộc sở hữu nhà nước; cải tạo, xây dựng chung cư cũ, phát triển hệ thống vận tải, hành khách công cộng, việc triển khai các biện pháp bảo đảm thực hiện quy hoạch chung xây dựng Thủ đô, xử phạt lĩnh vực đất đai, xây dựng, vi phạm về an toàn phòng cháy chữa cháy... được dư luận cử tri và Nhân dân Thủ đô đồng tình, đánh giá cao.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội đã xây dựng, triển khai kế hoạch giám sát, phản biện xã hội, tham gia góp ý từ giai đoạn xây dựng Luật Thủ đô, giám sát, phản biện, góp ý đối với việc xây dựng các Nghị quyết của HĐND Thành phố quy định chi tiết thi hành Luật Thủ đô. Hoạt động giám sát, phản biện xã hội được chú trọng, thực hiện thường xuyên, liên tục⁵. Hà Nội là địa phương đầu tiên trong cả nước xây dựng Quy chế tổ chức và phản biện xã hội. Trong quá trình thi hành Luật và các văn bản quy định chi tiết, Mặt trận tổ quốc Việt Nam đã tổ chức các đoàn giám sát để đánh giá tình hình thi hành, hiệu lực, hiệu quả, tác động của Luật đối với đời sống kinh tế - xã hội của Thủ đô.

Công tác kiểm tra, giám sát cho thấy, các quy định của Luật Thủ đô và văn bản quy định chi tiết đều được các cấp, các ngành Thành phố tổ chức thực hiện nghiêm túc, có tác động tích cực tới sự phát triển của Thủ đô. Các kiến nghị từ hoạt động kiểm tra, giám sát còn là cơ sở quan trọng để Thành phố chỉ đạo các cấp, các ngành kịp thời khắc phục hạn chế, yếu kém trong quản lý nhà nước nói chung và trong việc thực hiện Luật Thủ đô nói riêng.

II. NHỮNG KẾT QUẢ CHỦ YẾU SAU 08 NĂM THI HÀNH LUẬT THỦ ĐÔ VÀ CÁC VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT

Luật Thủ đô và các văn bản quy định chi tiết của Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương và Thành phố được ban hành đã góp phần tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của chính quyền và Nhân dân Thành phố về vị trí, vai trò và định hướng xây dựng, phát triển Thủ đô. Các cơ chế, chính sách được ban hành đã và đang từng bước đi vào cuộc sống, có tác động tích cực tới sự phát triển kinh tế - xã hội và quản lý nhà nước trên địa bàn Thủ đô. Kết quả tổ chức thi hành Luật Thủ đô cụ thể như sau:

1. Về những quy định chung của Luật Thủ đô

a) Phạm vi điều chỉnh của Luật

Bám sát phạm vi điều chỉnh của Luật Thủ đô (Điều 1), trong những năm qua, việc ban hành các văn bản quy định chi tiết được xây dựng phù hợp với quy định của Luật Thủ đô và các đạo luật có liên quan, tạo cơ sở pháp lý tập trung

⁵ UBMTTQ Việt Nam từ Thành phố đến cơ sở đã thực hiện 8.856 đoàn giám sát, tổ chức 3.631 hội nghị phản biện xã hội đối với các dự thảo VBQPPL của Trung ương, Thành phố.

giải quyết những vấn đề bức xúc của Thủ đô. Trong tổ chức thi hành Luật và các văn bản chi tiết, Thành phố luôn đảm bảo triển khai thi hành những cơ chế đặc thù theo Luật Thủ đô phù hợp với quy định của Hiến pháp, và bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành.

b) Về vị trí, vai trò của Thủ đô; Trách nhiệm xây dựng, phát triển và bảo vệ Thủ đô; Trách nhiệm của Thủ đô với cả nước

Trên cơ sở quy định tại Điều 144 của Hiến pháp năm 1992, Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 6/01/2012 của Bộ Chính trị, Luật Thủ đô năm 2012 (Điều 2) xác định Thủ đô Hà Nội là: “*Trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, nơi đặt trụ sở của các cơ quan trung ương của Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế; là trung tâm lớn về văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ, kinh tế và giao dịch quốc tế của cả nước*” và “*Trụ sở cơ quan trung ương Đảng, Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ đặt tại khu vực Ba Đình thành phố Hà Nội.*”. Nhận thức rõ vị trí, vai trò của Thủ đô, trách nhiệm xây dựng, phát triển và bảo vệ Thủ đô, tiếp tục phát huy truyền thống Thủ đô ngàn năm văn hiến, anh hùng, vì hòa bình, Thành phố sáng tạo, Đảng bộ, chính quyền, Nhân dân Thủ đô đã nỗ lực, cố gắng trong việc xây dựng, phát triển mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội và bảo vệ Thủ đô:

Kinh tế Thủ đô đạt tốc độ tăng trưởng khá, đạt mức cao so với bình quân chung cả nước, cơ cấu chuyển dịch tích cực; năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh được cải thiện, là động lực cho phát triển kinh tế vùng đồng bằng sông Hồng.

Văn hóa - xã hội tiếp tục phát triển, đạt nhiều kết quả quan trọng, nhất là về phát triển văn hóa, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh; giữ gìn và phát huy những giá trị văn hoá tiêu biểu của Thăng Long - Hà Nội; mở rộng quy mô đi đôi với nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo⁶, y tế; Phát triển khoa học - công nghệ được đẩy mạnh, gắn kết với sản xuất, kinh doanh; giải quyết việc làm, giảm tỉ lệ hộ nghèo và bảo đảm an sinh xã hội⁷. Đời sống của người dân Thủ đô, đặc biệt là ở vùng nông thôn, xa trung tâm được cải thiện rõ rệt.

Hệ thống chính trị được củng cố, tăng cường; năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của các cấp chính quyền được nâng cao, nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân có những đổi mới, hướng về cơ sở. giải quyết tốt những vấn đề xã hội.

Thành phố tiếp tục giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh. Bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu trọng điểm, hoạt động của các cơ quan Trung ương và quốc tế, các sự kiện chính

⁶ Giáo dục và đào tạo tiếp tục dẫn đầu cả nước về quy mô, mạng lưới trường lớp, về chất lượng giáo dục, về số học sinh đạt giải cao trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, quốc tế. Tỷ lệ trường chuẩn quốc gia năm 2020 đạt 75%.

⁷ Thành phố cơ bản không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 90,1%.

trị, ngoại giao, văn hóa diễn ra trên địa bàn. Thành phố triển khai, hoàn thành toàn diện các nhiệm vụ quốc phòng - an ninh. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang Thủ đô vững mạnh toàn diện.

Quan hệ đối ngoại, hội nhập, hợp tác phát triển được mở rộng, tạo dấu ấn quan trọng, nâng cao uy tín, vị thế của Thủ đô trong khu vực và trên thế giới. Tăng cường quảng bá văn hóa, giao lưu hữu nghị, góp phần thúc đẩy hoạt động xúc tiến thương mại, thu hút đầu tư nước ngoài. Đến nay, Hà Nội đã có quan hệ hữu nghị, hợp tác với hơn 100 thủ đô và thành phố lớn trên thế giới. Duy trì và phát huy vai trò tích cực trong các khuôn khổ hợp tác đa phương với vai trò thành viên của các tổ chức liên đô thị quốc tế⁸. Đặc biệt sau kỷ niệm 20 năm “Thành phố vì hòa bình”, Hà Nội đã được UNESCO vinh danh danh hiệu “Thành phố thiết kế sáng tạo” trong mạng lưới “Thành phố sáng tạo”. Đây là cơ hội thuận lợi cho Thành phố định vị thương hiệu, quảng bá hình ảnh và đưa Hà Nội trở thành Thành phố sáng tạo của khu vực Đông Nam Á, điểm đến của tri thức và sáng tạo trên thế giới.

Phát huy tinh thần “Hà Nội vì cả nước, cùng cả nước”, Thành phố đã chủ động phối hợp và hỗ trợ các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong Vùng Thủ đô và cả nước thông qua việc mở rộng các hình thức liên kết, hợp tác cùng phát triển. Thành phố đã hỗ trợ các hoạt động an sinh xã hội, khắc phục thiên tai ở các tỉnh, thành phố bạn với kinh phí trên 170 tỷ đồng; hỗ trợ xây dựng các công trình văn hóa, giáo dục với kinh phí trên 240 tỷ đồng... Thỏa thuận hợp tác với trên 50 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, thúc đẩy hợp tác phát triển trong nhiều lĩnh vực như du lịch, công nghiệp, dịch vụ, thương mại, đầu tư, văn hóa, xã hội... Tổ chức tốt các hoạt động quảng bá văn hóa đặc sắc và hoạt động kinh tế của nhiều vùng miền, địa phương tại Thủ đô và của Thủ đô tại các tỉnh, thành phố trong cả nước.

c) Về biểu tượng của Thủ đô Hà Nội

Theo quy định của Luật Thủ đô (Điều 6), biểu tượng của Thủ đô là hình ảnh Khuê Văn Các tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám. Biểu tượng này đã được toàn Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Thủ đô đặc biệt coi trọng, giữ gìn, phát huy. Hình ảnh Khuê Văn Các thường xuyên xuất hiện trong các tất cả sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa và đời sống của Thủ đô, được tuyên truyền, giáo dục gắn với xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh, giữ gìn và phát huy những giá trị văn hoá tiêu biểu của Thăng Long - Hà Nội. Biểu tượng này cũng được truyền thông rộng rãi nhằm định vị, quảng bá hình ảnh của Thủ đô ra thế giới. Có thể nói, hình ảnh Khuê Văn Các đã được khắc họa sâu đậm trong nhận thức, tình cảm, lòng tự hào của mọi người dân Thủ đô, là biểu trưng truyền thống Thủ đô ngàn năm văn hiến, có giá trị trường tồn.

⁸ Tổ chức thành phố thông minh bền vững thế giới (WeGO), Mạng lưới chính quyền địa phương về quản lý dân cư (CityNet), Nhóm các thành phố dẫn đầu về chống biến đổi khí hậu (C40), Tổ chức quốc tế Pháp ngữ (OIF), Hiệp hội quốc tế các thị trường thành phố nổi tiếng Pháp (AIMF), Hiệp hội các thành phố lớn thế giới (Metropolis)...

2. Về danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô (Điều 7)

Triển khai quy định về danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô tại Điều 7 Luật Thủ đô, HĐND Thành phố đã ban hành Nghị quyết 10/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013. Từ năm 2013 đến nay, UBND Thành phố đã xét tặng danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô cho 17 cá nhân là người nước ngoài có thành tích đóng góp vào sự nghiệp xây dựng, phát triển Thủ đô, vì mục tiêu hòa bình và tiến bộ xã hội. Quá trình xét tặng đảm bảo quy trình, thủ tục và đảm bảo tiêu chuẩn, việc xin ý kiến của Đại sứ quán, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an và các bộ, ngành có liên quan đến thành tích các cá nhân đề nghị xét danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô được sự đồng thuận cao. Việc tổ chức trao tặng danh hiệu được tổ chức trong nước và tại nước ngoài nơi cá nhân đang cư trú, trong đó: trao tặng trong nước cho 10 cá nhân; trao tặng tại nước ngoài nơi cá nhân cư trú cho 07 cá nhân. Việc tổ chức trao tặng trang trọng, đảm bảo đúng nghi thức ngoại giao.

Thực tiễn triển khai cho thấy nội dung của Điều 7 Luật Thủ đô và Nghị quyết 10/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của HĐND Thành phố nhìn chung là phù hợp. Việc xét tặng danh hiệu đã động viên khuyến khích người nước ngoài có thêm động lực đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển Thủ đô.

3. Về quy hoạch xây dựng, phát triển Thủ đô và biện pháp bảo đảm thực hiện quy hoạch (Điều 8, Điều 9 Luật Thủ đô)

Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 (*sau đây gọi tắt là Quy hoạch chung xây dựng*). Cùng với Luật Quy hoạch đô thị, Luật Xây dựng, Luật Thủ đô đã thiết lập cơ sở pháp lý nhằm bảo đảm tính thống nhất của các quy hoạch, phải phù hợp với Quy hoạch chung xây dựng. Kết quả trong 8 năm qua, tỷ lệ diện tích phủ kín của các quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch phân khu đạt 94,84% (*trong đó quy hoạch chung xây dựng đạt 97,73%, quy hoạch phân khu đạt 83,51%*). Chất lượng quy hoạch được nâng cao, tạo lập không gian kiến trúc, cảnh quan Thủ đô văn minh, hiện đại, bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa, lịch sử. Thành phố đã tổ chức nghiên cứu lập một số quy hoạch đặc thù như: Hệ thống không gian ngầm; Làng nghề truyền thống kết hợp du lịch; Ga Hà Nội và các khu vực phụ cận,... Quản lý quy hoạch được chú trọng, ngày càng chặt chẽ, đạt kết quả tích cực, cụ thể:

a) Triển khai xây dựng các quy hoạch xây dựng, phát triển Thủ đô

Công tác quy hoạch, phát triển không gian, xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật được thành phố Hà Nội đặc biệt chú trọng. Đây là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong hoạch định và xây dựng Thủ đô, Thành phố đã xây dựng 38 quy hoạch phân khu, trong đó 36/38 đồ án quy hoạch phân khu đã được duyệt (Trung ương duyệt 03/03 đồ án, Thành phố duyệt 33/36 đồ án), 32/32 đồ án quy hoạch chung xây dựng với tổng diện tích 284.217 ha trong đó có quy hoạch 5 đô thị vệ tinh (Sóc Sơn, Sơn Tây, Hoà Lạc, Xuân Mai và Phú Xuyên) đã được phê duyệt.

Việc xây dựng, phát triển không gian đô thị đã đạt một số kết quả tích cực. Tổng diện tích sàn nhà ở đã phát triển giai đoạn 2016-2020 đạt 25,3 triệu m² (bình quân 27,25 m²/người). Tập trung đầu tư chuẩn bị các điều kiện để thành lập các quận mới⁹, tỷ lệ đô thị hóa đạt 49,2%. Các khu đô thị mới hiện đại, văn minh¹⁰ đã tạo diện mạo mới cho Thủ đô. Thành phố Hà Nội cũng đẩy mạnh phát triển vùng đô thị mở rộng lên phía Bắc với một số dự án trọng điểm như công viên Kim Quy, trung tâm hội chợ triển lãm quốc gia (huyện Đông Anh). Hiện tại UBND thành phố Hà Nội đang xúc tiến kêu gọi nhà đầu tư phát triển Thành phố thông minh khu vực hai bên tuyến đường Nhật Tân - Nội Bài.

Thành phố Hà Nội phối hợp các bộ, ngành trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt 08/09 đồ án Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật Thủ đô Hà Nội¹¹, hiện còn quy hoạch chiếu sáng đô thị đang trình phê duyệt. Thành phố cũng đã thực hiện phê duyệt các quy hoạch chuyên ngành trên địa bàn Thủ đô¹².

Việc lập, phê duyệt quy hoạch và xây dựng không gian đô thị đảm bảo nguyên tắc công khai, đồng bộ, ổn định, lâu dài theo quy định tại Điều 8 Luật Thủ đô và Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

b) Về các biện pháp bảo đảm thực hiện quy hoạch

Thực hiện quy định tại Khoản 1 Điều 9 Luật Thủ đô trong nội thành không mở rộng diện tích sử dụng đất và quy mô giường bệnh của các bệnh viện hiện có; không xây dựng mới khu công nghiệp, cơ sở công nghiệp ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Thành phố Hà Nội không xem xét giải quyết các trường hợp mở rộng diện tích sử dụng đất và quy mô giường bệnh của các bệnh viện hiện có; không xây dựng mới các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp (chỉ chấp thuận một số dự

⁹ Từ các huyện: Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng.

¹⁰ Như: Văn Quán, Mỹ Đình, Mộ Lao, ParkCity Hà Nội, An Khánh, Vinhomes Smartcity... về phía Tây; Việt Hưng, Vinhomes Riverside, Vinhomes Oceanpark về phía Đông; Linh Đàm, Garmuda về phía Nam; Tây Hồ Tây, Ciputra về phía Bắc... cùng với các khu đô thị mới trong vành đai 3 như Royal City, Times City, Trung Hòa Nhân Chính.

¹¹ (1) Quyết định số 499/QĐ-TTg ngày 21/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch cấp nước Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (2) Quyết định số 725/QĐ-TTg ngày 10/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thoát nước Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (3) Quyết định số 496/QĐ-TTg ngày 08/04/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch nghĩa trang Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (4) Quyết định số 609/QĐ-TTg ngày 25/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch xử lý chất thải rắn Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (5) Quyết định số 519/QĐ-TTg ngày 31/03/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch giao thông vận tải Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050."

¹² Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quy hoạch phát triển điện lực thành phố Hà Nội giai đoạn 2016 - 2025, có xét đến năm 2035; Quy hoạch bến xe, bãi đỗ xe, trung tâm tiếp vận và trạm dừng nghỉ trên địa bàn Thành phố đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch quảng cáo ngoài trời trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quy hoạch phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

án cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất, chất lượng phục vụ, không tăng giường bệnh như bệnh viện Bạch Mai, Việt Đức...).

Đối với công tác di dời các cơ quan, đơn vị, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục theo Quyết định 130/QĐ-TTg: đến nay, các Bộ được giao nhiệm vụ chưa trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt danh mục, tiêu chí, lộ trình và biện pháp, cơ chế tài chính về di dời các cơ quan, đơn vị, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục cần phải di dời ra ngoài khu vực nội thành. Đối với quy hoạch xây dựng hệ thống trụ sở làm việc của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan Trung ương của các đoàn thể tại Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, Bộ Xây dựng đang chủ trì lập theo nhiệm vụ Quy hoạch được phê duyệt tại Quyết định số 837/QĐ-TTg ngày 04/6/2014 và phê duyệt điều chỉnh theo Quyết định số 658/QĐ-TTg ngày 19/5/2020. Trong quá trình xây dựng nhiệm vụ, UBND Thành phố đã có văn bản tham gia ý kiến.

Thành phố cũng đã xem xét, giới thiệu địa điểm đầu tư xây dựng các cơ sở bệnh viện, cơ sở giáo dục, các cơ quan đơn vị để phục vụ di dời theo nhu cầu thực tiễn của các Bộ ngành, như: Các bệnh viện đã và đang thực hiện di dời 08 cơ sở, trong đó 02 cơ sở đã đi vào sử dụng (Bệnh viện K cơ sở 2 và Bệnh viện Nội tiết Trung ương), tuy nhiên vẫn duy trì cơ sở cũ; Thành phố đã bố trí quỹ đất dành cho các trường đại học tập trung tại các đô thị vệ tinh, đến nay mới triển khai xây dựng 01 dự án tại đô thị Hòa Lạc (Dự án ĐTXD Đại học quốc gia Hà Nội – quy mô hơn 1.000 ha) và đã thực hiện di dời 01 trường (Đại học Y tế công cộng). Thành phố cũng đã bố trí quỹ đất phục vụ di dời cho 09 cơ quan thuộc các Bộ và cơ quan ngang Bộ. Tuy nhiên, các khu đất sau di dời các đơn vị vẫn tiếp tục sử dụng, bàn giao cho cơ quan trung ương quản lý hoặc được chấp thuận chuyển mục đích sử dụng dựng đất (Đầu tư xây dựng dự án nhà ở, văn phòng, thương mại cao tầng).

Đối với việc di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp: UBND Thành phố đã thành lập Ban chỉ đạo công tác di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị (Quyết định số 1619/QĐ-UBND ngày 16/4/2015). Thành phố đã tổ chức việc quan trắc, phân tích đánh giá ô nhiễm môi trường tại các cơ sở có khả năng gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn 12 quận nội thành. Thành phố cũng đã rà soát, đối chiếu, xác định các cơ sở không phù hợp quy hoạch và dự kiến quy hoạch sử dụng đất sau khi di dời. Qua đó, Thành phố xác định lộ trình đến năm 2020 di dời 117 cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn 12 quận ra khỏi nội thành. Thành phố cũng đã tổ chức phân nhóm tiêu chí, thứ tự di dời (Di dời các cơ sở không phù hợp quy hoạch và gây ô nhiễm môi trường; Di dời các cơ sở không phù hợp quy hoạch tạo quỹ đất để Thành phố bổ sung công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật; Di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường...). Lộ trình di dời các cơ sở công nghiệp được xác định theo 04 giai đoạn. Giai đoạn 1: di dời các cơ sở công nghiệp trong 04 quận nội thành (Hoàn Kiếm, Ba Đình, Đống Đa, Hai Bà Trưng). Giai đoạn 2: di dời các cơ sở vừa gây ô nhiễm môi trường vừa không phù hợp quy hoạch. Giai đoạn 3: di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường. Giai đoạn 4: di dời các cơ sở còn lại. Hiện, Thành phố đang xem xét 21 dự án thuộc

diện di dời nhà máy ra khỏi khu vực nội thành, với diện tích chuyển mục đích sử dụng đất là 346.000 m²; trong đó diện tích xây dựng nhà ở là 141.862 m²; diện tích đất trường học là 39.136 m²; diện tích đất hạ tầng kỹ thuật là 150.258 m²; diện tích đất thương mại, dịch vụ là 11.238 m².

Thành phố đã bước đầu xây dựng cơ chế mang tính nguyên tắc chung áp dụng đối với từng loại đối tượng để hỗ trợ, khuyến khích thực hiện di dời, khai thác sử dụng quỹ đất tạo nguồn vốn tái đầu tư cho các cơ sở phải di dời.

Về quy hoạch chi tiết hai bên tuyến đường: Cùng với việc hoàn thành các đồ án quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch phân khu, Thành phố đã tổ chức rà soát, xây dựng danh mục đồ án đến năm 2020 gồm: 56 đồ án quy hoạch chi tiết hai bên tuyến đường (42 đồ án giao trước năm 2015), nhằm đảm bảo quy hoạch chi tiết trục đường mới trong đô thị theo quy định tại Khoản 2, Điều 9 Luật Thủ đô và Khoản 3, Điều 31 Luật Quy hoạch đô thị, phải đảm bảo phạm vi lập quy hoạch mở rộng mỗi bên khoảng 50m.

Sau khi Luật Thủ đô có hiệu lực, Thành phố đã phê duyệt một số đồ án quy hoạch chi tiết 2 bên tuyến đường: tuyến đường Nhật Tân - Nội Bài; tuyến đường 179 (đoạn quốc lộ 5 đến thôn Chu Xá, xã Kiêu Kỵ); tuyến đường Dốc Hội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam (trong đó đều đảm bảo phạm vi lập quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị).

4. Về quản lý không gian, kiến trúc cảnh quan và xây dựng đô thị (Điều 10 Luật Thủ đô)

a) Về quản lý không gian, kiến trúc cảnh quan

Khoản 1, Điều 10 Luật Thủ đô quy định không gian, kiến trúc, cảnh quan và xây dựng đô thị của Thủ đô phải được quản lý theo đồ án quy hoạch. Để triển khai thực hiện quy định của Luật, Thành phố ban hành các VBQPPL về quản lý xây dựng như: Quy định về việc cấp giấy phép quy hoạch; Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án và quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố; Quy định về cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch; Các quy chế về quản lý quy hoạch, gồm: Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc chung Thành phố; Quy chế quản lý Khu phố Cổ, phố cũ; Quy chế quản lý công trình cao tầng,...đồng thời, giao các đơn vị xây dựng, tổ chức thực hiện 35 quy chế khác về quy hoạch. Các quy định, quy chế được ban hành là công cụ, hành lang pháp lý để quản lý, kiểm soát quy hoạch phát triển đô thị theo định hướng Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô¹³.

Tính từ năm 2012 đến nay, Thành phố đã phê duyệt 150 quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị lập mới với tổng diện tích 8.995,9 ha và 64 quy hoạch chi tiết điều chỉnh tổng thể (tương đương lập mới) với tổng diện tích 3.706,6 ha chưa kể các

¹³ Nghị quyết số 17/2013/NQ-HĐND ngày 23/7/2013 và Nghị quyết số 24/2013/NQ-HĐND ngày 04/12/2013; Quyết định số 70/2014/QĐ-UBND ngày 12/9/2014; Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc Khu phố cổ (Quyết định số 6398/QĐ-UBND ngày 24/10/2013); Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc Khu phố cũ (Quyết định số 24/2015/QĐ-UBND ngày 13/8/2015); Quy chế quản lý kiến trúc công trình cao tầng khu vực nội đô (Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 04/4/2016).

chỉ giới đường đỏ, hồ sơ cắm mốc riêng. Tổ chức thi tuyển phương án kiến trúc Làng nghề Bát Tràng, Vạn Phúc, phương án kiến trúc các cầu, một số công trình kiến trúc quan trọng.... Thực hiện rà soát 642 đồ án, dự án trên địa bàn mở rộng; kiến nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép tiếp tục triển khai 329 đồ án, dự án đầu tư phù hợp với quy hoạch Hà Nội mở rộng. Hoàn thành việc rà soát, đề xuất cho dừng, giãn và hoãn, chuyển đổi mục đích đầu tư các dự án không phù hợp quy hoạch.

b) Về bảo tồn các công trình kiến trúc có giá trị

Thành phố đã ban hành Quy chế quản lý sử dụng nhà biệt thự xây dựng trước năm 1954 trên địa bàn Thành phố để triển khai thực hiện quy chế này, UBND Thành phố đã tổ chức xây dựng danh mục các công trình kiến trúc khác có giá trị, trình HĐND ban hành Nghị quyết 24/2013/NQ-HĐND. Tiến hành rà soát các biệt thự, công trình kiến trúc khác được xây dựng trước năm 1954 trong danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2008/NQ-HĐND và Nghị quyết 24/2013/NQ-HĐND. Ngày 04/7/2017, HĐND Thành phố đã ban hành Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND điều chỉnh danh mục biệt thự kèm theo Nghị quyết 18/2008/NQ-HĐND ngày 10/12/2008 về Đề án quản lý quỹ nhà biệt thự trên địa bàn thành phố Hà Nội. Thành phố tiếp tục công tác chỉnh trang, bảo tồn phố cổ, phát huy giá trị không gian đi bộ khu bảo tồn cấp 1 trong khu phố cổ (với 12 tuyến phố) kết nối với không gian đi bộ khu vực hồ Hoàn Kiếm đạt hiệu quả cao đáp ứng được yêu cầu của Nhân dân và khách du lịch.

UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 52/2013/QĐ-UBND ngày 28/11/2013 về Quy chế quản lý, sử dụng nhà biệt thự cũ được xây dựng từ trước năm 1954; ban hành Quyết định số 7177/QĐ-UBND ngày 28/11/2013 về danh mục 1.253 nhà biệt thự cũ được xây dựng từ trước năm 1954 gồm: 225 Biệt thự nhóm 1; 382 Biệt thự nhóm 2; 646 Biệt thự nhóm 3. Trong thời gian qua, Thành phố đã tiến hành rà soát, điều chỉnh danh mục bao gồm 1.219 biệt thự được chia làm 03 nhóm Nhóm 1 có 222 biệt thự; Nhóm 2 có 356 biệt thự; Nhóm 3 có 641 biệt thự. Đã xác định rõ trách nhiệm của các cấp chính quyền (UBND các quận Tây Hồ, Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa, Hai Bà Trưng và UBND các phường phải chịu trách nhiệm trước UBND Thành phố về việc các tổ chức, cá nhân tự ý phá dỡ, cải tạo, xây dựng không phép nhà biệt thự).

c) Về cải tạo chỉnh trang hai bên tuyến đường giao thông, thiết kế đô thị (theo Khoản 2, Khoản 3, Điều 10 Luật Thủ đô).

Để triển khai quy định này của Luật Thủ đô, căn cứ các quy định của Luật Quy hoạch đô thị và các văn bản hướng dẫn thi hành, UBND Thành phố đã giao Sở Quy hoạch - Kiến trúc tổ chức rà soát, xây dựng danh mục kế hoạch quy hoạch trung hạn và ngắn hạn, trình UBND Thành phố phê duyệt, trong đó danh mục đồ án đang tiếp tục thực hiện do UBND các quận, huyện, thị xã, Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội và Ban QLDA Đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Công nghiệp Thành phố gồm 84 đồ án; giao Sở Quy hoạch - Kiến trúc tổ chức thí điểm cải tạo chỉnh trang hai bên tuyến đường (vành đai 1, Lê Trọng Tấn, Nguyễn Đình Chiểu); Ban hành các văn bản chỉ đạo nhằm tăng cường quản lý

không gian, kiến trúc cảnh quan và xây dựng đô thị hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt các đồ án thiết kế đô thị riêng trên địa bàn Thành phố¹⁴.

Công tác chỉnh trang, nâng cấp đô thị được triển khai đồng bộ. Một số vườn hoa, công viên được cải tạo, xây mới; hệ thống cây xanh đô thị được tập trung đầu tư và phát triển gắn với hệ thống công viên, hồ nước tạo thành không gian xanh đô thị, phục vụ công cộng. Một số công trình được xây mới: công viên Yên Sở, Nhân Chính, Bắc Nam Mai Dịch, Chu Văn An (Giai đoạn 1), Vườn hoa 01/6 (Nguyễn Lương Bằng), Hàng Trống (42 Nhà Chung), Cổ Tân...; cải tạo, chỉnh trang công viên Thống Nhất, công viên Thủ Lệ, công viên Lê Nin, vườn hoa: Hồ Hoàn Kiếm, Mê Linh, Tây Sơn....và tiếp tục cải tạo, triển khai nâng cấp trong giai đoạn 2021-2025.

Nhiều tuyến phố được chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, nhiều tuyến phố có cáp điện, cáp viễn thông đi nổi được thanh thải, sắp xếp và bó gọn, hạ ngầm, tạo bộ mặt đô thị ngày càng khang trang và hiện đại. Đến nay công tác hạ ngầm các đường dây nổi đã thực hiện xong 359 tuyến của khoảng 600 phố, đạt khoảng 67% (trong đó phần ngân sách nhà nước đã thực hiện là 175 tuyến và đã hội hóa thực hiện 184/255); còn phải thực hiện hạ ngầm giai đoạn 2021 – 2025 là 300 tuyến phố. Cùng với đó, hệ thống chiếu sáng, trang trí đô thị được đầu tư chiều sâu, đảm bảo ngày càng sáng hơn, đẹp hơn.

d) Về xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật về quy hoạch kiến trúc tại khu vực 04 quận (theo Khoản 3 Điều 10 Luật Thủ đô)

Từ năm 2013, UBND Thành phố đã phối hợp với Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn Quốc gia (thuộc Bộ Xây dựng) tổ chức xây dựng dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật về quy hoạch kiến trúc tại khu vực các quận Ba Đình, Đống Đa, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng. Dự thảo Quy chuẩn đã bám sát quy định của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật có liên quan: đã tổ chức hội thảo, hội nghị lấy ý kiến chuyên gia, các cơ quan, đơn vị liên quan, các tổ chức xã hội nghề nghiệp; được đăng tải, lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử Thành phố. Dự thảo đã tổng hợp ý kiến của các Bộ, ngành. Trong quá trình xây dựng, Bộ Xây dựng nhiều lần có ý kiến trực tiếp tại các cuộc họp và ý kiến tại các văn bản. Việc xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật về quy hoạch kiến trúc tại khu vực 4 quận đã được thực hiện đúng quy trình, quy định, tuy nhiên thời gian xây dựng bị kéo dài, còn cần ý kiến thống nhất giữa Bộ Xây dựng và UBND Thành phố về một số vấn đề; đến nay, trên cơ sở thống nhất của các bộ, ngành, UBND Thành phố đã có tờ trình số 20/TTr-UBND ngày 27/1/2021 trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy chuẩn về quy hoạch kiến trúc tại khu vực 4 quận. Hiện nay, Bộ Xây dựng đang nghiên cứu thực hiện theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại

¹⁴ Công văn số 2340/UBND-XDGT ngày 22/4/2016 Về việc thiết kế hạ tầng kỹ thuật đảm bảo trật tự văn minh đô thị; Thông báo số 53/TB-VP ngày 15/3/2017, Thông báo số 269/TB-UBND ngày 19/3/2018 của UBND Thành phố về yêu cầu bố trí trồng cây xanh. . Chỉ đạo Sở Quy hoạch - Kiến trúc ban hành Hướng dẫn tạm thời về quản lý xây dựng, kiến trúc các công trình hai bên tuyến đường Vành đai 2 và các tuyến đường giao thông mới mở theo quy hoạch, phải tiến hành giải phóng mặt bằng trên địa bàn Thành phố; Hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt các đồ án thiết kế đô thị riêng trên địa bàn Thành phố Hà Nội theo phân cấp,...

Công văn số 1663/VPCP-CN ngày 15/3/2021.

5. Về bảo tồn và phát triển văn hoá (Điều 11)

a) Về tập trung nguồn lực để bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa

Thành phố coi trọng, xác định phát triển văn hóa, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh là trung tâm trong chính sách phát triển bền vững của Thủ đô. Giai đoạn 2016-2020, chi đầu tư phát triển văn hóa tăng 30% so với thời kỳ trước. Hà Nội là địa phương đầu tiên trở thành thành viên mạng lưới các Thành phố sáng tạo” của UNESCO. Thành phố đã triển khai và đạt được một số kết quả tích cực trong việc bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể của Thủ đô. Cụ thể: đã hoàn thành công tác chỉnh trang, bảo tồn mặt đứng tuyến phố chuyên kinh doanh Đông Nam được Lãn Ông; phố bích họa Phùng Hưng; phố sách Hà Nội; mở rộng không gian đi bộ với 26 tuyến phố khu vực Hồ Hoàn Kiếm và vùng phụ cận, tuyến phố đi bộ Trịnh Công Sơn, Tây Hồ đáp ứng nhu cầu của người dân và khách du lịch; triển khai Đề án đầu tư, tôn tạo bảo tồn và phát huy di tích Làng cổ Đường Lâm, Thị xã Sơn Tây giai đoạn 2014-2020¹⁵; đầu tư thực hiện dự án nạo vét Hồ Hoàn Kiếm; hoàn thành trùng tu, tôn tạo một số dự án chùa, đình¹⁶ và đang triển khai bảo tồn, tôn tạo các di tích tiêu biểu trên địa bàn khu vực phố cổ¹⁷; triển khai Đề án Trung tâm trưng bày giới thiệu sản phẩm cho các làng nghề¹⁸; tổ chức tập huấn, tư vấn về thiết kế sản phẩm, quản trị doanh nghiệp cho các làng nghề. Trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể, thành phố Hà Nội đã xây dựng kế hoạch bảo tồn những di sản tiêu biểu như: Đề án “Phát huy không gian Lễ hội Gióng”, bảo tồn hát múa Ai Lao...

Thành phố đã hoàn thành Đề án Tổng kiểm kê di tích toàn Thành phố, theo đó có 5.922 di tích (với 2.396 di tích đã được xếp hạng), 1.793 di sản văn hóa phi vật thể; trong đó 05 di sản thế giới là: Khu trung tâm Hoàng Thành Thăng Long Hà Nội, di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại Hội Gióng ở Đền Phù Đổng và Đền Sóc, nghi lễ và trò chơi Kéo co (nằm trong hồ sơ đa quốc gia gồm Việt Nam, Campuchia, Hàn Quốc, Philippines); di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp Hát Ca trù và Di sản tư liệu Thế giới Bia Văn Miếu Quốc Tử Giám; 17 di tích được xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt; 18 di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; 08 hiện vật, nhóm hiện vật (với 125 đơn vị hiện vật) được Thủ tướng Chính phủ công nhận là bảo vật quốc gia. Thành phố đã hoàn thành kiểm tra, khảo sát hiện trạng 149 di tích đã được xếp hạng, di tích lịch sử cách mạng kháng chiến có giá trị tiêu biểu xuống cấp nặng tại 22 quận, huyện, thị xã; đã thẩm định 13 dự án tu bổ, tôn tạo di tích và xem xét xếp hạng 12 di tích; rà soát xem xét tu sửa cấp thiết, chống xuống cấp 125 di tích xếp hạng quốc gia. Công tác vinh danh các nghệ nhân trong lĩnh vực Di sản văn hóa phi vật thể được quan tâm; Hà Nội dẫn đầu cả nước về số

¹⁵ Trong 02 năm 2014, 2015 đã đầu tư, cải tạo 10 nhà cổ, với tổng kinh phí là 10,709 tỷ đồng.

¹⁶ Kim Cổ, Đình Phả Trúc Lâm, Đình Đông Thành, Đình Tú Thị.

¹⁷ Quán chùa Huyền Thuyên, Chùa Vĩnh Trù, Đình Tân Khai - Chùa Thái Cam, Chùa Một Cột, Đền Bà Kiệu.

¹⁸ Gốm sứ Bát Tràng, sơn mài Hạ Thái, điêu khắc gỗ Sơn Đồng, dệt lụa Vạn Phúc...

lượng nghệ nhân trong lĩnh vực Di sản văn hóa phi vật thể được Nhà nước phong tặng.

Để nâng cao hiệu quả công tác quản lý, hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực văn hóa của Thủ đô, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1004/QĐ-TTg ngày 03/7/2015 phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Khu di tích thành Cổ Loa (tỷ lệ 1/2000); Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 975/QĐ-BXD ngày 21/8/2015 và Quyết định số 1481/QĐ-BXD ngày 28/12/2015 phê duyệt điều chỉnh bổ sung đồ án Quy hoạch chi tiết bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Khu di tích Trung tâm Hoàng Thành Thăng Long - Hà Nội (tỷ lệ 1/500). HĐND Thành phố đã phê duyệt danh mục phố cổ, làng cổ, làng nghề truyền thống tiêu biểu, biệt thự cũ, công trình kiến trúc xây dựng trước năm 1954 và di sản phi vật thể trên địa bàn Thủ đô. UBND Thành phố đã ban hành Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn Thành phố; Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc phố cổ Hà Nội.

b) Về chính sách khuyến khích đầu tư, huy động đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân vào việc xây dựng công trình văn hóa, công viên vườn hoa, khu vui chơi giải trí và bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn Thủ đô

Thành phố ban hành quy định về quy trình, tổ chức tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản huy động đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân vào việc xây dựng công viên, vườn hoa, khu vui chơi, giải trí, công trình văn hóa không có khả năng kinh doanh và bảo tồn, tôn tạo phát huy giá trị văn hóa trên địa bàn thành phố Hà Nội. Đến nay, đã huy động được gần 400 tỷ đồng cho việc bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử, văn hóa; công bố Danh mục các dự án dự kiến thu hút đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020 (đợt 1), trong đó có 11 dự án Công viên với tổng mức đầu tư 36.800 tỷ đồng (hiện 02 công trình là Dự án Công viên hồ và Hồ điều hòa CV1 tại khu đô thị mới Cầu Giấy với tổng mức đầu tư 938 tỷ đồng và Dự án Công viên văn hóa du lịch vui chơi giải trí Kim Quy với tổng mức đầu tư giai đoạn 1 là 4.600 tỷ đồng). Các làng nghề truyền thống; các loại hình văn hóa phi vật thể hiện đang được cộng đồng dân cư quan tâm, bảo tồn để phát triển kinh tế và du lịch.

6. Về phát triển Giáo dục và Đào tạo (Điều 12)

Trong thời gian qua, việc phát triển giáo dục và đào tạo của Thành phố đạt những kết quả tích cực: Giáo dục vào đào tạo của Thủ đô tiếp tục dẫn đầu cả nước về quy mô, mạng lưới trường lớp, về chất lượng giáo dục toàn diện, giáo dục mũi nhọn, về số học sinh đạt giải cao ở các kỳ thi quốc gia, quốc tế; 100% giáo viên đứng lớp đạt chuẩn, tỷ lệ trên chuẩn cao. Hợp tác quốc tế về giáo dục được đẩy mạnh. Cơ chế tự chủ gắn với xây dựng trường chất lượng cao được triển khai. Hạ tầng giáo dục và cơ sở vật chất phục vụ dạy và học được tập trung đầu tư, trang bị khá đồng bộ, hiện đại. Giáo dục nghề nghiệp có bước phát triển, tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 53,14% năm 2015 lên 70,2% năm 2020. Tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đào tạo 48% năm 2020.

a) Quy định thực hiện phổ cập và phát triển giáo dục mầm non, giáo dục

phổ thông đạt chuẩn quốc gia: Thành phố đã ban hành quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Hà Nội được công nhận hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở (THCS) mức độ 2, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 và hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi sớm trước thời hạn so với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo 02 năm và trước kế hoạch của Thành phố 01 năm.

Từ năm 2013 đến năm 2021, công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia các cấp học đều tăng hơn năm trước. Đến năm 2021, cấp học mầm non đạt 68,8%; cấp Tiểu học đạt 73,2%; cấp THCS đạt 76,9%; cấp trung học phổ thông (THPT) đạt 37,6%; trong đó, chỉ tiêu trường công lập đạt chuẩn quốc gia đạt 75% đã hoàn thành trước 2 năm so với Kế hoạch.

b) Việc thực hiện quy định xây dựng một số cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô: Tính đến tháng 3 năm 2021, toàn Thành phố có 22 trường chất lượng cao được công nhận, trong đó có 16 trường công lập và 06 trường ngoài công lập. Trong 16 trường công lập chất lượng cao có 07 trường mầm non, 03 trường tiểu học, 04 trường trung học cơ sở (THCS) và 02 trường trung học phổ thông (THPT). Trong năm 2020, UBND Thành phố đã phê duyệt Đề án trường chất lượng của 02 trường: THPT Kim Liên; THPT Phan Đình Phùng.

7. Phát triển khoa học và công nghệ (Điều 13)

a) Về phát triển khoa học công nghệ

Về phát triển khoa học công nghệ; thực hiện chính sách ưu đãi để áp dụng đối với tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển khoa học và công nghệ và các nhà khoa học và công nghệ tham gia thực hiện chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô: Thực hiện Luật Thủ đô và Nghị quyết số 04/2013/NQ-HĐND, Thành phố ban hành một số chủ trương, giải pháp phát triển đồng bộ các hoạt động khoa học và công nghệ¹⁹. Thành phố đã triển khai 631 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Thành phố (528 đề tài, 13 đề án khoa học, 90 dự án sản xuất thử nghiệm).

Hàng năm, Thành phố đã bố trí kinh phí chi sự nghiệp khoa học công nghệ đảm bảo việc thực hiện nhiệm vụ, chương trình về khoa học, công nghệ của Thành phố, với tỷ lệ không thấp hơn chỉ tiêu Trung ương giao²⁰. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Thành phố luôn được duy trì tối thiểu là 40 tỷ đồng. Thành phố đã hỗ trợ kinh phí từ 30% đến 50% cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân triển khai thực hiện 90 dự án sản xuất thử nghiệm với tổng kinh phí là

¹⁹ Quyết định số 3096/QĐ-UBND ngày 03/7/2015 phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô giai đoạn 2015 – 2020; Quyết định số 4308/QĐ-UBND ngày 18/8/2015 về việc thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ thành phố Hà Nội; Quyết định số 6714/QĐ-UBND ngày 16/12/2015 về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ thành phố Hà Nội; Quyết định số 6714/QĐ-UBND ngày 16/12/2015 về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ thành phố Hà Nội.

²⁰ Tổng kinh phí của 631 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố là 1.136.914 triệu đồng, trong đó kinh phí NSNN là 830.985 triệu đồng, vốn khác ngoài NSNN là 305.929 triệu đồng.

454.710 triệu đồng²¹. Kết quả của các đề tài, dự án đã được áp dụng với các mức độ và quy mô khác nhau, đem lại hiệu quả tốt trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh. Sản phẩm của các công trình nghiên cứu khoa học đã góp phần thúc đẩy đổi mới, nâng cao năng lực công nghệ và năng lực cạnh tranh trong quá trình hội nhập quốc tế, nâng cao năng lực quản lý của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố.

Bảo đảm phát huy tiềm năng, trí tuệ của các nhà khoa học và công nghệ; huy động sự tham gia, phối hợp của các viện nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức khoa học và công nghệ khác: Hà Nội có tiềm năng lớn về khoa học và công nghệ, có mạng lưới các tổ chức khoa học và công nghệ với nhiều loại hình tổ chức: cơ sở giáo dục đại học (124 trường đại học), viện nghiên cứu (113 viện chiếm khoảng 80% số viện nghiên cứu trong cả nước), phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia (14/17 phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia) với trình độ nhân lực cao. Từ năm 2013 đến nay đã có hơn 176 tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập (do các tổ chức xã hội, tổ chức-xã hội nghề nghiệp, doanh nghiệp, tổ chức khác, cá nhân thành lập) đăng ký hoạt động, phạm vi được mở rộng từ nghiên cứu, dịch vụ khoa học và công nghệ đến sản xuất thử nghiệm các kết quả nghiên cứu, sản xuất kinh doanh, đóng góp tích cực trong công tác xã hội hóa hoạt động khoa học và công nghệ.

Thành phố đã chủ động phát huy và tranh thủ các nguồn lực, trí tuệ của đội ngũ trí thức Thủ đô trên địa bàn tham gia vào các hội nghị, hội thảo, các hoạt động tư vấn, phản biện trong việc xây dựng hệ thống các cơ chế, chính sách về KH&CN và các hội đồng tư vấn, đánh giá, nghiệm thu kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Ban chủ nhiệm chương trình khoa học và công nghệ cấp Thành phố được tập hợp từ các nhà khoa học có uy tín, các cán bộ giữ các nhiệm vụ trọng trách trong lĩnh vực khoa học và công nghệ ở các Bộ, ngành, cơ quan trung ương và các sở, ngành trên địa bàn; Qua đó, đã tư vấn, phản biện có chất lượng, hiệu quả, giúp cho việc xét duyệt, lựa chọn nhiều đề tài, dự án có hàm lượng khoa học và tính thực tiễn cao. Bên cạnh đó, Thành phố đã mời các nhà quản lý, nhà khoa học có kinh nghiệm quản lý và chuyên môn ở trung ương và thành phố tham gia biên soạn bộ Bách khoa thư Hà Nội mở rộng.

Hoạt động của Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật Hà Nội có nhiều đổi mới, quy tụ được các nhà khoa học, đội ngũ trí thức thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, thường xuyên gắn bó với hoạt động khoa học và công nghệ của Thành phố trong hoạt động tư vấn, phản biện, xây dựng định hướng kế hoạch hoạt động, các cơ chế, chính sách nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ, chính sách sử dụng, trọng dụng và bồi dưỡng cán bộ khoa học trên địa bàn Thủ đô.

Hình thành một số mô hình Viện nghiên cứu, Trung tâm nghiên cứu trong các Tập đoàn, doanh nghiệp, đại học ngoài công lập, bệnh viện ngoài công lập. Điển hình là Trung tâm nghiên cứu chiếu sáng (thuộc Công ty CP bóng đèn

²¹ Trong đó: kinh phí nhà nước hỗ trợ là 158.371 triệu đồng; kinh phí đối ứng của đơn vị là 296.339 triệu đồng.

phích nước Rạng Đông), Viện Nghiên cứu tế bào gốc và công nghệ gen thuộc Công ty CP Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec, Viện Thực phẩm chức năng (thuộc Hiệp hội thực phẩm chức năng Việt Nam). Hình thành một số mô hình doanh nghiệp/cơ sở sản xuất trong viện nghiên cứu, trường đại học, góp phần đưa nhanh kết quả nghiên cứu vào sản xuất.

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Thành phố đã hợp tác với trên 30 quốc gia và vùng lãnh thổ trong đó có nhiều quốc gia phát triển có tiềm lực khoa học và công nghệ mạnh, như Đức, Pháp, Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc, Mỹ,... để tư vấn và chuyên gia, bồi dưỡng và đào tạo nhân lực, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, triển khai các hoạt động, chia sẻ, trao đổi thông tin khoa học và công nghệ.

Phát triển các dịch vụ khoa học và công nghệ; nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao, chuyển nhượng công nghệ tiên tiến, đặc biệt là công nghệ cao, công nghệ sạch trên địa bàn Hà Nội: Thành phố đã ban hành các cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu, đổi mới và nhập khẩu công nghệ từ nước ngoài; cơ chế chuyển giao miễn phí kết quả nghiên cứu cho các doanh nghiệp, đơn vị ứng dụng vào thực tiễn.

Thành phố đã chỉ đạo, tổ chức triển khai các chương trình hỗ trợ, sự kiện xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ. Điển hình là tổ chức Techmart và các hội nghị kết nối cung cầu. Từ năm 2013 đến nay, Thành phố đã phối hợp Bộ Khoa học và Công nghệ: đồng chủ trì 2 Techmart quy mô quốc gia và quốc tế; tích cực tham gia các Techmart và Techdemo quy mô vùng (Techmart Vùng Đồng bằng sông Hồng tại Thái Bình 2013, Khu vực Bắc Bộ tại Bắc Giang 2014, Vùng Đông Nam bộ tại Đồng Nai 2015); chủ trì tổ chức Chợ công nghệ và thiết bị Hà Nội (Techmart Hanoi) các năm 2014, 2016.

Với mục tiêu thúc đẩy phát triển các dịch vụ khoa học- công nghệ, thị trường khoa học và công nghệ, Thành phố đã phê duyệt 03 dự án: Dự án Trung tâm nghiên cứu chuyển giao công nghệ và Giám định công nghệ được xây dựng tại Khu công nghệ cao Hoà Lạc; Dự án Trung tâm giao dịch công nghệ thường xuyên được triển khai xây dựng tại phường Xuân La, quận Tây Hồ; Dự án Trung tâm công nghệ sinh học và công nghệ thực phẩm tại xã Mai Lâm, huyện Đông Anh²². Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện các dự án còn chậm; có dự án bị thay đổi, điều chỉnh khác xa mục tiêu ban đầu; có dự án phê duyệt nhiều năm nhưng chưa thực hiện.

Thành phố tổ chức Hội nghị giữa 3 nhà (nhà quản lý - nhà khoa học - nhà sản xuất, kinh doanh) nhằm tạo sự gắn kết giữa hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với quản lý và sản xuất kinh doanh; thúc đẩy việc chuyển giao các kết quả nghiên cứu, thành tựu khoa học và công nghệ vào thực tế quản lý, sản xuất kinh doanh; hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh.

²²Quyết định số 5092/QĐ-UBND ngày 31/10/2011 phê duyệt đầu tư Dự án Trung tâm nghiên cứu chuyển giao công nghệ và Giám định công nghệ; Quyết định số 4941/QĐ-UBND ngày 30/10/2012 phê duyệt đầu tư Dự án Trung tâm giao dịch công nghệ thường xuyên; Quyết định số 6525/QĐ-UBND ngày 30/10/2013 phê duyệt đầu tư Dự án Trung tâm công nghệ sinh học và công nghệ thực phẩm.

b) Về chính sách trọng dụng nhân tài

Thực hiện chính sách trọng dụng nhân tài theo Luật Thủ đô và Nghị quyết số 14/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của HĐND Thành phố về chính sách trọng dụng nhân tài trong xây dựng, phát triển Thủ đô, hằng năm Thành phố đã tổ chức Lễ tuyên dương các thủ khoa xuất sắc tốt nghiệp các trường đại học, học viện trên địa bàn Thủ đô tại Khu di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám. Từ năm 2013 đến nay, Thành phố đã quyết định tiếp nhận 55 thủ khoa xuất sắc vào làm việc tại các Sở, ban, ngành, quận, huyện, thị xã và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND Thành phố; tuyển dụng đặc cách đối với 77 vận động viên xuất sắc đạt Huy chương tại giải thi đấu thể thao quốc tế, nghệ sỹ Nhân dân, nghệ sỹ ưu tú vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp thuộc ngành Văn hóa – Thể thao Thành phố; thực hiện Đề án đào tạo, tuyển dụng bác sỹ nội trú cho ngành y tế Hà Nội đã tuyển dụng 32 bác sỹ nội trú tốt nghiệp Trường Đại học Y Hà Nội về công tác tại các bệnh viện thuộc Thành phố.

8. Quản lý và bảo vệ môi trường (Điều 14)

Thi hành Luật Thủ đô, UBND Thành phố đã phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trên địa bàn Thủ đô Hà Nội (quy chuẩn kỹ thuật về nước thải, khí thải) nghiêm ngặt hơn so với quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia, tạo cơ sở pháp lý cho việc bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội. Bên cạnh đó đã tập trung triển khai nhiều chương trình, dự án, đề án nhằm từng bước cải thiện môi trường Thủ đô, như:

- Triển khai thực hiện xử lý ô nhiễm môi trường nước và duy trì chất lượng nước các hồ đối 90 hồ tại khu vực nội thành và 44 hồ tại khu vực ngoại thành, quản lý duy trì bề thủy sinh trên 66 hồ; tăng cường công tác quản lý vệ sinh môi trường dọc các tuyến sông Tô Lịch, Kim Ngưu, Lừ, Sét, nạo vét duy tu duy trì hệ thống thoát nước lòng cống, mương nhằm giảm thiểu ô nhiễm. Việc thực hiện xử lý, duy trì chất lượng nước các hồ đã đem lại hiệu quả thiết thực cho cộng đồng, tạo ra một môi trường hồ xanh, sạch đẹp.

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường lưu vực sông (lưu vực sông Nhuệ, sông Đáy,...). Tiếp tục thực hiện công tác duy trì bề thủy sinh trên các sông, hồ nhằm tạo cảnh quan và góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường; đã xây dựng, vận hành có hiệu quả 06 nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt với tổng công suất khoảng 276.000m³/ngày đêm đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn môi trường, đáp ứng khoảng 28,8% tổng lưu lượng nước thải phát sinh²³. Hiện nay, Thành phố đang triển khai xây dựng Dự án xây dựng hệ thống thu gom và nhà máy xử lý nước thải Yên Xá công suất 270.000 m³/ngày đêm. Đầu tư xây dựng 03 dự án xử lý nước thải sinh hoạt và làng nghề (Dự án Nhà máy xử lý nước thải cụm làng nghề tại xã Dương Liễu, huyện Hoài Đức để

²³ Kim Liên: 3.700 m³/ngày đêm, Trúc Bạch: 2.300 m³/ngày đêm, Bảy Mẫu: 13.300 m³/ngày đêm, Nhà máy xử lý nước thải Yên Sở: 200.000 m³/ngày đêm, Bắc Thăng Long – Vân Trì: 42.000 m³/ngày đêm, Hồ Tây: 15.000 m³/ngày đêm đang xin nâng cấp lên thành 74.000 m³/ngày đêm

xử lý nước thải cho làng nghề 3 xã đầu nguồn sông Nhuệ; Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt và làng nghề huyện Hoài Đức,...).

- Đầu tư xây dựng các khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải công nghiệp và công nghiệp nguy hại (Khu liên hợp xử lý chất thải Nam Sơn giai đoạn II, Nhà máy điện rác Sóc Sơn công suất 4.000 tấn/ngày; kêu gọi đầu tư công nghệ hiện đại, chấp thuận chủ trương đầu tư một số nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại Khu xử lý chất thải Xuân Sơn; hợp tác với tổ chức NEDO thực hiện, hoàn thành dự án Lò đốt chất thải rắn công nghiệp, nguy hại phát điện công suất 75 tấn/ngày); Triển khai đề án xử lý chất thải y tế nguy hại; đề án thu gom xử lý chất thải nguy hại Thành phố; đề án bảo vệ môi trường làng nghề - 2020. Theo đó, đến nay 100% khu công nghiệp đang hoạt động đã xây dựng và vận hành trạm xử lý nước thải tập trung; 26/43 (đạt tỷ lệ 60,5%) Cụm công nghiệp đang hoạt động có trạm xử lý nước thải tập trung; 100% các bệnh viện tư nhân có hệ thống xử lý nước thải; 27/28 (đạt tỷ lệ 96,42%) bệnh viện do Thành phố quản lý có hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Tổ chức quản lý, vận hành ổn định, liên tục 35 trạm quan trắc không khí tự động trên địa bàn Thành phố và đẩy nhanh tiến độ triển khai Dự án Hệ thống mạng quan trắc môi trường với quy mô đầu tư mới: 33 trạm quan trắc không khí tự động; 06 trạm quan trắc nước mặt, 01 trạm quan trắc nước rác tại Khu liên hợp xử lý chất thải Nam Sơn; đã tiếp nhận, giám sát dữ liệu của 06 trạm quan trắc nước dưới đất; 37 trạm quan trắc nước thải, 02 trạm quan trắc khí thải của các khu, cụm công nghiệp và các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ lớn; 04 trạm quan trắc nước sạch; triển khai dự án đầu tư hoàn thiện mạng lưới quan trắc môi trường trong năm 2021. Xây dựng mô hình hóa nhằm cảnh báo, dự báo chất lượng không khí trên địa bàn Thành phố.

- Tăng cường đầu tư cơ giới hóa trong công tác duy trì vệ sinh môi trường, triển khai các giải pháp hạn chế phát sinh nguồn rác nơi công cộng, không để tồn đọng; tăng cường phân cấp quản lý đối với công tác thu gom, vận chuyển rác²⁴. Hiện nay, tỷ lệ thu gom rác thải sinh hoạt tại các quận trung tâm Thành phố đạt xấp xỉ 100%, tại các huyện ngoại thành đạt 88-89%. 100% rác thải sinh hoạt thu gom được xử lý đúng tiêu chuẩn. Tỷ lệ chất thải y tế nguy hại được thu gom và xử lý đạt 100%. Tỷ lệ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đã thống kê đạt khoảng 99%.

- Triển khai các Đề án: “Tăng cường quản lý phương tiện giao thông đường bộ nhằm giảm ùn tắc giao thông và ô nhiễm môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020 tầm nhìn 2030” đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định, số 5953/QĐ-UBND ngày 24/8/2017, Đề án chống ồn, chống bụi trên địa bàn Thành phố.

Công tác thanh tra, kiểm tra về môi trường được tập trung thực hiện, xử lý

²⁴ Thực hiện theo phương thức đấu thầu, trong đó giao cho UBND các quận, huyện, thị xã chủ động rà soát khối lượng, cân đối kinh phí để tổ chức lựa chọn nhà thầu và chịu trách nhiệm về duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn.

vi phạm hành chính với tổng số tiền phạt là 61,1 tỷ đồng; 03/03 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng mới phát sinh trên địa bàn hoàn thành việc xử lý ô nhiễm môi trường. Thành phố đã bước đầu hạn chế việc đốt rơm rạ, sử dụng bếp than tổ ong.

9. Quản lý đất đai (Điều 15)

a) Về quy hoạch sử dụng đất: Thực hiện quy định của Luật Thủ đô, UBND Thành phố đã trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 65/NQ-CP về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) thành phố Hà Nội, UBND Thành phố đã ban hành kế hoạch triển khai thực hiện²⁵, theo đó Thành phố phân bổ chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của Thành phố cho mỗi quận, huyện, thị xã làm cơ sở hoàn thiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020) cấp huyện. Tổ chức thẩm định, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện trong thời gian sớm nhất để cụ thể hóa nội dung điều chỉnh quy hoạch của Thành phố đã được phê duyệt; đáp ứng kịp thời cho yêu cầu về quản lý đất đai, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Việc tổ chức xây dựng, công bố công khai quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất, hệ thống thông tin địa lý, thông tin về địa chính, giá quyền sử dụng đất, giá cho thuê đất, thông tin về quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn Thủ đô đã được thực hiện nghiêm theo đúng quy định của Luật Thủ đô.

Trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, việc tổ chức thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất đã góp phần tạo nguồn thu ngân sách từ đất hàng năm khoảng 20.000 – 28.000 tỷ đồng, chiếm 15% - 18% tổng nguồn thu ngân sách thành phố, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng Thủ đô.

b) Về biện pháp đảm bảo việc thực hiện thu hồi đất, giải phóng mặt bằng kịp thời, đúng tiến độ đối với các dự án đầu tư quan trọng trên địa bàn Thủ đô:

Thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 15, Luật Thủ đô, HĐND Thành phố đã ban hành Nghị quyết số 09/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 về các biện pháp bảo đảm việc thực hiện thu hồi đất, giải phóng mặt bằng; ban hành Quyết định số 6239/QĐ-UBND ngày 15/10/2013 về việc quy định trình tự, thủ tục ban hành quyết định về kế hoạch tổ chức thực hiện thu hồi đất, khảo sát, điều tra, kiểm đếm, các biện pháp thu hồi đất, giải phóng mặt bằng và phân kỳ thu hồi đất, giao đất giải phóng mặt bằng. Về xây dựng giá quyền sử dụng đất, giá cho thuê đất được Thành phố chú trọng, xây dựng kịp thời, đúng nguyên tắc, phương pháp xác định giá đất²⁶; từng bước đảm bảo sự cân đối về giá đất đối với các khu vực

²⁵ Kế hoạch số 145/KH-UBND về việc triển khai thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) thành phố Hà Nội.

²⁶ HĐND Thành phố đã ban hành Nghị quyết số 14/2014/NQ-HĐND về giá các loại đất áp dụng từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2019 trên địa bàn thành phố Hà Nội; UBND Thành phố ban hành Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 quy định giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội

giáp ranh giữa quận nội thành với huyện ngoại thành, góp phần bình ổn giá nói chung, đồng thời bảo đảm nguyên tắc tiếp cận với giá đất trên thị trường. Đồng thời, Thành phố đã đẩy mạnh phân cấp trong công tác quản lý đất đai nói chung và phân cấp trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng nói riêng trên địa bàn Thủ đô. Từ đó, đã tạo hành lang pháp lý quan trọng, tháo gỡ được nhiều khó khăn vướng mắc trong công tác này, bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp và của người có đất bị thu hồi.

Đến nay, trên địa bàn Thành phố nhiều dự án trọng điểm đã hoàn thành công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng như: Dự án xây dựng cầu Nhật Tân và đường dẫn hai bên đầu cầu (Tây Hồ, Đông Anh); dự án xây dựng đường nối Nhật Tân - Nội Bài (Đông Anh, Sóc Sơn); dự án Đường sắt đô thị Hà Nội, tuyến Cát Linh - Hà Đông (Đống Đa, Thanh Xuân, Hà Đông); dự án xây dựng đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (Long Biên, Gia Lâm); dự án xây dựng Quốc lộ 3 mới, đoạn Hà Nội - Thái Nguyên (Gia Lâm, Đông Anh, Sóc Sơn); dự án xây dựng đường Vành đai 1, đoạn Ô Chợ Dừa - Hoàng Cầu (Đống Đa) và đoạn Ô Đông Mác - Nguyễn Khoái (Hai Bà Trưng); dự án Vành đai 2, đoạn Nhật Tân - Xuân La - Bưởi - Cầu Giấy (Tây Hồ, Cầu Giấy, Ba Đình, Đống Đa); dự án mở rộng đường Vành đai 3,... Nhiều dự án đã được giải phóng mặt bằng vượt tiến độ đề ra, góp phần đẩy nhanh tiến độ xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của Thành phố.

Công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn Thành phố được thực hiện tốt đã góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, tạo được quỹ đất để triển khai thực hiện các dự án, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô, tạo được sự đồng tình ủng hộ của Nhân dân. Việc triển khai Luật Thủ đô và các văn bản pháp luật có liên quan trong lĩnh vực quản lý đất đai đã góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy kinh tế xã hội của Thủ đô, quản lý, khai thác hiệu quả quỹ đất trên địa bàn Thành phố.

10. Về phát triển và quản lý nhà ở (Điều 16)

Thi hành Luật Thủ đô, trong những năm qua, Thành phố quan tâm triển khai phát triển các khu đô thị, nhà ở, tăng tỷ lệ diện tích nhà ở bình quân đầu người của Thành phố. Thành phố đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 996/QĐ-TTg ngày 19/6/2014 phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở thành phố Hà Nội giai đoạn 2012-2020 và định hướng đến năm 2030. Trên cơ sở đó, Thành phố đã phê duyệt kết hoạch của giai đoạn 2016-2020 phát triển 27,9 triệu m² sàn nhà ở²⁷.

(áp dụng từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2019). Năm 2019, căn cứ Nghị định số 96/2019/NĐ-CP ngày 19/12/2019 của Chính phủ quy định khung giá đất, HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND ngày 26/12/2019 về giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024, UBND thành phố ban hành Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024.

²⁷ Trong đó, nhà ở thương mại khoảng 20,48 triệu m²; Nhà ở xã hội khoảng 6,22 triệu m²; nhà phục vụ tái định cư khoảng 1,2 triệu m².

Thành phố đã tập trung chỉ đạo quyết liệt, tổ chức các hội nghị xúc tiến đầu tư hàng năm thu hút các nhà đầu tư tham gia vào các dự án phát triển đô thị của Thành phố, thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch phục vụ đầu tư, kịp thời báo cáo, xin ý kiến Chính phủ, các bộ, ngành để giải quyết những khó khăn, vướng mắc về thể chế, chính sách. Vì vậy, trong thời gian qua, việc phát triển nhà ở trên địa bàn Thành phố đạt nhiều kết quả tích cực, tăng trưởng cao, làm thay đổi, hình thành diện mạo Thủ đô ngày càng hiện đại, năng động. Trong giai đoạn 2016-2020, Thành phố đã hoàn thành 25 dự án nhà ở xã hội với 1,25 triệu m² sàn, đang triển khai 52 dự án với tổng diện tích 4,14 triệu m² sàn. Triển khai 40 dự án nhà ở phục vụ tái định cư với 1,62 triệu m² sàn²⁸. Trên địa bàn Thành phố có 346 dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại được hoàn thành với tổng diện tích 21,56 triệu m² sàn (vượt so với Kế hoạch 1,14 triệu m², tương đương 9.503 căn hộ). Ngoài ra, hiện có 91 dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại với 34,69 triệu m² sàn đang được xem xét, đưa vào kế hoạch tiếp tục thực hiện trong giai đoạn tới.

a) Chính sách ưu tiên đầu tư và huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng các khu đô thị, nhà ở với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ hiện đại, thuận tiện ở ngoại thành (Khoản 1, Điều 16, khoản 2, Điều 19)

Thực hiện Khoản 1, Điều 16 Luật Thủ đô; Nghị quyết số 07/2013/NQ-HĐND ngày 12/7/2013, UBND Thành phố đã chỉ đạo các sở, ngành, huyện ngoại thành rà soát, công khai Danh mục các dự án ưu tiên, kêu gọi đầu tư cho kỳ kế hoạch đầu tư 5 năm, kế hoạch đầu tư hàng năm để kêu gọi, thu hút đầu tư, nhằm phát triển đô thị, thúc đẩy việc giãn dân, giảm mật độ dân cư trong các quận nội thành. Từ năm 2013 đến nay, Thành phố đã tổ chức triển khai 33 dự án với quy mô tổng diện tích đất khoảng 1.283 ha.

Trong 8 năm qua, UBND Thành phố đã thực hiện việc ưu đãi giao các chủ đầu tư dự án khu đô thị mới, dự án phát triển nhà ở thương mại làm chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở xã hội trên phần diện tích đất dành để xây dựng nhà ở xã hội đối với 05 dự án thuộc khu vực ngoại thành²⁹; Chấp thuận cho phép chuyển đổi từ dự án xây dựng nhà ở thương mại sang dự án xây dựng nhà ở xã hội đối với 05 dự án thuộc khu vực ngoại thành Thành phố³⁰; Chấp thuận cho phép Công ty Cổ

²⁸ Trong đó có 371.8000 m² đã hoàn thành, số còn lại đang triển khai.

²⁹ Giao Tổng Công ty Viglacera - CTCP làm Chủ đầu tư dự án Đầu tư xây dựng nhà ở cho người thu nhập thấp tại ô đất CT1, CT2 thuộc dự án Khu nhà ở Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, dự án Đầu tư xây dựng Khu nhà ở cho người có thu nhập thấp tại ô đất có ký hiệu CT thuộc dự án Xây dựng khu chức năng đô thị Tây Mỗ, huyện Từ Liêm (đến nay 02 Dự án đã hoàn thành đầu tư xây dựng); giao Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O làm Chủ đầu tư dự án Xây dựng nhà ở xã hội thuộc lô đất CC-1 tại dự án Khu đô thị mới tại N1+N3 thuộc Khu đô thị Quốc Oai, huyện Quốc Oai; giao Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị (HUD) làm Chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở xã hội tại quỹ đất 20% thuộc dự án Đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Thanh Lâm - Đại Thịnh 2, huyện Mê Linh

³⁰ Dự án xây dựng nhà ở cao tầng tại các lô đất Khu đô thị mới Đặng Xá II, huyện Gia Lâm do Tổng Công ty Viglacera - CTCP làm Chủ đầu tư (đã hoàn thành đầu tư xây dựng); dự án Tổ hợp nhà ở xã hội và dịch vụ thương mại AZ Thăng Long tại thôn Lai Xá, xã Kim Chung, huyện Hoài Đức do Công ty TNHH Bán kẹo Thăng Long làm Chủ đầu tư; dự án Xây dựng khu chung cư cao tầng để bán thuộc xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì do Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp số 7 làm Chủ đầu tư; Dự án nhà ở xã hội thuộc dự án Khu đô thị mới Minh Dương - Sơn Đồng tại xã Lại Yên, xã Sơn Đồng,

phần Tuần Châu Hà Nội được làm Chủ đầu tư thực hiện dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông đối ngoại (Khu C) nằm trong Dự án khu du lịch, vui chơi giải trí, đô thị sinh thái Tuần Châu Hà Nội, xã Sào Sơn, Quốc Oai theo Quyết định số 6798/QĐ-UBND ngày 08/11/2013; chi phí đầu tư do Chủ đầu tư ứng trước và được khấu trừ vào tiền sử dụng đất của Dự án. Hiện nay, Thành phố đã giao các nhà đầu tư thực hiện nghiên cứu, lập quy hoạch chi tiết 05 khu nhà ở xã hội tập trung với tổng quy mô trên 247,79 ha tại các huyện Đông Anh, Thanh Trì, Thường Tín, Gia Lâm.

b) Chính sách cải tạo chung cư cũ, nhà cũ xuống cấp (Khoản 2, Điều 16)

Thực hiện quy định Khoản 2, Điều 16 của Luật Thủ đô; Nghị quyết số 17/2013/NQ-HĐND ngày 23/7/2013 của HĐND Thành phố, UBND thành phố Hà Nội chỉ đạo các Sở, ngành phối hợp với các quận, huyện, thị xã tiến hành khảo sát, kiểm định đánh giá chất lượng nhà chung cư cũ. Qua rà soát xác định trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện có 1.579 nhà chung cư cũ, quy mô từ 2 đến 5 tầng, gồm 1.273 nhà thuộc 76 khu chung cư, 306 nhà chung cư độc lập; tập trung chủ yếu tại 4 quận nội thành cũ (969 nhà) và quận Thanh Xuân, Hoàng Mai, nhiều nhà chung cư xuống cấp nghiêm trọng, một số nhà hư hỏng nặng, nguy hiểm; hầu hết các nhà chung cư đều bị coi rọi, cải tạo sai thiết kế nguyên trạng, hạ tầng kỹ thuật, điều kiện vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy không đảm bảo. Thành phố đã kiểm định được 401 nhà chung cư cũ, trong đó: 245 nhà cấp B, 148 nhà cấp C và 08 nhà cấp D³¹. Thành phố đã thực hiện việc di dời người dân ra khỏi các chung cư nguy hiểm cấp D, đồng thời đã gia cố một số khu nhà cấp C để đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản cho người dân.

Giai đoạn năm 2016, UBND Thành phố đã giao các Nhà đầu tư thực hiện lập quy hoạch chi tiết cải tạo, xây dựng lại 30 Khu chung cư cũ trên địa bàn Thành phố. Kết quả: 02 khu đã được phê duyệt quy hoạch/tổng mặt bằng; 03 khu đã được phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch; 19 khu đã báo cáo UBND Thành phố về ý tưởng quy hoạch. Hiện tại, Thành phố đang xây dựng Kế hoạch nghiên cứu lập quy hoạch chi tiết cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ để triển khai trong thời gian tới. Đến nay, Thành phố đã hoàn thành xây dựng mới và đưa vào sử dụng đối với 18 chung cư cũ, 14 dự án đang được triển khai (trước thời điểm Luật nhà ở, Nghị định số 101/2015/NĐ-CP có hiệu lực).

Nhìn chung, việc cải tạo chung cư cũ mặc dù đã có người dân sống trong các khu chung cư cũ đồng thuận, tuy nhiên tiến độ thực hiện chậm, nhiều khó khăn, bức xúc do gặp nhiều vướng mắc về thể chế, quy trình thực hiện, thu hút nhà đầu tư. Ngày 15/7/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 69/2021/NĐ-CP về cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ thay thế Nghị định số 101/2015/NĐ-CP. Theo đó, một số bất cập, vướng mắc đã được Nghị định số 69/2021/NĐ-CP quy định tháo gỡ, giải quyết.

huyện Hoài Đức do Công ty Cổ phần Thực phẩm Minh Dương làm Chủ đầu tư; Dự án khu nhà ở xã hội tại xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm.

³¹ - Trong đó có 2 dự án đã hoàn thành, 2 dự án đang triển khai; 04 dự án chưa chọn được nhà đầu tư. Các nhà cấp D đang được tổ chức di dời cư dân.

Trên cơ sở Nghị định 69/2021/NĐ-CP và rà soát, đánh giá thực trạng chung cư cũ trên địa bàn, UBND Thành phố đã xây dựng trình HĐND Thành phố thông qua Đề án: “*nghiên cứu, xây dựng cơ chế chính sách cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ trên địa bàn Thành phố*” trong đó đề xuất nhiều cơ chế đặc thù để giải quyết những vướng mắc, bất cập về chính sách, pháp luật và khó khăn vướng mắc trong thực tiễn.

c) Về quy định tỷ lệ diện tích đất ở, nhà ở để phát triển nhà ở xã hội trong các dự án phát triển nhà thương mại, khu đô thị mới (Khoản 4 Điều 16)

Để triển khai thực hiện quy định này, HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết số 06/2013/NQ-HĐND ngày 25/7/2013 quy định về diện tích đất ở, nhà ở để phát triển nhà ở xã hội trong các dự án phát triển nhà ở thương mại, khu đô thị mới trên địa bàn thành phố Hà Nội. Theo đó, các dự án nhà thương mại, khu đô thị mới có quy mô sử dụng đất từ 10 ha trở lên phải dành 25% quỹ đất ở hoặc 25% diện tích nhà để phát triển nhà ở xã hội. Trong 8 năm qua, Thành phố đã phê duyệt 45 dự án có quy mô từ 10 ha trở lên, trong đó 38 dự án đã được đảm bảo việc bố trí 25% diện tích đất ở để phát triển nhà ở xã hội; 07 dự án không bố trí diện tích đất ở, nhà ở để phát triển nhà ở xã hội tại dự án³².

11. Về phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật (Điều 17)

Thành phố đã chỉ đạo các đơn vị khẩn trương thực hiện việc lập các đồ án Quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật theo nhiệm vụ quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Thành phố Hà Nội phối hợp các bộ, ngành trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt 08/09 đồ án Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật Thủ đô Hà Nội³³, hiện còn quy hoạch chiếu sáng đô thị đang trình phê duyệt; Thực hiện phê duyệt các quy hoạch chuyên ngành trên địa bàn Thủ đô³⁴.

Việc phát triển hạ tầng kỹ thuật, giao thông vận tải được Thành phố quan tâm, ưu tiên đầu tư và có chính sách huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng, bảo trì, bảo dưỡng các công trình hạ tầng kỹ thuật có quy mô lớn, quan trọng.

³² Đối với 7 dự án này, UBND Thành phố đã báo cáo và được Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho phép được thực hiện nộp tiền hoặc xem xét bố trí quỹ đất nhà ở xã hội tại vị trí khác thích hợp.

³³ (1) Quyết định số 499/QĐ-TTg ngày 21/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch cấp nước Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 554/QĐ-TTg ngày 06/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch cấp nước Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050” (2) Quyết định số 725/QĐ-TTg ngày 10/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thoát nước Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. (3) Quyết định số 496/QĐ-TTg ngày 08/04/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch nghĩa trang Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. (4) Quyết định số 609/QĐ-TTg ngày 25/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch xử lý chất thải rắn Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. (5) Quyết định số 519/QĐ-TTg ngày 31/03/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch giao thông vận tải Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.”

³⁴ Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030; Quy hoạch phát triển điện lực thành phố Hà Nội giai đoạn 2016- 2025, có xét đến năm 2035; Quy hoạch bến xe, bãi đỗ xe, trung tâm tiếp vận và trạm dừng nghỉ trên địa bàn Thành phố đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch quảng cáo ngoài trời trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quy hoạch phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

Thành phố ban hành quy định về ưu tiên phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn; khuyến khích đầu tư xây dựng, khai thác bến xe, bãi đỗ xe ô tô và các phương tiện cơ giới khác, áp dụng công nghệ cao trong quản lý, điều hành hệ thống giao thông vận tải; thực hiện sắp xếp điều chuyển luồng tuyến vận tải hành khách liên tỉnh bằng xe ô tô trên địa bàn Thành phố, đến nay đã hoàn thành 623/681 tuyến của 24 tỉnh.

Về cấp nước: Thành phố đã hoàn thành, đưa vào vận hành 05 dự án cấp nguồn³⁵, nâng tổng công suất nguồn cấp nước từ các nhà máy nước tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay đạt khoảng 1.520.000m³/ngày đêm và đã cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng nước cho 100% người dân khu vực đô thị và mở rộng cấp nước cho khu vực nông thôn. Thành phố đã hoàn thiện, đưa vào vận hành 18 dự án, đang tiến hành 9 dự án, qua đó, đã nâng tỷ lệ người dân nông thôn tiếp cận nguồn nước sạch năm 2017 là 49,4%, năm 2018 là 55,5%, năm 2019 là 75% và đến năm 2020 là khoảng 78%. Hiện Thành phố đang tiếp tục triển khai Nhà máy nước mặt sông Hồng công suất giai đoạn 1 là 300.000m³/ngày đêm, Nhà máy nước mặt sông Đà (giai đoạn 2) nâng công suất lên 600.000m³/ngày đêm, Nhà máy nước Phú Sơn, huyện Ba Vì (giai đoạn 2) nâng công suất lên 60.000m³/ngày đêm, Nhà máy nước Mê Linh tại xã Tiến Thịnh, huyện Mê Linh, công suất 25.000m³/ngày đêm.

Thành phố đã tập trung đầu tư xây dựng các hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, khu dân cư, làng nghề tập trung. Đã hoàn thành 02 dự án thoát nước mưa: thoát nước mưa lưu vực Tô Lịch đã hoàn thành và đưa vào sử dụng năm 2016; Dự án xây dựng và cải tạo 03 trạm bơm thoát nước Cổ Nhuế, Đồng Bông 1 và Đồng Bông 2, khu vực phía Tây Hà Nội. Hoàn thành 3 dự án thoát nước thải: Nhà máy xử lý nước thải Yên Sở quý IV/2013; Nhà máy xử lý nước thải hồ Bảy Mẫu năm 2016; Nhà máy XLNT Hồ Tây (hiện Thành phố có 6 nhà máy/trạm xử lý nước thải). Đang tiếp tục triển khai 3 dự án thoát nước Yên Xá, Phương Trách, Vĩnh Thanh (huyện Đông Anh). Tiếp tục triển khai xây dựng các trạm/nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt và làng nghề.

Về xử lý chất thải rắn (CTR): Thành phố tiếp tục đầu tư mở rộng bằng nguồn vốn ngân sách 02 Khu liên hiệp XLCT Nam Sơn, huyện Sóc Sơn; Khu XL CTR Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây và huyện Ba Vì. Kêu gọi đầu tư, triển khai 5 dự án xử lý CTR bằng nguồn ngoài ngân sách³⁶. Phân đầu đến năm 2025 giảm tỷ lệ rác thải xử lý bằng phương pháp chôn lấp dưới 30%.

Cùng với đó, hệ thống cây xanh đô thị được tập trung đầu tư và phát triển

³⁵ Dự án xây dựng trạm cấp nước Dương Nội công suất 30.000m³/ngày đêm; Dự án cải tạo Nâng công suất nhà máy nước mặt Bắc Thăng Long - Văn Trì đạt công suất 150.000m³/ngày đêm; Dự án xây dựng nhà máy nước mặt sông Đuống giai đoạn 1 công suất 300.000m³/ngày đêm; Dự án nhà máy nước mặt sông Đà giai đoạn II sau khi hoàn thành trạm bơm tăng áp và 6,4km truyền dẫn nâng khả năng cấp nước cho nội đô Hà Nội từ 220.000m³/ngày lên (280.000-300.000)m³/ngày; Nhà máy nước Ba Vì 10.000m³/ngày.

³⁶ Nhà máy XLCT Sơn Tây (hiện đang đề xuất tạm dừng để nâng cấp); Nhà máy XLCT Xuân Sơn; Nhà máy XLRT Phương Đình, huyện Đan Phượng; Dự án Khu XLCT Việt Hùng, Đông Anh; Nhà máy điện rác Sóc Sơn.

gắn với hệ thống công viên, hồ nước tạo thành không gian xanh đô thị, phục vụ công cộng. Thành phố triển khai và hoàn thành trước 2 năm chương trình trồng mới “1 triệu cây xanh” và trồng thêm 600.000 cây xanh. Hệ thống chiếu sáng, trang trí đô thị được đầu tư chiều sâu, đảm bảo ngày càng sáng hơn, đẹp hơn. Cơ bản hoàn thành trung tâm điều khiển hệ thống chiếu sáng đô thị sử dụng công nghệ không dây GSM/GPRS với tỷ lệ chiếu sáng đường phố đạt 98%; với quy mô điều khiển giám sát đến 1.479 trạm đèn trên tổng số 2.615 trạm đèn hiện có; triển khai thay thế thí điểm đèn chiếu sáng công cộng hiện có bằng đèn công nghệ LED để tiết kiệm năng lượng, điều khiển thông minh theo giờ, theo mùa, đạt yêu cầu chiếu sáng và nâng cao mỹ quan đô thị (thay thế hơn 200 bộ đèn hiện có bằng các bộ đèn mới công nghệ LED trên các tuyến phố khu vực trung tâm: Lê Lai, Hàng Bài - Phố Huế,...; hoàn thành cải tạo, thay thế hệ thống chiếu sáng mỹ thuật công nghệ LED trên cầu Nhật Tân, đường Thanh Niên bằng nguồn vốn xã hội hóa.

12. Về phát triển và quản lý giao thông vận tải (Điều 18)

Trong 08 năm qua, Thành phố tiếp tục tập trung đầu tư phát triển đồng bộ hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, nhất là hệ thống đường vành đai, trục hướng tâm, cầu đường bộ, gắn với nâng cao năng lực vận tải hành khách công cộng và hạ tầng xã hội, đặc biệt đã triển khai một số tuyến đường sắt đô thị. Hoàn thành một số công trình giao thông trọng điểm, cấp bách trên địa bàn Thành phố. Diện tích đất dành cho giao thông tăng, năm 2015 là 8,65%, đến năm 2020 đạt 10,07% đất đô thị; tỷ lệ vận chuyển hành khách công cộng được nâng lên, năm 2015 là 14,4%, năm 2019 là 17,03%, năm 2020, do bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19, đạt 14,85%.

a) Về quy hoạch mạng lưới, phát triển hệ thống giao thông vận tải: Quy hoạch Giao thông vận tải Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; các quy hoạch chuyên ngành khác trong lĩnh vực giao thông vận tải (bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ trên địa bàn thành phố, ...) cũng đã được HĐND Thành phố thông qua tại Nghị quyết số 15/2018/NQ-HĐND. Việc quản lý cầu, hầm, đường bộ trên địa bàn Thành phố đặc biệt quản lý các tuyến quốc lộ trên địa bàn đã được phân định rõ hơn, tạo điều kiện cho các địa phương chủ động thực hiện. Nhiều dự án, công trình phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải được ưu tiên đầu tư đã hoàn thành và đưa vào sử dụng, góp phần nâng cao năng lực mạng lưới hạ tầng giao thông, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô; trong đó, đã hoàn hành 5/38 công trình trọng điểm, 5/8 công trình cấp bách về ùn tắc giao thông, 30/34 công trình cầu yếu; thi công một số công trình trọng điểm của Thành phố như: thi công đường vành đai 2 (đoạn Ngã Tư Vọng – Cầu Vĩnh Tuy); Tuyến đường sắt đô thị số 3; Hoàn thiện kết nối 1 số đoạn tuyến còn lại của đường vành đai 1, vành đai 2, vành đai 2,5, vành đai 3, Cải tạo mở rộng tuyến đê An Dương – Khách sạn Thăng Lợi;... Tiếp tục đẩy nhanh các công trình trọng điểm, quan trọng của địa bàn Thành phố như: Tuyến đường sắt đô thị số 3, Đường vành đai 2,5 đoạn Đàm Hồng đến Quốc lộ 1A, cải tạo Quốc lộ 1 A (đoạn Văn Điển - Ngọc Hồi)... Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải hoàn thành và đưa vào khai

thác nhiều tuyến đường giao thông liên kết vùng Thủ đô như: Hòa Lạc – Hòa Bình, Hà Nội – Hải Phòng, cầu Văn Lang (Ba Vì); tuyến vành đai 3 trên cao đoạn Mai Dịch – Cầu Thăng Long, đẩy nhanh tiến độ thi công, bàn giao đưa vào sử dụng tuyến đường sắt đô thị Cát Linh – Hà Đông.

b) Về phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn: Thành phố ưu tiên về tổ chức giao thông đảm bảo để các phương tiện vận tải hành khách công cộng vận hành thông suốt, hạn chế tối đa các trở ngại, đảm bảo thuận tiện cho hành khách. Ưu tiên đổi mới phương tiện, nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải hành khách công cộng. Khuyến khích sử dụng phương tiện vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn, có chính sách miễn, giảm vé xe buýt cho các đối tượng học sinh, sinh viên, công nhân các khu công nghiệp, người cao tuổi. Ngân sách Thành phố hỗ trợ 50% giá vé tháng đối với các đối tượng học sinh, sinh viên, công nhân các khu công nghiệp, người cao tuổi. Ngân sách Thành phố hỗ trợ 30% giá vé cho cán bộ, nhân viên tại các văn phòng, công sở, doanh nghiệp ngoài khu công nghiệp mua vé tháng theo hình thức tập thể. Thành phố thực hiện nhiều biện pháp như: hỗ trợ 100% tiền phí sử dụng đường bộ, miễn lệ phí trước bạ đối với phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt sử dụng năng lượng sạch, miễn thuế nhập khẩu phụ tùng, linh kiện thuộc loại trong nước chưa sản xuất được để sản xuất, lắp ráp phương tiện hành khách công cộng. Theo đó, vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt có nhiều chuyển biến tích cực, mạng lưới được mở rộng. Từ năm 2016-2020, Thành phố phát triển 140 tuyến xe buýt, tiếp cận 30/30 quận huyện, 516/579 xã phường thị trấn (đạt 89,1%); 65/75 bệnh viện (đạt 87%); 192/286 trường THPT, THCS (đạt 67%), 27/27 khu công nghiệp lớn, 31/37 khu đô thị (đạt 83,8%), kết nối với 07/9 tỉnh lân cận. Chất lượng xe buýt ngày càng nâng cao, việc đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn cho người đi xe buýt được quan tâm triển khai.

c) Về áp dụng công nghệ cao trong quản lý, điều hành hệ thống giao thông vận tải: Thành phố đã ban hành Quyết định số 5953/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 trong đó xác định rõ nhiệm vụ xây dựng cơ sở dữ liệu số hóa về hạ tầng giao thông, phương tiện giao thông, các phần mềm quản lý điều hành hệ thống giao thông thông minh, điều hành tổ chức giao thông và xử lý vi phạm giao thông. Thành phố đã triển khai phần mềm GovOne trong công tác quản lý, duy tu, duy trì kết cấu hạ tầng giao thông; Xây dựng bản đồ giao thông số trực tuyến để phục vụ công tác quản lý, điều hành và điều tiết giao thông, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng điểm đỗ xe nhằm tối ưu nhu cầu đỗ xe. Sử dụng thiết bị GPS để giám sát hành trình, lắp đặt hệ thống Camera để đảm bảo an ninh trật tự; Xây dựng triển khai phần mềm, ứng dụng “Tìm Buýt” trên thiết bị di động,... Thành phố đã áp dụng công nghệ cho hệ thống vé điện tử của mạng lưới vận tải hành khách công cộng trên địa bàn Thành phố nhằm từng bước hình thành một hệ thống vé điện tử duy nhất liên thông trong toàn mạng. Thành phố đã chỉ đạo giao liên danh Tổng Công ty vận tải Hà Nội – Viettel triển khai dự án hệ thống vé điện tử thí điểm cho tuyến xe buýt BRT và nhân rộng ra toàn bộ mạng tuyến buýt có trợ giá trên địa bàn Thành phố. Qua đó, nâng cao hiệu quả quản lý, chất lượng dịch vụ vận tải hành khách công cộng.

13. Về quản lý dân cư (Điều 19)

a) Về quy mô, mật độ và cơ cấu dân cư trên địa bàn Thành phố

Theo thống kê của thành phố Hà Nội (tính đến tháng 5/2021), toàn thành phố có 2.047.189 hộ gia đình, với 7.303.108 nhân khẩu thường trú³⁷, tăng 162.065 hộ = 489.110 nhân khẩu so với năm 2013³⁸. Mật độ dân số trung bình khoảng 2.390 người/km², phân bố không đều, tập trung nhiều ở các quận nội thành. Ở các quận như Đông Đa, Ba Đình, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Thanh Xuân, Cầu Giấy mật độ dân số rất cao, trung bình đều trên 24.000 người/km². Việc gia tăng dân số cơ học lớn, lượng dân thường xuyên cư trú (thường trú, tạm trú, không đăng ký) trên địa bàn Thành phố được xác định trên 10 triệu người. Điều này đã gây quá tải về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, tác động mạnh đến công tác quản lý dân cư, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, môi trường trên địa bàn Thủ đô.

b) Các biện pháp quản lý dân cư trên địa bàn Thành phố

Thành phố đã ban hành và thực hiện quy định về diện tích bình quân tối thiểu 15 m² sàn/đầu người đối với nhà cho thuê ở nội thành theo Nghị quyết số 11/2013/NQ-HĐND; Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của HĐND thành phố Hà Nội về việc kéo dài thời hạn áp dụng Nghị quyết số 11/2013/NQ-HĐND; chính sách ưu tiên đầu tư và huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng các khu đô thị, nhà ở với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ hiện đại, thuận tiện ở ngoại thành để thu hút sự giãn dân ở nội thành theo Nghị quyết số 07/2013/NQ-HĐND của HĐND Thành phố³⁹. Qua đó, góp phần giảm tình trạng di dân, giảm áp lực về dân số trong nội thành. Bên cạnh đó, việc thực hiện Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 23/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ cũng đã có tác động nhất định đến việc hạn chế việc tăng quy mô các trường đại học, bệnh viện, bước đầu di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp, các đơn vị ra khu vực ngoại thành, từng bước giảm di dân tự do, giảm áp lực về dân cư đối với khu vực nội đô.

³⁷ Theo số liệu của Cục Thống kê, đến hết năm 2020, Thành phố có 8.317.640 người cư trú dài hạn.

³⁸ Tăng theo điểm b khoản 4 Điều 19 Luật Thủ đô là 7.536 trường hợp = 11.750 nhân khẩu chiếm 0,16% trong tổng số tăng nhân khẩu thường trú, còn lại 1.137 nhân khẩu là tăng nhân khẩu thông qua hình thức khác, trong đó có nhà ở nhờ, mượn, nhập hộ khẩu về do mối quan hệ gia đình.

³⁹ Theo đó, Thành phố đã thực hiện phương thức kêu gọi thu hút đầu tư, ưu tiên đầu tư theo các hình thức BT, BOT, BTO,... Đối với cơ chế hỗ trợ đầu tư và tạo nguồn vốn đầu tư thì chủ đầu tư dự án khu đô thị, nhà ở thương mại ở ngoại thành được ưu tiên giao làm chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở xã hội trên phần diện tích đất dành để xây dựng nhà ở xã hội thuộc dự án do mình làm chủ đầu tư. Ngoài diện tích đất dành để xây dựng nhà ở xã hội theo quy định, chủ đầu tư dự án được ưu tiên đề xuất tăng diện tích đất xây dựng nhà ở xã hội hoặc chuyển đổi diện tích đất xây dựng nhà ở thương mại sang diện tích đất xây dựng nhà ở xã hội trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư nhưng phải đảm bảo nhu cầu sử dụng của người dân về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng. Chủ đầu tư dự án khu đô thị, nhà ở được giao ứng vốn đầu tư các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đầu mối phục vụ Dự án thuộc trách nhiệm đầu tư của Thành phố; chi phí đầu tư các công trình này được khấu trừ vào tiền sử dụng đất của Dự án. HĐND Thành phố thông qua cụ thể các Dự án do nhà đầu tư ứng vốn thực hiện hỗ trợ, bồi thường giải phóng mặt bằng thuộc Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư được áp dụng các biện pháp đảm bảo việc thực hiện thu hồi đất, giải phóng mặt bằng như đối với các công trình quan trọng theo quy định của Thành phố.

14. Về bảo vệ và bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thủ đô (Điều 20)

Trách nhiệm bảo vệ vững chắc an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Thủ đô là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Thủ đô. Thành phố đã chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai đồng bộ các giải pháp đảm bảo giữ vững, ổn định an ninh Quốc gia; xây dựng khu vực phòng thủ Thành phố⁴⁰; quan tâm đầu tư xây dựng các công trình phòng thủ, căn cứ hậu phương, căn cứ chiến đấu, thực hiện hiệu quả công tác bồi dưỡng, giáo dục kiến thức quốc phòng, an ninh; làm tốt công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên đủ về số lượng, chất lượng tốt, có độ tin cậy cao về chính trị.

Thành phố đã đảm bảo bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu trọng điểm, hoạt động của các cơ quan Trung ương và quốc tế, các sự kiện chính trị trọng đại, sự kiện ngoại giao, văn hóa diễn ra trên địa bàn Thủ đô, nổi bật là sự kiện Hội nghị thượng đỉnh Mỹ - Triều lần thứ 2; không để xảy ra khủng bố, phá hoại, biểu tình, gây rối an ninh trật tự, đình công, lấn công trái pháp luật kéo dài phức tạp; không để phát sinh “điểm nóng” về an ninh trật tự. Thực hiện có hiệu quả các giải pháp phòng ngừa tội phạm, phòng chống buôn lậu, buôn bán hàng giả, hàng cấm, không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Trật tự an toàn giao thông, trật tự đô thị được duy trì, cải thiện. Thành phố đã thực hiện toàn diện các nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang Thủ đô vững mạnh toàn diện. Mức độ an ninh, an toàn của Thủ đô ngày càng được nâng lên, được Nhân dân, du khách, bạn bè quốc tế đánh giá cao.

Thực hiện khoản 2 Điều 20 Luật Thủ đô, Nghị quyết số 07/2014/NQ-HĐND ngày 11/7/2014 quy định về mức tiền phạt đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng, Nghị quyết số 08/2014/NQ-HĐND ngày 11/7/2014 quy định mức tiền phạt đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và áp dụng mức phạt tại đô thị đối với hành vi vi phạm lĩnh vực đất đai theo Nghị định số 91/2019/NĐ-CP, kết quả cụ thể như sau:

- Lĩnh vực văn hóa: phát hiện và ban hành 289 quyết định xử phạt vi phạm hành chính, đã thi hành xong 271 quyết định, chưa thi hành 03 quyết định, số tiền phạt thu nộp ngân sách nhà nước là 7.251.500.000 đồng.

- Lĩnh vực Xây dựng: phát hiện ban hành 3.053 quyết định xử phạt vi phạm hành chính, đã thi hành 3.008 quyết định xử phạt vi phạm hành chính, chưa thi

⁴⁰ Thành ủy đã ban hành Chương trình số 05-CTr/TU ngày 26/4/2016, Chương trình số 09-CTr/TU ngày 17/3/2021 về tăng cường quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội cho từng giai đoạn; Chương hành động thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW về “Chiến lược quốc phòng Việt Nam”. HĐND Thành phố đã ban hành Nghị quyết số 30/2013/NQ-HĐND ngày 6/1/2013 về xây dựng khu vực phòng thủ thành phố Hà Nội đến năm 2020 và những năm tiếp theo; đã tham gia hiệu quả vào cuộc diễn tập quốc phòng miền Bắc năm 2017 do Bộ Quốc phòng tổ chức; Tổ chức thành công 2 cuộc diễn tập khu vực phòng thủ Thành phố năm 2013, 2019.

hành 45 quyết định xử phạt vi phạm hành chính, cưỡng chế 37 quyết định xử phạt vi phạm hành chính, thu nộp ngân sách nhà nước 29.568.955.050 đồng.

- Lĩnh vực đất đai: (áp dụng mức phạt bằng hai lần tại đô thị, theo quy định tại Nghị định số 91/2019/NĐ-CP của Chính phủ) đã phát hiện và xử phạt vi phạm hành chính 318 vụ việc, đã thi hành được 257 quyết định, chưa thi hành 61 quyết định; có 66 quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải cưỡng chế thi hành. Đã thu nộp ngân sách nhà nước 1.755.395.000 đồng, số tiền nộp ngân sách từ thu lời bất hợp pháp do thực hiện hành vi vi phạm hành chính là 2.084.544.571 đồng.

Việc quy định và áp dụng mức xử phạt cao hơn đối với cùng hành vi vi phạm trong lĩnh vực quản lý văn hóa và xây dựng tại các quận nội thành có tác dụng tích cực, hiệu quả trong rèn dũa, nâng cao ý thức, trách nhiệm của người dân trong việc chấp hành các quy định pháp luật của nhà nước, góp phần làm giảm số vụ vi phạm hành chính trong lĩnh vực nêu trên. Đặc biệt, lĩnh vực xây dựng tỷ lệ số công trình có vi phạm hành chính đã giảm đáng kể, cụ thể: năm 2013 là 13,79%; năm 2015 là 13,5%, năm 2020 còn 3,07%. Tỷ lệ công trình có giấy phép xây dựng năm 2020 đạt trên 98%.

15. Chính sách, cơ chế tài chính, ngân sách (Điều 21)

Chính sách, cơ chế về tài chính theo quy định Luật Thủ đô qua 08 năm thực hiện đã tác động tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố; Thành phố đã phối hợp với các bộ, ngành Trung ương trình Chính phủ ban hành Nghị định số 63/2017/NĐ-CP ngày 19/5/2017 quy định một số chính sách tài chính ngân sách đặc thù đối với Thủ đô; trình Quốc hội ban hành Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính – ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội; qua đó, đã tạo khuôn khổ pháp lý về cơ chế quản lý tài chính - ngân sách đặc thù cho Thủ đô về ưu tiên bố trí vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn viện trợ, định mức phân bổ chi ngân sách địa phương, mức huy động vốn đầu tư phát triển, thường vượt dự toán thu ngân sách và đầu tư trở lại. Do vậy, tăng nguồn lực cho địa phương, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, đầu tư kết cấu hạ tầng đã có bước phát triển tích cực, đồng thời đảm bảo quản lý ngân sách nhà nước chặt chẽ, hiệu quả. Kết quả, cụ thể như sau:

Trong giai đoạn 2013-2015, Thành phố đã huy động được 11.400 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành trái phiếu xây dựng Thủ đô. Nguồn vốn huy động được sử dụng để bổ sung nguồn chi cho đầu tư phát triển, cụ thể là các công trình trọng điểm của thành phố Hà Nội, đảm bảo nguồn thực hiện kế hoạch đã được HĐND Thành phố thông qua. Tổng số dư nợ đầu năm 2016 của Thành phố là: 11.850 tỷ đồng, gồm vay trong nước là 11.750 tỷ đồng (trong đó 11.400 tỷ đồng trái phiếu xây dựng Thủ đô) – chiếm 99,16% và vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ 100 tỷ đồng (chiếm 0,84%).

Với các giải pháp quyết liệt trong công tác điều hành tài chính – ngân sách, nợ chính quyền địa phương của thành phố Hà Nội đã có sự điều chỉnh tích cực thông qua việc sử dụng các nguồn lực tiết kiệm được trong năm để trả nợ gốc. Thành phố

đã cân đối, bố trí đủ nguồn từ ngân sách để thực hiện dự toán chi trả nợ gốc các khoản đã huy động cho đầu tư phát triển đến kỳ hạn trả nợ của ngân sách Thành phố trong giai đoạn 2016-2020 là 12.416 tỷ đồng⁴¹. Tính đến hết năm 2020, Thành phố đã thanh toán hết nợ trái phiếu xây dựng Thủ đô. Do vậy, ngân sách Thành phố không phải huy động để trả nợ, qua đó đã góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách của Thành phố và giảm số nợ công của Thành phố.

Do hạn mức bội chi hằng năm của Thành phố bị hạn chế bởi giới hạn bội chi chung và trần nợ công của cả nước; Vì vậy, hằng năm, Thành phố đã chủ động rà soát, tiết kiệm ngay từ khâu giao dự toán để ưu tiên dành mức bội chi và hạn mức vay để đảm bảo đủ nguồn lực để thực hiện các dự án từ nguồn vay lại vốn ODA của Chính phủ theo tiến độ, đặc biệt là các dự án đường sắt đô thị trên địa bàn Thành phố, góp phần hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội địa phương. Tổng số dư nợ đến hết năm 2020 của Thành phố là 5.854 tỷ đồng, bằng 6,4% hạn mức dư nợ tối đa theo quy định. Tuy nhiên, dự kiến trong thời gian tới, thành phố Hà Nội sẽ tiếp tục thực hiện vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước đã ký Hiệp định để thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng trọng điểm có quy mô lớn, đây chủ yếu là các dự án đầu tư có số vốn vay ODA rất lớn với thời gian vay kéo dài.

Thực hiện quy định tại khoản 2, Điều 21 Luật Thủ đô, Luật NSNN, trên cơ sở kết quả thực hiện thu NSNN trên địa bàn trong giai đoạn 2014-2015, Trung ương đã thực hiện thưởng và đầu tư trở lại từ nguồn tăng thu của ngân sách trung ương 2.295 tỷ đồng; qua đó đã góp phần giúp Thành phố có thêm nguồn lực để đầu tư kết cấu hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời cũng góp phần nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành, tạo chủ động cho các cấp chính quyền địa phương trong việc quan tâm nuôi dưỡng, khai thác nguồn thu trên địa bàn.

Trong giai đoạn 2016-2020, UBND Thành phố đã đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính cân đối, bố trí vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ Hà Nội trong 5 năm 2016-2020 để thực hiện một số dự án lớn, quan trọng về giao thông, môi trường, đô thị, thủy lợi, mang ý nghĩa quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng Thủ đô, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ theo quy định tại khoản 3, Điều 21 của Luật Thủ đô và Điều 7 của Nghị định số 63/2017/NĐ-CP với tổng mức đầu tư 181.318 tỷ đồng, tổng số vốn đầu tư trong giai đoạn 2016-2020 là 116.842 tỷ đồng, trong đó đề nghị hỗ trợ có mục tiêu nguồn vốn trong nước từ ngân sách Trung ương là 36.613 tỷ đồng.

Theo Quyết định số 572/QĐ-BKHĐT ngày 20/4/2017, 1178/QĐ-BKHĐT ngày 29/8/2017 và văn bản số 1910/BKHĐT-TH ngày 27/3/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thì tổng số vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) hỗ trợ cho thành phố Hà Nội thuộc Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 là 982,43 tỷ đồng. Ngoài ra, năm 2016, Hà Nội có 02 dự án thuộc lĩnh vực thủy lợi được hỗ trợ từ vốn trái phiếu chính phủ với tổng số vốn là 446,18 tỷ đồng.

Như vậy, giai đoạn 2016-2020, Hà Nội có 04 dự án thuộc lĩnh vực đô thị

⁴¹ Trong đó trả nợ từ huy động trái phiếu xây dựng Thủ đô là 11.400 tỷ đồng.

thủy lợi được hỗ trợ từ ngân sách Trung ương với tổng mức vốn là 594,37 tỷ đồng, thấp hơn rất nhiều so với mức đề xuất của Thành phố (đạt 1,6% mức đề xuất) nên chưa thực sự đảm bảo chính sách ưu đãi theo cơ chế tài chính, ngân sách đặc thù quy định tại Điều 21 Luật Thủ đô và Điều 7 của Nghị định số 63/2017/NĐ-CP.

16. Cơ chế phối hợp các tỉnh trong Vùng Thủ đô phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng – an ninh

Vùng Thủ đô Hà Nội là khu vực liên kết phát triển kinh tế - xã hội gồm thành phố Hà Nội và 09 tỉnh. Sau khi Luật Thủ đô có hiệu lực, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt, điều chỉnh Quy hoạch vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, quyết định điều chỉnh, bổ sung nhân sự Ban chỉ đạo quy hoạch và đầu tư xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội. Thực hiện Quy hoạch được phê duyệt, thành phố Hà Nội và các tỉnh trong Vùng đã hoàn thành việc phê duyệt các đồ án Quy hoạch chung xây dựng, Quy hoạch phân khu và Quy hoạch ngành, lĩnh vực của từng địa phương. Thành phố Hà Nội với vai trò là đô thị hạt nhân đã hợp tác các địa phương trong Vùng thực hiện các công trình trọng điểm tại các địa bàn giáp ranh; huy động các nguồn lực đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng giao thông kết nối⁴², mở các tuyến xe buýt đến các tỉnh phục vụ nhu cầu đi lại của Nhân dân. Thực hiện hỗ trợ các tỉnh trong Vùng trong phòng chống dịch bệnh, đào tạo, chuyển giao kỹ thuật chuyên sâu và ứng dụng khoa học trong khám chữa bệnh; hợp tác trong đào tạo phát triển nguồn nhân lực và tuyên truyền, quảng bá các sản phẩm du lịch... Các tỉnh trong Vùng Thủ đô đã chủ động trong bố trí quỹ đất giao cho các Bệnh viện tuyến trung ương triển khai đầu tư, đưa vào hoạt động cơ sở 2 của Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện Việt Đức.

Ngày 21/10/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 91/2021/NĐ-CP quy định về cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô để thi hành các quy định của pháp luật về Thủ đô; đây là cơ sở pháp lý quan trọng để Thủ đô Hà Nội và các tỉnh trong vùng Thủ đô tăng cường phối hợp, liên kết trên các lĩnh vực, phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Vùng và các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô.

17. Trách nhiệm xây dựng, phát triển và quản lý Thủ đô (Chương III)

Trên cơ sở quy định của Luật Thủ đô về trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng, phát triển và quản lý Thủ đô, một số cơ quan, đơn vị đã chủ động triển khai nhiều hoạt động để thực hiện nhiệm vụ. Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội đã thực hiện việc giám sát thi hành Luật Thủ đô. Các Bộ, ngành có liên quan, đặc biệt là Bộ Tư pháp đã phối hợp chặt chẽ trong việc xây dựng các VBQPPL của Thành phố, đảm bảo tính kịp thời trong ban hành văn bản. Hằng năm, HĐND Thành phố tổ chức hoạt động giám sát,

⁴² Đường cao tốc hướng tâm Hà Nội - Hòa Bình; Đường vành đai 4 vượt các sông Hồng, sông Đuống và sông Cầu ứ Vĩnh Phúc - Hà Nội - Hưng Yên - Bắc Ninh - Bắc Giang; dự án kết nối du lịch tâm linh Chùa Hương - Tam Chúc, Ba Sao - Bái Đính qua địa bàn Hà Nội, Hà Nam...

xem xét báo cáo của UBND Thành phố về thực hiện Luật Thủ đô; UBND thành phố Hà Nội đã chủ động ban hành Kế hoạch, tổ chức đánh giá việc thi hành Luật Thủ đô; báo cáo Thủ tướng Chính phủ, HĐND Thành phố theo quy định.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Tác động và những kết quả sau 08 năm thi hành Luật Thủ đô

Trong những năm qua, Thành phố đã tích cực, chủ động trong việc tổ chức triển khai thi hành Luật Thủ đô. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy, HĐND, UBND Thành phố luôn sát sao, kịp thời, bám sát quy định của pháp luật nói chung, Luật Thủ đô nói riêng, gắn liền với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô. Hoạt động tuyên truyền, phổ biến Luật Thủ đô được triển khai sâu rộng tới mọi cơ quan, đơn vị, người dân Thủ đô và cả nước, đã có tác động tích cực đến ý thức, trách nhiệm của cá nhân, tổ chức đối với sự nghiệp xây dựng, phát triển Thủ đô. Việc triển khai thi hành Luật Thủ đô và các văn bản quy định chi tiết nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, sự phối hợp, hỗ trợ của các bộ, ngành, địa phương bạn.

Việc triển khai Luật Thủ đô đã có những tác động tích cực nhất định, góp phần thúc đẩy phát triển mọi mặt của đời sống kinh tế - chính trị, văn hóa, xã hội trên địa bàn Thủ đô. Trong những năm qua, đặc biệt là giai đoạn 2016-2020, kinh tế Thủ đô tăng trưởng khá, đóng góp tích cực trong tăng trưởng của cả nước. GRDP (cách tính mới) bình quân 2016-2020 tăng 6,73%, mặc dù không đạt kế hoạch đề ra do ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid-19, nhưng cũng cao hơn bình quân chung cả nước⁴³. Quy mô nền kinh tế được mở rộng, GRDP năm 2020 đạt 1,02 triệu tỷ đồng, GRDP bình quân đầu người đạt 5.325 USD, gấp 1,92 lần so với cả nước. Bình quân trong giai đoạn 2016-2020, Hà Nội đóng góp trên 16% GDP, 18,5% thu NSNN, 20% thu nội địa và 8,6% tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu của cả nước. Thủ đô ngày càng xứng đáng hơn với vai trò là trung tâm lớn về kinh tế và giao dịch quốc tế, một động lực phát triển của vùng Đồng bằng sông Hồng và cả nước.

Mô hình tăng trưởng chuyển biến tích cực theo hướng gia tăng chiều sâu, năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh được cải thiện rõ rệt (giai đoạn 2016-2020, đóng góp của TFP vào tăng trưởng GRDP đạt khoảng 46% - giai đoạn trước 2011-2015 là 31,2%). Năng suất lao động năm 2020 đạt 252,3 triệu đồng/lao động (giá hiện hành), gấp 2,29 lần bình quân cả nước (110,4 triệu đồng/người). Thành phố đã huy động được nguồn vốn đầu tư tương đối lớn cho phát triển kinh tế - xã hội. Kinh tế tri thức, kinh tế số, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được chú trọng, hỗ trợ phát triển. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng hiện đại. Tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ tăng; du lịch dần trở thành kinh tế mũi nhọn, có mức tăng trưởng cao trong giai đoạn trước đại dịch Covid-19⁴⁴. Khu vực công nghiệp tăng bình quân 7,43%/năm. Phát triển công nghiệp chế

⁴³ Cả nước đạt 5,99%, TP Hồ Chí Minh đạt 6,44%.

⁴⁴ bình quân giai đoạn 2016-2019, khách nội địa tăng 7,5%/năm, khách quốc tế tăng 21,2%/năm và doanh thu du lịch tăng 17,6%/năm.

biến, chế tạo đạt được nhiều thành quả, luôn chiếm tỷ trọng chủ yếu (khoảng 91%) trong giá trị sản xuất công nghiệp. Công nghiệp công nghệ cao bước đầu phát triển ở một số lĩnh vực, nhất là lĩnh vực công nghệ thông tin. Đầu tư phát triển có xu hướng dịch chuyển từ khu vực nhà nước sang khu vực ngoài nhà nước.

Môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện, thuận lợi hơn. Trong giai đoạn 2016-2020, có khoảng 130.000 doanh nghiệp thành lập mới, gấp 1,6 lần giai đoạn trước. Khu vực kinh tế ngoài nhà nước có đóng góp lớn nhất trong GRDP, giảm tỷ trọng ở khu vực kinh tế nhà nước. Đóng góp của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài gần như không thay đổi⁴⁵. Thành phố đã huy động và phát huy hiệu quả các nguồn lực xã hội, đẩy mạnh xã hội hóa, mở rộng liên kết. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2016-2020 đạt 1,716 triệu tỷ đồng, gấp 1,6 giai đoạn trước. Thu hút vốn đầu tư ngoài ngân sách với trên 2.850 dự án, vốn đăng ký 1,6 triệu tỷ đồng. Thu ngân sách giai đoạn 2016-2020 đạt gần 1,2 triệu tỷ đồng, tăng trưởng bình quân 11,1%/năm, gấp 1,64 lần giai đoạn 2011-2015.

Các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh được thực hiện đồng bộ. Chỉ số Cải cách hành chính (PAR Index) năm 2018, 2019 giữ vững vị trí 02/63 tỉnh, thành phố (tăng 7 bậc so với năm 2015). Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tăng 15 bậc từ vị trí thứ 24 năm 2015 lên vị trí thứ 09/63 trong năm 2019, giữ vị trí năm 2020.

Công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý, phát triển đô thị tiếp tục được quan tâm, chỉ đạo, tạo chuyển biến tích cực. Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô được triển khai cụ thể hóa bằng các quy hoạch cấp dưới. Chất lượng quy hoạch được nâng cao. Kết cấu hạ tầng đô thị, nhất là hệ thống đường vành đai, trục hướng tâm, cầu đường bộ, gắn với nâng cao năng lực vận tải hành khách công cộng và hạ tầng xã hội tiếp tục được quan tâm đầu tư ngày càng đồng bộ. Đã triển khai một số tuyến đường sắt đô thị. Thành phố đã chú trọng phát triển đô thị theo hướng xanh, bền vững, thông minh. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng các khu đô thị mới, khu nhà ở theo hướng đồng bộ, văn minh, hiện đại, làm thay đổi diện mạo kiến trúc Thủ đô.

Xây dựng nông thôn mới đạt kết quả toàn diện, nổi bật. Chú trọng đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, diện mạo nông thôn khởi sắc rõ nét. Đến cuối năm 2020, có 10 huyện và 371 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt tỷ lệ 96,1%, hoàn thành trước hạn 2 năm mục tiêu đề ra, dẫn đầu cả nước về số xã đạt chuẩn nông thôn mới. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn được cải thiện rõ rệt. Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn gấp 1,36 lần so với năm 2016.

Phát triển văn hóa, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh đạt nhiều

⁴⁵ Khu vực nhà nước giảm từ 43,44% năm 2015 xuống còn 34,28% năm 2020; khu vực ngoài nhà nước tăng nhanh, từ 45,89% lên 54,84%; khu vực đầu tư nước ngoài tăng từ 10,66% năm 2015 lên 10,87%

kết quả tích cực. Đời sống văn hóa, tinh thần của Nhân dân ngày càng phong phú. Các di sản văn hóa - lịch sử được quan tâm bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị, gắn với phát triển kinh tế du lịch. Hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở được quan tâm đầu tư. Chi đầu tư phát triển văn hóa tăng 30% so với nhiệm kỳ trước. Giao lưu văn hóa trong nước, quốc tế được mở rộng. Nhiều sự kiện văn hóa nghệ thuật lớn, uy tín, chất lượng cao được tổ chức. Hà Nội là địa phương đầu tiên của Việt Nam chính thức trở thành thành viên mạng lưới các “Thành phố sáng tạo” của UNESCO. Xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh được tập trung chỉ đạo, với nhiều giải pháp, mô hình thiết thực. Việc xây dựng các mô hình làng văn hóa, thôn, tổ dân phố văn hóa, gia đình văn hóa dần đi vào thực chất. Việc ban hành, thực hiện quy tắc ứng xử nơi công sở và nơi công cộng được cán bộ, đảng viên và Nhân dân đồng tình, hưởng ứng thực hiện, bước đầu đạt kết quả tích cực.

Phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đạt kết quả quan trọng. Giáo dục và đào tạo tiếp tục dẫn đầu cả nước về quy mô, mạng lưới trường lớp, về chất lượng giáo dục toàn diện, giáo dục mũi nhọn, về số học sinh đạt giải cao trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, quốc tế. 100% giáo viên đứng lớp đạt chuẩn, tỷ lệ trên chuẩn cao. Tỷ lệ trường chuẩn Quốc gia năm 2020 đạt 75%, hoàn thành kế hoạch sớm 2 năm. Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề năm 2020 đạt 70,2%, tăng cao so với năm 2015 (53,14%), góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Thủ đô.

Phát triển khoa học và công nghệ được đẩy mạnh. Chú trọng khai thác, phát huy tiềm lực, nhất là trí tuệ, tiềm năng “chất xám” của đội ngũ trí thức, các trường, viện, cơ sở nghiên cứu, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đổi mới cơ chế quản lý các nhiệm vụ khoa học, công nghệ; kết quả nghiên cứu được ứng dụng hiệu quả hơn vào thực tiễn, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô. Tiềm lực khoa học, công nghệ được quan tâm đầu tư. Tích cực phát triển thị trường khoa học, công nghệ, thúc đẩy thương mại hóa các sản phẩm khoa học, công nghệ.

An sinh xã hội, phúc lợi xã hội và chất lượng cuộc sống của Nhân dân được bảo đảm và nâng cao. Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân có nhiều đổi mới và tiến bộ. Chất lượng khám, chữa bệnh được nâng cao. Các bệnh viện, cơ sở y tế ở cả Thành phố, cấp huyện và cấp xã được đầu tư nâng cấp. Các chính sách hỗ trợ an sinh xã hội của Nhà nước được thực hiện đúng, đủ và kịp thời. Thành phố đã ban hành và thực hiện nhiều chính sách đặc thù, riêng có của Hà Nội về phúc lợi xã hội. Trong giai đoạn 2016-2020, Thành phố đã xây dựng 10.000 nhà ở cho người có công, hỗ trợ xây dựng, sửa chữa 7.565 nhà ở cho hộ nghèo. Thành phố cơ bản không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều. Tỷ lệ bao phủ Bảo hiểm y tế đạt 90,1%.

Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu được thực hiện chủ động, tích cực. Công tác bảo vệ môi trường được quan tâm triển khai; xử lý rác thải, nước thải, ô nhiễm ao, hồ,... bước đầu được cải thiện. Xây dựng và triển khai các kịch bản về chủ động ứng phó với

biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, ứng phó với thảm họa.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, quốc phòng, an ninh tiếp tục được ổn định, giữ vững. Công tác phòng chống, tệ nạn xã hội được quan tâm, kiểm chế sự gia tăng của tội phạm và tệ nạn xã hội. Bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu trọng điểm, hoạt động của các cơ quan Trung ương và quốc tế, các sự kiện chính trị, ngoại giao, văn hóa diễn ra trên địa bàn. Hoàn thành toàn diện các nhiệm vụ quốc phòng-an ninh. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang Thủ đô vững mạnh toàn diện.

2. Những tồn tại, hạn chế

Bên cạnh các kết quả đạt được, việc tổ chức thi hành Luật Thủ đô và các văn bản quy định chi tiết thi hành còn chưa đạt kết quả như mong muốn. Các cơ chế chính sách quy định trong Luật Thủ đô chưa phát huy được hiệu quả do thiếu các quy định cụ thể về cơ chế đặc thù, phân cấp cho Thành phố nhằm thực sự tháo gỡ những tồn tại, hạn chế trong phát triển, đời sống kinh tế - xã hội Thủ đô, thể hiện ở các mặt như sau:

Về phát triển kinh tế: Mặc dù có tốc độ tăng trưởng cao hơn mức bình quân chung của cả nước với sức chống chịu khá tốt trước những tác động từ bên ngoài và đại dịch Covid-19, nhưng nhìn chung kinh tế thủ đô phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của Thành phố. Ngành dịch vụ tăng trưởng dưới tiềm năng, thấp hơn mức tăng GRDP chung, đóng góp trong cơ cấu GRDP có xu hướng giảm. Năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm chủ lực, mũi nhọn chưa cao. Sản xuất nông nghiệp chưa ổn định, hiệu quả còn thấp; nông nghiệp sạch, hữu cơ, công nghệ cao còn ít, chậm chuyển biến; chuyển dịch cơ cấu nội ngành chưa theo kịp yêu cầu. Chuyển dịch cơ cấu lao động chưa đồng bộ với chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Tiến độ giải ngân vốn đầu tư, nhất là đầu tư công còn chậm. Việc sắp xếp, cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước chưa đạt mục tiêu. Khu vực kinh tế tư nhân chưa thực sự là một động lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế; số lượng doanh nghiệp tư nhân tăng chậm, phần lớn quy mô nhỏ và siêu nhỏ. Trình độ quản lý, sức cạnh tranh và khả năng tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu của nhiều doanh nghiệp còn hạn chế. Nhiều hoạt động liên kết kinh tế vùng, hợp tác kinh tế trong và giữa các ngành, các thành phần kinh tế, cũng như giữa Thủ đô với các địa phương trong vùng Thủ đô và cả nước chưa thật hiệu quả. Các chỉ số: Hải lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS); Hiệu quả Quản trị và Hành chính công (PAPI) còn ở vị trí thấp so với cả nước.

Về quy hoạch, xây dựng, quản lý, phát triển đô thị, đất đai, bảo vệ môi trường: Một số mục tiêu, chỉ tiêu nhiệm vụ trong công tác quy hoạch của Thành phố còn chưa đạt yêu cầu về tiến độ đề ra, chất lượng của một số đề án quy hoạch, quản lý quy hoạch còn hạn chế. Tỷ lệ đô thị hóa thấp, phát triển chưa đồng đều; tỷ lệ đất dành cho giao thông, tỷ lệ vận tải hành khách bằng phương tiện công cộng, xử lý ô nhiễm môi trường không khí kiểm soát và xử lý nước

thải sinh hoạt còn thấp, chậm cải thiện⁴⁶. Phát triển kết cấu hạ tầng đô thị và nông thôn còn nhiều khó khăn, đặc biệt là vùng ven đô, hạ tầng giao thông công cộng và kết nối liên vùng. Tiến độ triển khai một số dự án hạ tầng kỹ thuật thiết yếu (công trình giao thông, nhà máy xử lý rác thải, nước thải, công viên,...) còn chậm. Công tác quy hoạch và phát triển các đô thị vệ tinh, phát triển nhà ở xã hội, cải tạo chung cư cũ chưa đạt tiến độ. Việc sử dụng đất đai còn chưa hiệu quả, đặc biệt là đất nông nghiệp; việc khai thác lợi thế, giá trị gia tăng từ đất còn nhiều hạn chế.

Về phát triển văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ: Công tác bảo tồn, khai thác, phát huy vai trò của văn hóa trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập, phát triển chưa tương xứng với các tiềm năng, thế mạnh, vai trò, vị thế của Thủ đô. Hệ thống thiết chế văn hóa cả ở cấp Thành phố và cơ sở còn thiếu, chưa đồng bộ, hiệu quả sử dụng chưa cao. Xã hội hóa và huy động, sử dụng nguồn lực xã hội trong lĩnh vực văn hóa còn bất cập. Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo chưa thực sự trở thành động lực quan trọng, đột phá để nâng cao năng suất lao động, khả năng cạnh tranh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô. Hiệu quả hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Thành phố, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong các doanh nghiệp còn hạn chế. Việc kết nối giữa hoạt động nghiên cứu với thị trường, doanh nghiệp nhìn chung còn yếu. Thị trường khoa học - công nghệ ở Thủ đô còn manh mún. Kết quả triển khai Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm của Thành phố còn hạn chế. Tiến độ triển khai các dự án khoa học và công nghệ còn chậm. Cơ sở vật chất phục vụ giáo dục - đào tạo ở những khu vực mật độ dân số cao, đô thị hóa nhanh còn chưa đáp ứng yêu cầu; chất lượng đào tạo nghề, nhất là lao động nông thôn chưa theo kịp yêu cầu của thị trường lao động. Việc chuyển đổi các cơ sở giáo dục - đào tạo công lập có khả năng xã hội hóa sang mô hình tự chủ còn thấp.

Đối với những mục tiêu, giải pháp, quy định được đề ra trong Luật Thủ đô, việc thực hiện còn có những tồn tại, hạn chế như sau:

- *Về biện pháp thực hiện quy hoạch và quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị:*

+ Theo quy hoạch chung xây dựng Thủ đô, khu vực nội đô lịch sử là khu vực hạn chế phát triển nhà ở, công trình cao tầng, giảm mật độ xây dựng và mật độ cư trú; Đồng thời khuyến khích phát triển các đô thị vệ tinh, chuỗi đô thị phía Bắc sông Hồng, phía Đông vành đai 4 để tạo sức hút dân cư, giảm tải cho đô thị trung tâm; bên cạnh đó Thành phố cũng đã ban hành Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc công trình cao tầng trong khu vực nội đô lịch sử⁴⁷. Tuy nhiên, theo cơ sở pháp lý riêng của từng dự án, một số công trình chung cư cao tầng vẫn được đầu tư xây dựng, làm gia tăng thêm áp lực về dân số, hạ tầng kỹ thuật,

⁴⁶ Đến năm 2020: Tỷ lệ đô thị hóa đạt 49,2%; đất dành cho giao thông đạt 10,05%; tỷ lệ vận chuyển hành khách công cộng đạt 14,85%; xử lý nước thải sinh hoạt đạt 28,8%. Thấp hơn so với Nghị quyết và các Kế hoạch đề ra.

⁴⁷ Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 07/4/2016 của UBND Thành phố.

hạ tầng xã hội trong khu vực nội thành Hà Nội⁴⁸;

+ Hiện nay, do chưa có quy định, hướng dẫn cụ thể nên Thành phố còn chưa lập được quy hoạch không gian ngầm để tích hợp với Quy hoạch chung xây dựng, các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết. Thành phố cũng gặp nhiều khó khăn trong xây dựng quy hoạch cấp điện, quy hoạch chiếu sáng. Việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn trong quy hoạch đối với một số loại công trình công cộng trong khu vực nội thành (giao thông, xây dựng, cấp thoát nước, điện, truyền hình, internet) chưa đồng bộ tác động đến công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn Thủ đô. Việc giám sát thực hiện dự án đầu tư các khu đô thị trên địa bàn còn nhiều bất cập. Công tác quản lý và thực hiện quy hoạch còn hạn chế. Việc thực hiện các khu đô thị chức năng, đô thị vệ tinh chậm. Thủ đô chưa trở thành một tổng thể đa trung tâm, có cấu trúc hoàn chỉnh, hiện đại gắn với phát triển các thành phố vệ tinh; chưa có các đô thị, vùng chức năng gắn với vùng cảnh quan/di tích tập trung tại Ba Vì, Suối Hai, Hương Sơn, Cổ Loa,...

+ Việc lưu trữ, quản lý hồ sơ các công trình có giá trị qua các thời kỳ còn thiếu, chưa đầy đủ. Thành phố thiếu các công cụ quản lý về phát triển đô thị như: chương trình phát triển đô thị, khu vực phát triển đô thị và kế hoạch thực hiện khu vực phát triển đô thị,... Điều đó dẫn đến việc đầu tư dự án phát triển đô thị dàn trải, không theo quy hoạch và kế hoạch. Tình trạng lấn chiếm, xây dựng không phép, trái phép trong thời gian trước đây đã phá vỡ công năng, kiến trúc, làm biến dạng các công trình có giá trị. Việc thực thi đồ án quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị còn bị kéo dài. Còn phát sinh những trường hợp nhà “siêu mỏng, siêu méo” dẫn đến sự chắp vá, thiếu đồng bộ, ảnh hưởng xấu đến bộ mặt đô thị. Thành phố chưa có cơ chế khuyến khích người dân tự nguyện tham gia cùng chính quyền trong chỉnh trang đô thị nơi mình sinh sống. Việc thu hồi diện tích mở rộng hai bên tuyến đường (50m) khi thực hiện quy hoạch gặp khó khăn. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng còn có nhiều khiếu kiện, dẫn đến việc chậm thực hiện dự án.

- Về quản lý biệt thự, công trình kiến trúc cổ: mới dừng ở công tác rà soát, lập danh mục. Nhiều biệt thự, công trình kiến trúc cổ bị cải tạo, biến dạng do quá trình sử dụng của người dân, một số công trình xuống cấp có nguy cơ sập đổ nhưng chưa được bảo tồn đúng quy định. Nguyên nhân, trong giai đoạn trước (từ năm 1954-2009), biệt thự cũ chỉ được coi là một dạng nhà ở nên nhà nước chưa có cơ chế quản lý, cải tạo sửa chữa, bảo tồn; mặt khác, quá trình sử dụng của người dân đã lấn chiếm, cải tạo gây biến dạng nhiều công trình. Đến nay, việc phục dựng, bảo tồn biệt thự, công trình kiến trúc cổ cần có nguồn kinh phí rất lớn; chưa có cơ chế quản lý hữu hiệu và huy động nguồn lực của cá nhân, tổ

⁴⁸ Thống kê sơ bộ tại một số quận Ba Đình, Đống Đa, Hai Bà Trưng cho thấy nhiều dự án nhà cao tầng đã và đang được triển khai xây dựng như: Tổ hợp trung tâm thương mại, văn phòng và căn hộ cao cấp Vinhomes Metropolis - Liễu Giai, Đội Cấn; Tổ hợp trung tâm dịch vụ, thương mại và nhà ở tại trung tâm Hội trợ triển lãm Việt Nam - Láng Hạ; Tòa nhà Hong Kong Tower - Đê La Thành; Tổ hợp văn phòng cho thuê, căn hộ Vinhomes 56 Nguyễn Chí Thanh; các dự án xây dựng trên nền đất của các công ty cổ phần đầu tư xây dựng số 7, Công ty cổ phần bánh kẹo Hải Châu, ĐH Y tế Cộng đồng...

chức trong quá trình quản lý, sử dụng biệt thự, công trình kiến trúc cổ.

- *Về bảo tồn và phát triển văn hóa:* Công tác bảo tồn, phát triển văn hóa còn chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh, vị thế của Thủ đô. Chưa phát huy hết các giá trị văn hóa của Thăng Long - Hà Nội - Xứ Đoài để tạo nên các sản phẩm văn hóa lớn. Một số tiêu chí xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh chưa đạt yêu cầu, chưa tạo được sự chuyển biến rõ nét về văn hóa ứng xử, nếp sống văn minh đô thị của người dân. Công tác bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể đã được quan tâm nhưng Thành phố chưa có chiến lược phát huy giá trị văn hóa Thủ đô một cách đồng bộ về các mặt như kinh tế, giáo dục, du lịch, dịch vụ.... Việc lưu trữ, quản lý hồ sơ các công trình có giá trị qua các thời kỳ chưa đầy đủ. Nhiều di tích xuống cấp, trong đó có di tích xuống cấp nặng, có nguy cơ sập đổ nhưng chưa cân đối được nguồn lực để tu bổ kịp thời.

Việc huy động nguồn lực xã hội hóa cho bảo tồn và phát triển văn hóa còn hạn chế. Thành phố còn thiếu cơ chế khuyến khích, huy động các tổ chức, cá nhân đóng góp tự nguyện vào việc xây dựng công trình văn hóa, công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí và bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn Thủ đô.

- *Về phát triển giáo dục:* Việc phát triển giáo dục đã có một số chuyển biến tích cực, song còn gặp nhiều khó khăn, nhất là ở các huyện, thị xã về tiến độ công nhận trường chất lượng cao; đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên còn thiếu kinh nghiệm, việc đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất còn nhiều khó khăn, chậm tiến độ, một số trường học còn thiếu phòng học, phòng chức năng, thiếu trang thiết bị và xuống cấp; tình trạng quá tải của hệ thống trường công lập chưa được giải quyết dứt điểm. Trẻ em ở độ tuổi mẫu giáo, nhà trẻ vẫn còn gặp khó khăn do thiếu trường, thiếu nhóm lớp, chưa đáp ứng được nhu cầu gửi trẻ theo quy định (Ví dụ như ở quận Nam Từ Liêm và quận Bắc Từ Liêm). So với tiêu chuẩn QCXDVN-2008 thì diện tích để xây dựng trường mầm non trong nội thành còn thiếu khoảng 1.109.627m⁴⁹. Việc huy động nguồn lực xã hội đầu tư cho giáo dục đào tạo còn có những hạn chế.

- *Về phát triển khoa học, công nghệ:* Đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ của Thành phố tập trung đông, nhưng chưa hợp lý về ngành nghề, trình độ, lĩnh vực hoạt động, còn thiếu những chuyên gia đầu ngành. Thành phố chưa khai thác được tối đa tiềm lực cơ sở vật chất và nguồn lực chất xám của các cơ quan, viện nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng của Trung ương đóng trên địa bàn; chưa huy động được các tổ chức kinh tế và doanh nghiệp tích cực đầu tư cho hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ.

Trước những yêu cầu mới của tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa Thủ đô, trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thị trường khoa học và công nghệ còn manh mún, phát triển chưa tương

⁴⁹ Dự báo về Quy hoạch mạng lưới trường mầm non, thì đến năm 2020 Thành phố còn thiếu 166 trường mầm non công lập, trong đó giai đoạn 2016-2017 còn thiếu 52 trường, giai đoạn 2018-2020 còn thiếu 114 trường (Nguồn: tổng hợp từ Báo cáo số 3472/BGDDT-PC ngày 14/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

xứng tiềm năng, thế mạnh. Yếu tố cấu thành thị trường chưa rõ ràng, minh bạch. Cơ chế quản lý còn lỏng lẻo. Các hoạt động khởi nghiệp và hỗ trợ khởi nghiệp thiếu sự liên kết và chưa đủ mạnh để phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Bên cạnh đó, vẫn còn thiếu cơ chế hiệu quả để hỗ trợ các sản phẩm nghiên cứu và phát triển công nghệ trở thành sản phẩm hàng hóa, đáp ứng được nhu cầu của các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Vai trò của các tổ chức trung gian, tư vấn chuyển giao công nghệ còn mờ nhạt, nhất là các tổ chức có chức năng đánh giá, định giá công nghệ, xúc tiến và môi giới chuyển giao công nghệ. Số lượng công bố khoa học quốc tế của Hà Nội đứng thứ 2 cả nước nhưng việc chuyển giao ứng dụng vào thực tiễn còn hạn chế. Việc nhân rộng mô hình nghiên cứu, nhất là trong sản xuất nông nghiệp còn chậm.

Chính sách trọng dụng nhân tài đã được quan tâm, nhưng số lượng sinh viên tốt nghiệp thủ khoa xuất sắc của các trường đại học, cao đẳng được tuyển dụng bố trí làm việc tại các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố và các quận, huyện, thị xã còn chiếm tỷ lệ thấp. Cơ chế ưu đãi chưa hấp dẫn gây khó khăn cho việc giữ nhân tài đã tuyển dụng làm việc lâu dài.

- Về quản lý, bảo vệ môi trường và đất đai:

+ Nguồn lực cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật các lĩnh vực xử lý nước thải, rác thải còn hạn chế⁵⁰. Tỷ lệ xử lý ô nhiễm môi trường không khí, kiểm soát và xử lý nước thải chưa đạt kế hoạch. Tiến độ triển khai một số dự án nhà máy xử lý chất thải rắn, nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt/khu cụm công nghiệp/làng nghề còn chậm. Tình trạng xả nước thải, chất thải chưa qua xử lý hoặc xử lý không đạt quy chuẩn kỹ thuật vào các sông, ao, hồ, kênh mương còn diễn biến phức tạp. Chất lượng môi trường không khí có dấu hiệu suy thoái, nồng độ bụi tại nhiều khu vực đã vượt quá tiêu chuẩn cho phép. Việc di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, không phù hợp với quy hoạch ra ngoài khu vực nội đô cũ còn gặp nhiều khó khăn, chưa bảo đảm tiến độ. Quy chuẩn kỹ thuật về môi trường (nước thải, khí thải) trên địa bàn Thủ đô đã được ban hành, đòi hỏi các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, làng nghề,... đầu tư hệ thống xử lý chất thải với công nghệ hiện đại để đáp ứng dẫn đến chi phí đầu tư cao.

+ Công tác quản lý đất đai, trật tự xây dựng có mặt còn yếu kém. Giải phóng mặt bằng ở một số dự án còn chậm. Việc chuẩn bị quỹ nhà tái định cư còn bị động. Việc di dời các bộ, ngành, cơ sở giáo dục đào tạo, bệnh viện... ra khỏi trung tâm theo quyết định số 130/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ chưa được các bộ, ngành quan tâm triển khai thực hiện⁵¹. Quỹ đất sau khi di dời

⁵⁰ Kinh phí chi thường xuyên từ nguồn sự nghiệp hằng năm của Thành phố chủ yếu dành cho các hoạt động duy trì vệ sinh môi trường, duy tu hạ tầng đô thị; việc đầu tư cho xử lý chất thải của Thành phố còn hạn chế; chưa đa dạng được nhiều nguồn vốn cho công tác bảo vệ môi trường, chưa thu hút và khuyến khích được nhiều thành phần kinh tế tham gia.

⁵¹ Đến nay 5 bộ ngành được giao vẫn chưa trình Thủ tướng Chính phủ danh mục, biện pháp, lộ trình di dời và việc sử dụng quỹ đất sau khi di dời cơ sở sản xuất công nghiệp, bệnh viện, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan đơn vị trong nội thành Hà Nội theo Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 23/01/2015. Quỹ đất sau khi di dời chưa được bàn giao lại cho Thành phố để ưu

không bàn giao lại cho Thành phố để quản lý, khai thác, sử dụng theo quy định⁵². Việc di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp gây ô nhiễm còn chậm do vướng mắc nhiều về cơ chế, chính sách. Các biện pháp về tài chính (nâng mức thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng sớm theo Nghị quyết số 09/2013/NQ-HĐND của HĐND Thành phố) mới chỉ được áp dụng tại các dự án đầu tư quan trọng và cho các phương án bồi thường, hỗ trợ được UBND cấp huyện phê duyệt từ ngày 27/7/2013, chưa được nhân rộng, áp dụng thống nhất.

+ Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn hạn chế, chưa sát thực tế, dự báo nhu cầu sử dụng đất của một số ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội còn vượt quá so với nhu cầu của nguồn lực đầu tư, làm ảnh hưởng đến kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Quy hoạch sử dụng đất với quy hoạch đô thị và các quy hoạch ngành, lĩnh vực khác có sử dụng đất có nơi còn chưa được thống nhất về mặt nội dung, dẫn đến một số trường hợp còn phải điều chỉnh trong quá trình thực hiện.

Việc quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sau khi được phê duyệt còn có tình trạng buông lỏng. Có địa phương còn dễ xảy ra vi phạm quy hoạch. Việc triển khai lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện còn chưa bảo đảm về thời gian, do phụ thuộc nhiều vào tiến độ thời gian triển khai lập phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai cấp tỉnh trong quy hoạch tỉnh.

Hệ thống thông tin, dữ liệu đất đai còn chưa đáp ứng yêu cầu quản lý, khai thác, sử dụng thông tin đất đai của nhà nước, doanh nghiệp, người dân. Việc xác định giá đất trong một số trường hợp còn chậm chưa đáp ứng kịp thời về tiến độ tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tính bồi thường khi nhà nước thu hồi đất. Một số địa phương lúng túng trong việc áp dụng các quy định của pháp luật về xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất khi nhà nước giao đất, cho thuê đất.

- Về phát triển và quản lý nhà ở:

Các dự án phát triển nhà, đặc biệt là nhà ở thương mại mặc dù theo quy hoạch nhưng chủ yếu tập trung trong khu vực nội thành (thuộc 12 quận) gây ra hiện tượng nén về mật độ dân cư, tạo áp lực lên hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội ở nhiều khu vực; trong khi đó việc triển khai các dự án phát triển nhà khu vực ngoại thành gặp nhiều khó khăn, khó thu hút được nhà đầu tư do hiệu quả sinh

tiên xây dựng, phát triển các công trình công cộng theo quy định tại khoản 4 Điều 15 Luật Thủ đô. Theo thống kê, thành phố đã xem xét, giới thiệu địa điểm, quỹ đất để đầu tư xây dựng các cơ sở Trung ương đối với 21 đơn vị (7 bộ ngành, 12 bệnh viện và 02 cơ sở giáo dục), trong đó 18 đơn vị vẫn giữ địa điểm cũ, không bàn giao lại cho Thành phố; 03 cơ sở chuyển đổi chức năng theo chấp thuận của cấp thẩm quyền.

⁵² Báo cáo số 187/BC-UBND ngày 18/6/2019 của UBND TP Hà Nội: Thành phố đã bố trí quỹ đất tập trung tại khu vực Tây Hồ Tây, quận Tây Hồ (khoảng 20ha) và Mê Trì, quận Nam Từ Liêm (khoảng 55ha). Ngoài ra, thành phố đã giải quyết, bố trí quỹ đất di dời: 7 cơ sở tiếp tục giữ lại làm trụ sở hoặc bàn giao cơ quan Trung ương quản lý; 2 cơ sở đã được chấp thuận chuyển đổi mục đích sử dụng đất để tạo nguồn vốn di dời và đầu tư xây dựng trụ sở mới (Trụ sở Thanh tra Chính phủ tại 220 Đội Cấn, quận Ba Đình; Trụ sở Viện Kiểm sát nhân dân tối cao tại số 45 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm).

lợi không cao, nguy cơ tồn đọng về vốn rất lớn, có những khu nhà ở đã hoàn thành nhưng không có người đến ở, chưa khớp nối đồng bộ dịch vụ đô thị, hạ tầng kỹ thuật, do đó mục tiêu giảm dân số khu vực nội đô lịch sử theo Quy hoạch chung xây dựng còn chưa đạt được.

Quỹ đất dành cho phát triển nhà ở xã hội còn hạn chế. Các dự án nhà ở xã hội, nhà ở tái định cư còn chậm được triển khai, vị trí phát triển nhà ở xã hội, nhà ở tái định cư, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội còn chưa đồng bộ, dẫn đến việc thu hút người mua còn hạn chế.

Việc cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang các khu chung cư cũ trong nội thành chậm và còn nhiều vướng mắc về cơ chế, chính sách⁵³. Năng lực của một số chủ đầu tư, nhà đầu tư, nhà thầu, tư vấn ở một số dự án còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu. Mặt khác, các chủ đầu tư không muốn tham gia do hiệu quả đầu tư, kinh doanh thấp (phải đáp ứng yêu cầu về chiều cao công trình, mật độ xây dựng, mật độ dân cư). Chính sách hỗ trợ tạm cư, tái định cư tại chỗ còn chưa được áp dụng thống nhất. Công tác rà soát, đánh giá, lập danh mục khu chung cư cũ, nhà cũ xuống cấp để công bố thu hút đầu tư còn chậm.

- Về chính sách ưu tiên đầu tư và huy động nguồn lực đầu tư xây dựng các khu đô thị, nhà ở, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại, thuận tiện ở ngoại thành: UBND các huyện ngoại thành chưa chú trọng công tác tổ chức rà soát, phối hợp triển khai thực hiện và tổng hợp sắp xếp nhu cầu đầu tư các dự án theo thứ tự ưu tiên, chưa xác định cơ chế đầu tư để đề xuất lập Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư cho kỳ kế hoạch đầu tư 05 năm, kế hoạch đầu tư hằng năm nhằm kêu gọi, thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia đầu tư ở từng địa bàn huyện, thị xã ngoại thành của Thành phố; từ đó lập ra Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư (chưa được tổ chức thẩm định) không rõ ràng về thông số chi tiết, chưa cụ thể về vị trí, chưa rõ việc sử dụng nguồn vốn

⁵³ Quy định của Luật Nhà ở phải đảm bảo 100% các chủ sở hữu nhà chung cư thống nhất phá dỡ để cải tạo, xây dựng mới đối với nhà chung cư cũ không phải là nhà chung cư cấp D. Khó khăn, vướng mắc về trình tự thực hiện dự án: Theo quy định của Nghị định số 101/2015/NĐ-CP, nhà đầu tư phải lập hồ sơ đề xuất đăng ký tham gia làm chủ đầu tư dự án kèm theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để các chủ sở hữu nhà chung cư lựa chọn, sau đó mới lập quy hoạch chi tiết của dự án trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt là không khả thi do khi quy hoạch chi tiết của dự án chưa được phê duyệt thì nhà đầu tư không xác định được cụ thể các chỉ tiêu quy hoạch, kiến trúc của dự án để có cơ sở đề xuất phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án.

+ Quy định phải có kết quả kiểm định chất lượng nhà chung cư cũ là nhà chung cư hết niên hạn sử dụng hoặc bị hư hỏng nặng, có nguy cơ sập đổ, không đảm bảo an toàn cho người sử dụng mới đưa vào Kế hoạch cải tạo, xây dựng mới nhà chung cư sẽ không khả thi do để kiểm định toàn bộ các nhà chung cư cần khoản kinh phí lớn, thời gian kiểm định kéo dài không cần thiết.

+ Quy định việc Nhà nước thực hiện cải tạo xây dựng mới chung cư cũ bằng nguồn vốn nhà nước (hoặc theo hình thức BT) là chưa phù hợp, vì: Việc bảo trì hoặc cải tạo xây dựng mới nơi ở của mình thuộc trách nhiệm của chủ sở hữu được quy định tại Điều 86, Điều 87 của Luật nhà ở 2014. Mặt khác, Thành phố không có đủ kinh phí để triển khai cải tạo, xây dựng mới nếu không thực hiện xã hội hóa vì số lượng nhà chung cư cũ trên địa bàn Thành phố lớn (có tới 1.579 nhà chung cư cũ). Các dự án thực hiện theo hình thức BT hiện đang bị tạm dừng chờ quy định, hướng dẫn cụ thể của Chính phủ.

+ Chưa quy định những chính sách cụ thể về bồi thường hỗ trợ tái định cư, tạm cư, đặc biệt là cơ chế hỗ trợ di dời, trình tự, thủ tục cưỡng chế, giải phóng mặt bằng, cơ chế bồi thường, hỗ trợ cho các đối tượng trong phạm vi dự án.

đầu tư, mục tiêu đầu tư mới định tính gây sự trùng lặp về dự án, chưa nêu rõ căn cứ lập.

- *Về phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, giao thông vận tải:*

Việc phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật (cấp, thoát nước; cấp điện, chiếu sáng thông tin liên lạc...) của Thành phố chưa được thực hiện đồng bộ trên các tuyến phố chính, đặc biệt trong khu vực nội đô lịch sử, đến nay cũng vẫn chưa được hoàn thiện. Công tác quản lý, vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật của Thành phố thiếu tính đồng bộ, chưa được đầu tư đúng mức. Việc đầu tư xây dựng công trình hạ tầng như thu gom, xử lý, phân loại rác thải; thu gom, xử lý nước thải có công nghệ hiện đại đòi hỏi có nhu cầu vốn đầu tư rất cao, trong khi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng chưa đáp ứng đầy đủ, do vậy nguồn vốn đầu tư xây dựng chủ yếu từ nguồn vốn ODA, vốn kêu gọi từ hợp tác công tư (PPP), nhưng cơ chế, chính sách để kêu gọi nhà đầu tư lại chưa hoàn thiện;

Đối với phát triển giao thông, hiện nay tỷ lệ quỹ đất giao cho giao thông nói chung, giao thông tĩnh nói riêng còn quá thấp so với yêu cầu. Trong khi đó, việc mở rộng tuyến giao thông trong khu vực nội đô là rất khó khăn, cộng thêm chi phí cho công tác đền bù, giải phóng mặt bằng để mở rộng các tuyến đường rất cao, gây sức ép cho ngân sách của Thành phố.

Tiến độ đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông còn chậm: Mạng lưới các tuyến đường giao thông thuộc hệ thống hạ tầng khung vẫn chưa hình thành đồng bộ theo quy hoạch (*Vành đai 3 chưa khép kín. Vành đai 2,5 và vành đai 3,5 vẫn chỉ đang triển khai từng đoạn chưa kết nối toàn tuyến. Vành đai 4 chưa được đầu tư hình thành*). Hệ thống các tuyến đường hướng tâm kết nối đô thị trung tâm với đô thị vệ tinh vẫn chủ yếu khai thác trên cơ sở hệ thống đường quốc lộ hướng tâm hiện có. Hệ thống mạng lưới đường sắt đô thị vẫn đang trong giai đoạn đầu tư và chưa có tuyến nào được đưa vào khai thác sử dụng. Hệ thống cầu vượt sông Hồng, sông Đuống kết nối khu vực 02 bên sông còn thiếu.

- *Về quản lý dân cư:* Tỷ lệ tăng dân số cơ học còn cao cả ở nội thành và ngoại thành (nhất là ở nội thành, khu vực nội đô lịch sử)⁵⁴, chưa kiểm soát được mức độ gia tăng theo Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô. Mật độ dân cư phân bố không đều, có sự chênh lệch đáng kể giữa ngoại thành và nội thành. Ở các quận như Đống Đa, Ba Đình, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Thanh Xuân và Cầu Giấy, có mật độ dân số cao nhất, trung bình đều trên 24.000 người/km², gây quá tải về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, tác động mạnh đến công tác quản lý dân cư, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, môi trường trên địa bàn Thủ đô.

- *Về bảo vệ Thủ đô và bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thủ đô:* Thực tế cho thấy, nhiều hành vi trong một số lĩnh vực như: môi trường, giao thông đường bộ, trật tự an toàn xã hội, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa

⁵⁴ Báo cáo số 135/BC-CP ngày 18/4/2018 của Chính phủ thì năm 2013, tổng số dân số của 04 quận nội đô lịch sử (bao gồm Hoàn Kiếm, Ba Đình, Đống Đa, Hai Bà Trưng) là 966.806 người; năm 2014, dân số là 1,09 triệu người (tỷ lệ tăng dân số đạt 113,21%) và đến năm 2017, con số này lên tới 1,13 triệu người (tỷ lệ tăng dân số đạt 117,33%).

cháy, quảng cáo, cần phải quy định mức xử phạt cao hơn để đảm bảo văn minh đô thị, an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Tuy nhiên, lại chưa được Luật Thủ đô và Luật Xử lý vi phạm hành chính giao thẩm quyền cho HĐND Thành phố quy định. Một số hành vi vi phạm quy định về quản lý nhà nước nhưng chưa có quy định pháp luật xử phạt vi phạm hành chính điều chỉnh như: hiện tượng giới trẻ hiện nay sử dụng trăn lan, không kiểm soát chất N₂O (bóng cười) gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức khỏe người sử dụng gây ra những tác hại tiêu cực trong lối sống, đạo đức xã hội, có trường hợp sử dụng quá mức dẫn tới tử vong. Thiếu quy định về biện pháp xử lý đối với một số hành vi vi phạm pháp luật về phòng cháy chữa cháy trong đầu tư, xây dựng công trình nhất là nhà cao tầng nên đã xảy ra thiệt hại lớn về người và tài sản trên địa bàn thành phố Hà Nội⁵⁵.

Đối với các lĩnh vực được quy định trong Luật Thủ đô, tình hình vi phạm hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng còn diễn ra khá phổ biến, thường xuyên, đặc biệt là các quận vùng ven như: Bắc Từ Liêm, Long Biên, Hà Đông, Hoàng Mai...nhất là việc chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp (xây dựng trên đất nông nghiệp) không được cơ quan có thẩm quyền cho phép. Việc quản lý về đất đai có nơi còn buông lỏng tạo cơ hội cho người dân vi phạm. Việc phát hiện vi phạm và xử lý vi phạm còn chậm, nhiều vụ việc vi phạm kéo dài qua các năm dẫn đến tình trạng khó xử lý dứt điểm.

- Chính sách, cơ chế về tài chính:

+ Theo quy định của Luật Thủ đô, Luật Ngân sách nhà nước và Nghị định 63/2017/NĐ-CP về cơ chế, chính sách tài chính ngân sách đặc thù đối với Thủ đô Hà Nội), hằng năm ngân sách Trung ương thực hiện thường vượt thu và đầu tư trở lại cho thành phố Hà Nội tương ứng toàn bộ số tăng thu ngân sách Trung ương trên địa bàn Thành phố. Tuy nhiên, trong giai đoạn 2016-2020, trước bối cảnh chỉ tiêu giao thu NSNN của Trung ương có mức tăng cao so với năm trước và khả năng thực tế của địa phương. Theo đó, từ 2017 đến nay, Thành phố đều hoàn thành và vượt dự toán thu NSNN Trung ương giao. Tuy nhiên, do chỉ tiêu dự toán Trung ương giao cao nên Thành phố không có tăng thu đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách Trung ương và ngân sách Thành phố so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao. Chính vì vậy, từ năm 2017 đến nay, Thành phố không được thường vượt thu và đầu tư trở lại theo các cơ chế, chính sách nêu trên.

+ Về nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương cho Thành phố để thực hiện các chương trình dự án lớn, trong các năm từ 2014 đến nay, ngân sách Trung ương đã hỗ trợ ngân sách Thành phố gần 1.115 tỷ đồng để thực hiện một số chương trình, dự án đầu tư lớn trên địa bàn Thành phố⁵⁶. Tuy nhiên, so với yêu

⁵⁵ Tổng kết của ngành Công an từ năm 2016 đến nay trên địa bàn Thành phố Hà Nội đã xảy ra 430 vụ cháy liên quan đến công trình không thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về PCCC (Kế hoạch số 151/KH-UBND ngày 18/6/2021)

⁵⁶ Các dự án này đã góp phần tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô, đặc biệt là các dự án trong lĩnh vực thủy lợi, đê kè chống sạt lở bờ sông Hồng, sông Đuống, giúp bảo vệ an toàn đê điều,

cầu và để đáp ứng nhiệm vụ xây dựng, phát triển Thủ đô, thì nguồn hỗ trợ của Trung ương còn rất hạn hẹp, chưa đảm bảo chính sách ưu đãi theo quy định của Luật Thủ đô⁵⁷.

+ Việc giảm tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia giữa ngân sách Trung ương và ngân sách thành phố Hà Nội sau mỗi thời kỳ ổn định ngân sách làm ảnh hưởng đến nguồn lực cho đầu tư phát triển và phát triển kinh tế xã hội của Thành phố (giai đoạn 2009-2010 là 45%, giai đoạn 2011-2016 là 42%, giai đoạn 2017-2020 giảm còn 35%).

+ Về thực hiện quy định tại khoản 2, Điều 21 Luật Thủ đô: Dự toán chi ngân sách của Thủ đô được xác định trên cơ sở định mức phân bổ chi ngân sách cao hơn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác được áp dụng cho các thời kỳ ổn định từ 03 đến 05 năm và tại Điều 4 của Nghị định số 63/2017/NĐ-CP. Đối với định mức phân bổ chi thường xuyên cho thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020 cao hơn không đáng kể so với một số địa phương khác. Đối với định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn NSNN giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ không có quy định về tiêu chí bổ sung và ưu đãi về định mức phân bổ cho thành phố Hà Nội. Do vậy, việc quy định định mức phân bổ như trên chưa đảm bảo được tính đặc thù cho thành phố Hà Nội theo quy định của Luật Thủ đô và Nghị định số 63/2017/NĐ-CP.

+ Thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế Thủ đô, nhu cầu đầu tư cho các dự án trọng điểm của Hà Nội là rất lớn, đặc biệt sau khi mở rộng địa giới thành phố Hà Nội, cơ sở hạ tầng khu vực nông thôn còn khó khăn, nguồn vốn đầu tư hạn chế so với yêu cầu, việc thực hiện các nhiệm vụ chi ngân sách của Thành phố gặp nhiều khó khăn.

- Về thực hiện cơ chế phối hợp, liên kết vùng (Điều 23 Luật Thủ đô):

+ Mặc dù Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô đã được điều chỉnh theo Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 06/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 (đã bổ sung thêm 03 tỉnh so với Quy hoạch Vùng Thủ đô năm 2008 theo Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 05/5/2008), song đến nay, cơ chế liên kết, kết nối giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng với nhau hoặc với các cơ quan trung ương vẫn chưa được xác lập để tạo sự chủ động cho các tỉnh, thành phố trong công tác phối hợp, liên kết Vùng. Thực tế cũng đã có một số hoạt động mang tính kết nối, phối hợp giữa các tỉnh trong Vùng, tuy nhiên chủ yếu vẫn mang tính tự phát, hình thức. Các liên kết kinh tế chưa dựa trên sự chuyên môn hóa hay phân công lao động một cách hợp lý dựa vào tiềm năng,

tính mạng, tài sản của nhân dân,...

⁵⁷ Trong 05 năm 2016-2020 thành phố Hà Nội thực hiện 35 dự án lớn về giao thông, môi trường, đề điều thủy lợi, mang ý nghĩa quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng Thủ đô, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ với tổng mức đầu tư 181.318 tỷ đồng, tổng số vốn đầu tư trong giai đoạn 2016-2020 là 116.842 tỷ đồng, trong đó đề nghị hỗ trợ có mục tiêu nguồn vốn trong nước từ ngân sách Trung ương là 36.613 tỷ đồng.

thế mạnh của mỗi địa phương, mà chủ yếu là liên kết giữa một số doanh nghiệp, địa phương có chung ranh giới thực hiện cùng đầu tư, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm... với quy mô nhỏ lẻ, thiếu tính bền vững;

+ Việc phối hợp trong việc thực hiện khảo sát, chuẩn bị quỹ đất phục vụ việc di dời trụ sở cơ quan Trung ương, trường đại học, bệnh viện và cơ sở sản xuất từ nội thành Hà Nội còn nhiều hạn chế, bất cập: không có quy định về thời hạn thực hiện, các đơn vị được di dời không chủ động nguồn lực tài chính, nên một số địa phương đã bố trí quỹ đất bàn giao mặt bằng cho các đơn vị nhưng nhiều năm không thực hiện xây dựng, gây lãng phí nguồn lực, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; công tác xử lý môi trường bảo vệ nguồn nước trên các hệ thống sông trong vùng còn nhiều vướng mắc chưa có cơ chế giải quyết triệt để.

+ Trước thời điểm Chính phủ ban hành Nghị định số 91/2021/NĐ-CP, còn thiếu cơ chế điều hành chung trong việc phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong Vùng Thủ đô. Ban chỉ đạo quy hoạch và đầu tư xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội đã được thành lập nhưng hoạt động chưa hiệu quả; trong thời gian qua chưa chủ động tổ chức được các cuộc làm việc của Thủ tướng Chính phủ với UBND thành phố Hà Nội, cùng các tỉnh trong Vùng Thủ đô và các bộ, ngành có liên quan để đánh giá kết quả thi hành pháp luật về Thủ đô, kịp thời tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn cho các địa phương và thành phố Hà Nội.

3. Nguyên nhân của những tồn tại hạn chế:

a) Từ thực tiễn tổ chức thi hành Luật Thủ đô:

Nguyên nhân chủ quan:

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thi hành pháp luật nói chung, Luật Thủ đô nói riêng có nơi, có lúc còn thiếu quyết liệt, ý thức chấp hành pháp luật chưa nghiêm.

- Trong tổ chức thi hành luật còn có biểu hiện buông lỏng quản lý nhà nước ở một số khâu như: cấp phép, theo dõi, giám sát, kiểm tra, thanh tra, thẩm định, phê duyệt còn thiếu chặt chẽ; chưa chủ động, kịp thời phát hiện, xử lý vi phạm; công tác xử lý vi phạm một số vụ việc còn kéo dài; chưa gắn trách nhiệm cụ thể của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân khi để xảy ra các sai phạm, khuyết điểm.

- Năng lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực (đặc biệt là xây dựng, quy hoạch, môi trường,...) ở một số địa phương còn thiếu và yếu; việc phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực quy hoạch và quản lý đô thị còn chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn; Khối lượng đồ án quy hoạch được triển khai đồng thời rất lớn, bên cạnh đó, phải rà soát, khớp nối với các quy hoạch chuyên ngành khác nên tiến độ còn chậm; trong việc triển khai quy hoạch còn chậm dù đã được phê duyệt, bố trí vốn.

- Sự phối hợp của các giữa các bộ, ngành Trung ương và Thành phố trong thi hành Luật Thủ đô có lúc còn chưa chặt chẽ (đặc biệt trong việc phối hợp xây

dựng, triển khai chiến lược phát triển ngành, quy hoạch ngành, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có nội dung liên quan đến xây dựng, phát triển và quản lý Thủ đô). Cơ chế phối hợp giữa Hà Nội và các tỉnh trong vùng Thủ đô còn chưa đầy đủ, thực hiện chưa nền nếp, thường xuyên, chặt chẽ. Vai trò chủ trì của chính quyền Thành phố, các bộ, ngành trong việc thực hiện di dời các cơ quan, đơn vị, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục theo Quyết định 130/QĐ-TTg chưa được thực hiện nghiêm.

- Một số nội dung của Luật Thủ đô chậm hoặc chưa được quy định chi tiết để thực hiện thống nhất, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu lực, hiệu quả thi hành Luật. Việc tham mưu, đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, bất cập trong thi hành Luật chưa kịp thời. Một số tồn tại, vướng mắc đã diễn ra từ lâu nhưng vẫn chưa được đầu tư quan tâm, có giải pháp khắc phục triệt để như: việc di dời trụ sở các cơ quan, tổ chức ra khỏi nội thành, việc quản lý dân cư, việc huy động các nguồn đầu tư từ xã hội...

- Mặc dù Luật Thủ đô đã cho phép Thành phố ban hành một số quy định đặc thù nhưng các cơ quan có trách nhiệm chưa chủ động, mạnh dạn kiến nghị, đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành văn bản pháp luật có liên quan để giải quyết những khó khăn, bất cập trong bảo đảm hiệu lực thi hành của Luật Thủ đô⁵⁸.

Nguyên nhân khách quan:

- Còn nhiều vấn đề lớn do lịch sử để lại từ trước khi ban hành Luật Thủ đô, đến nay vẫn chưa có đủ điều kiện để giải quyết dứt điểm. Chẳng hạn như vấn đề trường học, bệnh viện, trục đường giao thông, thoát nước, nhà tập thể, chung cư cũ, biệt thự cũ, nhà siêu mỏng, siêu méo, các dự án xây dựng cao tầng trong nội đô...được phê duyệt trước thời điểm Luật Thủ đô và các quy định về quản lý quy hoạch, xây dựng được ban hành.

- Thiếu nguồn lực về tài chính, đất đai để triển khai thực hiện các công trình, dự án quy mô lớn, trong khi đó, nguồn lực cần có để đầu tư khắc phục những bất cập hiện tại và phục vụ phát triển theo định hướng là rất lớn, nhất là trong đầu tư hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

- Mô hình tổ chức, bộ máy chính quyền Thành phố chưa thực sự phù hợp với yêu cầu quản lý đối với đô thị đặc biệt như Thủ đô Hà Nội. Chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền quản lý nhà ở ở một số lĩnh vực còn có chồng chéo, chưa rõ đầu mối, rõ trách nhiệm, dẫn đến nhiều vướng mắc trong công tác phối hợp⁵⁹.

⁵⁸ Chưa kịp thời ban hành quy chuẩn môi trường về tiếng ồn, dẫn đến thiếu cơ sở để đánh giá tình trạng ô nhiễm tiếng ồn trên địa bàn. Thiếu một số công cụ quản lý như chương trình phát triển đô thị, khu vực phát triển đô thị và kế hoạch thực hiện khu vực phát triển đô thị, cơ chế quản lý đô thị vệ tinh, dẫn đến việc đầu tư dự án phát triển đô thị dàn trải, không theo quy hoạch chung xây dựng.

⁵⁹ Qua rà soát quy định chức năng nhiệm vụ của các Sở, ngành Thành phố còn có sự chồng chéo như: giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính tư về chủ trì tổng hợp, phân tích tình hình huy động và sử dụng vốn đầu tư, đánh giá hiệu quả quản lý, sử dụng vốn đầu tư, quyết toán vốn đầu tư của Thành phố; giữa Sở Lao động - Thương binh và Xã hội với Sở Xây dựng và Sở Quy hoạch - Kiến trúc về nhiệm vụ quản lý nghĩa trang; giữa Sở Công thương với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về nhiệm vụ quản lý làng nghề và ngành nghề nông thôn, thương mại nông sản;....

b) Từ bất cập trong quy định của Luật Thủ đô và văn bản quy định chi tiết thi hành

- Một số quy định của Luật Thủ đô như: Mục tiêu hướng tới xây dựng Thủ đô văn minh, hiện đại; phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị, hệ thống giao thông đường bộ hiện đại; thực hiện chính sách giãn dân ra ngoại thành ... chủ yếu mang tính nguyên tắc, định hướng chung, thiếu những cơ chế đặc thù, cụ thể để thực hiện; cùng với việc đặt ra nhiều nhiệm vụ cần phải tập trung nguồn lực lớn để bảo đảm thực hiện (chưa kể việc phải đồng thời thực hiện những chính sách, quy định pháp luật khác và những vấn đề phát sinh hằng ngày cần giải quyết ngay), đã làm cho Luật khó khả thi hơn.

- Luật Thủ đô còn thiếu những quy định trong một số lĩnh vực của đời sống chính trị, kinh tế, xã hội của Thủ đô như: tổ chức chính quyền Thủ đô; phát triển nông nghiệp, nông thôn; an sinh xã hội; phát triển, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực; thu hút nguồn lực đầu tư từ xã hội. Đây là những lĩnh vực rất quan trọng cần phải có quy định để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, toàn diện của hệ thống chính sách về Thủ đô, là cơ sở cho việc tổ chức thực hiện các quy định khác của Luật Thủ đô. Chính vì vậy, việc thiếu những cơ chế, chính sách này cũng làm ảnh hưởng đến khả năng tổ chức thi hành Luật trong thực tiễn.

- Một số quy định của Luật và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật chưa thực sự đem lại hiệu quả thực tiễn và mục tiêu đề ra ban đầu. Cụ thể:

+ Quy định việc phát triển nhà ở thương mại, khu đô thị mới phải dành tỷ lệ diện tích đất ở, nhà ở cao hơn để phát triển nhà ở xã hội (khoản 4 Điều 16 Luật Thủ đô) và Nghị quyết số 06/2013/NQ-HĐND đã tạo ra sự không tương thích về hạ tầng kỹ thuật, cũng như giữa giá bán căn hộ với thu nhập của người thuộc đối tượng được mua nhà ở xã hội⁶⁰, mặt khác làm hạn chế khả năng thu hút đầu tư phát triển nhà ở tại khu vực ngoại thành.

+ Quyết định 130/QĐ-TTg ngày 23/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Biện pháp, lộ trình di dời và việc sử dụng quỹ đất sau khi di dời cơ sở sản xuất công nghiệp, bệnh viện, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, đơn vị trong khu vực nội thành Hà Nội quy định: "*Quỹ đất sau khi di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, cơ quan đơn vị được đấu giá công khai theo quy định để tạo kinh phí tái đầu tư cho doanh nghiệp bị di dời. Sử dụng hiệu quả quỹ đất còn lại sau khi di dời đúng mục đích, chức năng và các chỉ tiêu sử dụng đất phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt, tuân thủ Luật Thủ đô và quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc của thành phố Hà Nội*". Tuy nhiên, quy định về đấu giá công khai quỹ đất kể trên chưa đảm bảo đồng bộ với các quy định liên quan về sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất của người đang quản lý sử dụng trong Luật Đất

⁶⁰ Do thực tế việc bố trí 25% diện tích đất ở hoặc 25% quỹ sàn nhà ở để phát triển nhà ở xã hội trong cùng dự án rất khó khả thi bởi quy hoạch dự án nhà ở, khu đô thị cao cấp và nhà ở xã hội trong cùng dự án là không tương thích về hạ tầng kỹ thuật; mặt khác, do chung hạ tầng kỹ thuật nên giá căn hộ thường rất cao so với thu nhập của người thuộc đối tượng được mua nhà ở xã hội.

đai. Việc đấu giá này cũng không thuộc trường hợp thu hồi đất để đấu giá quyền sử dụng đất tại vị trí di dời nếu người sử dụng đất có nhu cầu đầu tư theo quy hoạch. Mặt khác, "*cơ quan đơn vị được đấu giá công khai...*" theo Quyết định 130/QĐ-TTg kể trên lại không rõ là cơ quan nhà nước thu hồi đất để đấu giá hay cơ quan, đơn vị di dời. Thêm vào đó, việc chậm di dời các công trình còn có nguyên nhân chủ yếu là: (1) Khó khăn trong việc xác định, cân đối nguồn kinh phí cho việc GPMB và di dời; (2) Chưa rõ cơ chế trong việc khai thác quỹ đất tại địa điểm di dời để tạo nguồn lực tài chính cho việc di dời các cơ sở; (3) Khó khăn về nguồn lực để xây dựng cơ sở mới cho việc di dời.

+ Việc cải tạo, tái thiết các khu vực hiện hữu trong đô thị tại các quận Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa và Hai Bà Trưng (theo khoản 3 Điều 10 Luật Thủ đô) yêu cầu phải giải phóng mặt bằng lớn (để có thể đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật đồng bộ). Điều này dẫn đến khối lượng công việc tái định cư lớn, phải đầu tư nguồn lực lớn về tài chính, bố trí quỹ đất, quỹ nhà để phục vụ công tác tái định cư, giải phóng mặt bằng trong các dự án cải tạo, tái thiết do phải di chuyển nhiều hộ dân, khó đạt tỷ lệ đồng thuận cao của người dân.

+ Quy định tại Điều 11 về bảo tồn, phát triển văn hóa trong Luật Thủ đô không phù hợp với các khái niệm trong lĩnh vực văn hóa (ví dụ: khái niệm bảo tồn chỉ được áp dụng với di sản văn hóa phi vật thể), đồng thời, điều luật cũng chưa nêu rõ được quy định, chính sách về phát triển văn hóa của Thủ đô. Nghị quyết số 16/2013/NQ-HĐND hiệu lực hạn chế, chưa có cơ chế vượt trội để thu hút nguồn lực cho bảo vệ, bảo tồn và phát triển văn hóa của Thủ đô. Còn thiếu cơ chế để khuyến khích việc trao truyền, sáng tạo các giá trị văn hóa mới.

+ Quy chuẩn môi trường về nước thải, khí thải và tiếng ồn trên địa bàn Thủ đô nghiêm ngặt hơn so với quy chuẩn môi trường quốc gia (khoản 3 Điều 14 Luật Thủ đô) đòi hỏi các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, các làng nghề... phải đầu tư hệ thống xử lý chất thải với công nghệ hiện đại, chi phí đầu tư cao hơn cũng tạo ra thách thức không nhỏ cho việc tổ chức thực thi. Thêm vào đó, Thành phố cũng chưa có cơ chế ưu đãi, hỗ trợ đặc thù để thu hút xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường; chưa có quyền quy định các biện pháp hạn chế các phương tiện xe cơ giới giao thông đường bộ vào trung tâm Thành phố nhằm làm giảm ô nhiễm không khí trên địa bàn Thủ đô (*hiện nay, nội dung này Thành phố được thực hiện theo Nghị quyết số 115/2020/QH14 của Quốc hội, có thời hạn thí điểm đến hết năm 2025*).

+ Quy định về điều kiện đăng ký thường trú ở nội thành (khoản 4 Điều 19 Luật Thủ đô) chưa phát huy tác dụng giảm tải sự tập trung đông dân cư trong nội thành. Thực tế cho thấy, các cơ quan thực thi gặp rất nhiều khó khăn trong việc xác định tính hợp pháp và sự cần thiết của một số loại giấy tờ công dân liên quan đến điều kiện đăng ký thường trú⁶¹. Nghị quyết số 11/2013/NQ-

⁶¹ Như: giấy tờ chứng minh tổ chức, cá nhân có đăng ký kinh doanh nhà ở theo quy định của Luật Thủ đô; giấy tờ chứng minh thời gian liên tục tạm trú 03 năm tại nội thành phải (là sổ tạm trú hay xác nhận tạm trú). Việc xác định nơi tạm trú có nhất thiết phải liên tục tại 1 địa chỉ không hay có thể tính bằng tổng thời gian tạm trú tại các chỗ ở tại nội thành Hà Nội như quy định tại Luật cư trú.

HĐND ngày 17/7/2013 của HĐND thành phố Hà Nội mới chỉ đề cập đến diện tích nhà ở cho thuê bình quân trên đầu người là điều kiện để được đăng ký thường trú, mà chưa đề cập đến diện tích nhà ở cho mượn, cho ở nhờ để được cho đăng ký thường trú nên thực tiễn áp dụng phát sinh nhiều biến tướng. Luật Thủ đô mới chỉ đặt ra điều kiện được đăng ký hộ khẩu ở khu vực nội thành, còn việc đăng ký tạm trú vẫn được thực hiện theo Luật Cư trú mà không có thêm bất cứ điều kiện ràng buộc nào. Do vậy, đã xuất hiện tình trạng người dân lách quy định của pháp luật bằng cách đăng ký thường trú ở ngoại thành sau đó chuyển hộ khẩu vào nội thành mặc dù thực tế chưa tạm trú đủ 3 năm theo quy định.v.v...

+ Việc thực hiện Nghị quyết số 04/2013/NQ-HĐND ngày 12/7/2013 của HĐND Thành phố về chính sách ưu đãi đối với tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển khoa học và công nghệ và các nhà khoa học và công nghệ tham gia thực hiện chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô gặp khó khăn do vướng mắc từ thực tiễn và các văn bản pháp luật khác, như:

Việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm gặp nhiều khó khăn do Chương trình đòi hỏi sự liên kết của nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, chưa thu hút được các chuyên gia, nhà khoa học, các tổng công trình sư tham gia triển khai các nhiệm vụ của Chương trình.

Nghị quyết quy định nội dung và mức ưu đãi đối với “doanh nghiệp đầu tư vào khu công nghệ cao của Thành phố”. Tuy nhiên, đến nay chưa có khu công nghệ cao nào của Thành phố hoàn thành xây dựng và đưa vào hoạt động. Mặt khác, Khu công nghệ cao Hòa Lạc được quản lý vận hành bởi Ban quản lý Khu CNC Hòa Lạc (trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ). Các dự án đầu tư vào Khu CNC Hòa Lạc cũng có chính sách ưu đãi riêng⁶².

Các nội dung ưu đãi, hỗ trợ của Nghị quyết về cơ bản thực hiện qua Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Thành phố. Tuy nhiên, Trung ương chưa xây dựng Thông tư hướng dẫn về cơ chế tài chính để triển khai các hoạt động hỗ trợ, cho vay.

+ Chính sách trọng dụng nhân tài trong Luật Thủ đô và Nghị quyết số 14/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của HĐND Thành phố về chính sách trọng dụng nhân tài trong xây dựng, phát triển Thủ đô còn hạn chế về phạm vi và nội dung ưu đãi, thu hút; chưa tạo được sự thu hút, đãi ngộ và sử dụng người có tài năng, chưa “giữ chân” được người tài làm việc, cống hiến cho Thành phố.

+ Nghị quyết số 07/2013/NQ-HĐND ngày 12/7/2013 quy định: “*Chủ đầu tư dự án khu đô thị, nhà ở được giao ứng vốn đầu tư các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đầu mối phục vụ Dự án thuộc trách nhiệm đầu tư của Thành phố; chi phí đầu tư các công trình này được khấu trừ vào tiền sử dụng đất của dự án*” là không khả thi do các dự án đầu tư được triển khai chủ yếu theo Luật Đầu tư công, công tác giải phóng mặt bằng thực hiện theo Luật Đất

⁶² Nghị định số 74/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ Quy định cơ chế, chính sách đặc thù đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc.

đai, trong khi đó các quy định về thu tiền sử dụng đất tại các Nghị định của Chính phủ và Thông tư của Bộ Tài chính không có quy định về việc khấu trừ khoản chi phí đầu tư các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đầu mối phục vụ dự án thuộc trách nhiệm đầu tư của thành phố vào tiền sử dụng đất phải nộp. Do đó, các nhà đầu tư còn tâm lý e ngại, chưa thu hút được các nguồn lực đầu tư.

+ Trước khi Chính phủ ban hành Nghị định số 61/2021/NĐ-CP, Nghị quyết số 17/2013/NQ-HĐND của HĐND Thành phố về biện pháp cải tạo, xây dựng lại khu chung cư cũ, nhà cũ xuống cấp; cải tạo, phục hồi nhà cổ, biệt thự cũ và công trình kiến trúc khác xây dựng trước năm 1954 trên địa bàn Thành phố Hà Nội chưa khả thi. Việc thực hiện Nghị quyết này gặp vướng mắc do quy định trong Nghị quyết này mâu thuẫn với các quy định của Luật Nhà ở năm 2014; Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 101/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ; các quy định về bồi thường, giải phóng mặt bằng.

+ Quy định về nâng mức xử phạt vi phạm hành chính ở nội thành đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong các lĩnh vực văn hóa, đất đai, xây dựng theo quy định tại Khoản 2 - Điều 20 Luật Thủ đô và các Nghị quyết liên quan của HĐND Thành phố mặc dù đã phát huy hiệu quả tại nội đô, nhưng hiện nay, tình hình vi phạm lại phổ biến ở khu vực các huyện, khu vực giáp ranh với nội đô.

Đồng thời, từ thực tiễn quản lý nhiều lĩnh vực khác cũng xảy ra vi phạm gây bức xúc trong xã hội, cần phải xem xét nâng mức xử phạt như: quảng cáo, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy... Một số hành vi mới phát sinh gây bức xúc xã hội, ảnh hưởng đến trật tự, kỷ cương, sức khỏe tính mạng của người dân nhưng chưa có chế tài xử lý. Việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn, khắc phục hậu quả đối với một số hành vi vi phạm hành chính (*ví dụ trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy*) còn chưa đủ tính răn đe, chưa giải quyết triệt để những vi phạm phát sinh, gây ra hiện tượng “nhờn luật”. Có đối tượng chấp nhận vi phạm, bị xử phạt để đạt được lợi ích riêng.

c) Từ bất cập trong các quy định khác của hệ thống pháp luật hiện hành

- Sau ngày 01/7/2013 (ngày Luật Thủ đô bắt đầu có hiệu lực thi hành), đã có một số đạo luật chuyên ngành được ban hành để cụ thể hóa Hiến pháp năm 2013 như Luật Đất đai (năm 2013), Luật Nhà ở (năm 2014), Luật Đầu tư (năm 2014 và 2020), Luật Đầu tư công (năm 2014 và năm 2019), Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (năm 2020), Luật Bảo vệ môi trường (năm 2014 và năm 2020), Luật Quy hoạch (năm 2017), Luật Xây dựng (năm 2014, sửa đổi năm 2020), Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015, Luật Cư trú năm 2020... Các đạo luật này tác động, ảnh hưởng rất lớn đến việc thực hiện các quy định liên quan của Luật Thủ đô và các văn bản quy định chi tiết thi hành. Có những Luật ban hành đã vượt trên quy định của Luật Thủ đô, hoặc hạn chế, bãi bỏ quy định của Luật Thủ đô (như Luật Cư trú đã bãi bỏ quy định tại khoản 3, 4 điều 19, Luật Thủ đô). Trong khi Luật Thủ đô chưa quy định việc ưu tiên áp dụng thì các

đạo luật chuyên ngành này có thể vô hiệu hóa nhiều quy định của Luật Thủ đô.

- Phần lớn các cơ chế, chính sách, quy định trong các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Thủ đô thuộc thẩm quyền ban hành của Thành phố (Nghị quyết, Quyết định), bị giới hạn bởi thứ bậc pháp lý của văn bản quy phạm pháp luật; nên khi các Luật, Nghị định, Thông tư của Trung ương ban hành sau có quy định khác, nhiều quy định cụ thể có tính chất đặc thù do thành phố Hà Nội ban hành đã bị mất hiệu lực thực hiện hoặc không còn giá trị đặc thù.

- Hệ thống pháp luật còn có mâu thuẫn, chồng chéo (đặc biệt trong lĩnh vực đầu tư, đất đai), thủ tục hành chính còn chưa hợp lý, còn rườm rà, hình thức, gây khó khăn cho quá trình tổ chức thực hiện. Việc phân quyền, phân cấp giữa Trung ương và địa phương còn chưa phù hợp với đặc điểm, điều kiện, khả năng của từng địa phương, còn mang tính "*bình quân*", chưa phát huy được tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đô thị đặc biệt là Thủ đô Hà Nội - nơi có nhiều tiềm năng, lợi thế, đội ngũ cán bộ và điều kiện thực hiện.

IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Kiến nghị các giải pháp nhằm tăng cường, nâng cao hiệu quả thi hành Luật Thủ đô

a) Đối với thành phố Hà Nội

- Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến sâu, rộng hơn nữa Luật Thủ đô và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật bằng nhiều hình thức nhằm tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức, ý thức của mọi tầng lớp nhân dân trên địa bàn Thành phố.

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát, kiểm tra, thanh tra việc tổ chức thi hành Luật Thủ đô nói riêng và pháp luật về Thủ đô nói chung, qua đó sớm phát hiện, xử lý nghiêm minh đối với những hành vi vi phạm pháp luật trên địa bàn; kịp thời đề xuất cơ quan có thẩm quyền các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc xây dựng, hoàn thiện pháp luật về Thủ đô; nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật ở địa phương.

- Tiếp tục rà soát các quy định của pháp luật, Luật Thủ đô để kịp thời xây dựng, ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung những VBQPQL nhằm xây dựng dựng hệ thống VBQPPL của Thành phố hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn, yêu cầu quản lý, kịp thời giải quyết những vướng mắc, bất cập, phát huy được mọi nguồn lực xã hội trong phạm vi thẩm quyền của Thành phố.

- Tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại bộ máy, đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước; nâng cao chất lượng, trình độ, năng lực thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tập trung xây dựng các biện pháp, giải pháp để mở rộng xã hội hóa, huy động các nguồn lực của xã hội để đầu tư xây dựng phát triển Thủ đô trên các lĩnh vực.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại

thành phố Hà Nội, Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính – ngân sách đặc thù đối với Hà Nội; Nghị định số 32/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội.

- Chủ động hơn nữa trong việc phối hợp và hỗ trợ các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô và cả nước thông qua việc mở rộng các hình thức liên kết, hợp tác cùng phát triển; hỗ trợ việc kêu gọi đầu tư, tạo ra việc làm và giải quyết việc làm ở các tỉnh trong Vùng Thủ đô.

- Tiếp tục thực hiện việc phê duyệt các quy hoạch phân khu làm cơ sở để xác định các dự án đầu tư xây dựng trong đô thị và lập quy hoạch chi tiết.

- Rà soát các công trình, dự án quan trọng về môi trường, giao thông, thủy lợi, có quy mô lớn do Thành phố quản lý vượt quá khả năng cân đối của ngân sách địa phương, đề nghị Chính phủ, Quốc hội quyết định hỗ trợ ngân sách Trung ương cho ngân sách Thành phố để triển khai thực hiện theo quy định tại Điều 21 của Luật Thủ đô.

- Tăng cường công tác giáo dục - truyền thông văn hóa nhằm trang bị những nhận thức cơ bản nhất về công tác bảo vệ, giữ gìn, phát huy giá trị những di sản văn hóa truyền thống của Thủ đô, nếp sống của người Hà Nội, qua đó, nâng cao ý thức của người dân về công tác bảo vệ, phát huy giá trị di sản, giáo dục lòng yêu nước, yêu Thủ đô, lòng tự hào về lịch sử đất nước và truyền thống văn hiến của Thủ đô cho các thế hệ.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp của thành phố Hà Nội tăng cường trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các cấp chính quyền và huy động sự tham gia của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn Thủ đô trong việc xây dựng, phát triển và quản lý Thủ đô.

b) Đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

Trong thời gian tới, đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, giao các bộ, ngành có liên quan chủ trì, phối hợp chặt chẽ với thành phố Hà Nội thực hiện một số giải pháp sau đây:

- Soạn thảo trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ:

- + Phê duyệt quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng nghề trên địa bàn Thủ đô theo hướng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho Thủ đô và cả nước (cụ thể hóa khoản 2 Điều 12 của Luật Thủ đô);

- + Nghiên cứu, rà soát có phương án sửa đổi, bổ sung Nghị định số 63/2017/NĐ-CP ngày 19/5/2017 của Chính phủ quy định một số cơ chế, chính sách tài chính ngân sách đặc thù đối với Thủ đô Hà Nội để tiếp tục cụ thể hóa Luật Thủ đô, Nghị quyết số 115/2020/QH14 của Quốc hội.

- Chỉ đạo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành Trung ương phối hợp chặt chẽ với Hà Nội trong việc đẩy nhanh tiến độ trình, thẩm định, phê duyệt các dự án đầu tư trên địa bàn Thành phố thuộc thẩm quyền Trung ương,

đẩy nhanh tiến độ bố trí vốn triển khai những công trình, dự án quan trọng do vốn Trung ương hỗ trợ hoặc vốn 100% của Trung ương.

- Chỉ đạo Bộ Xây dựng đánh giá, xem xét sự cần thiết để dừng ban hành quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về quy hoạch, kiến trúc đối với khu vực cải tạo, tái thiết đô thị, do hiện nay Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng đã được lồng ghép các nội dung yêu cầu kỹ thuật đối với việc cải tạo các khu vực hiện hữu, mặt khác, hiện nay các quy hoạch phân khu nội đô đã hoàn thành phê duyệt. Vì vậy, việc ban hành quy chuẩn riêng cho 4 quận là không cần thiết.

- Chỉ đạo rà soát, đánh giá các quy định có liên quan của các luật ban hành sau khi Luật Thủ đô có hiệu lực, làm cơ sở cho việc nghiên cứu việc sửa đổi, bổ sung một số quy định của Luật Thủ đô.

- Tiếp tục chỉ đạo các Bộ, ngành liên quan tập trung tháo gỡ vướng mắc, thỏa thuận, hướng dẫn thành phố Hà Nội hoàn thành phê duyệt các quy hoạch phân khu (đặc biệt là quy hoạch phân khu khu vực hai bên sông Hồng, sông Đuống), làm cơ sở để xác định các dự án đầu tư xây dựng trong đô thị và lập quy hoạch chi tiết; Lập kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện các quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật đã được Thủ tướng phê duyệt.

- Chỉ đạo thực hiện nghiêm Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 23/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về biện pháp, lộ trình di dời và việc sử dụng quỹ đất sau khi di dời cơ sở sản xuất công nghiệp, bệnh viện, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, đơn vị trong khu vực nội thành Hà Nội. Đồng thời chỉ đạo việc bàn giao cho Hà Nội trụ sở của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, ngành Trung ương đã được bố trí đất, xây dựng trụ sở mới.

- Chỉ đạo các Bộ, ngành thực hiện nghiêm việc lập, phê duyệt quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia liên quan trực tiếp đến Thủ đô theo quy định tại khoản 4 Điều 8 của Luật Thủ đô.

- Chỉ đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn môi trường về tiếng ồn để làm căn cứ thực hiện trên địa bàn Thành phố.

- Để triển khai quy định của Luật Thủ đô và Nghị định số 91/2021/NĐ-CP của Chính phủ, đề nghị Thủ tướng Chính phủ sớm xem xét thành lập Hội đồng điều phối vùng Thủ đô và hằng chủ trì làm việc với Hội đồng điều phối vùng Thủ đô, các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô và các Bộ, ngành có liên quan để đánh giá, chỉ đạo việc đẩy mạnh hợp tác với các địa phương trong Vùng Thủ đô, giải quyết những vấn đề bất cập, vướng mắc trong liên kết vùng; phát huy vai trò dẫn dắt và điều phối phát triển vùng, tạo sức hút mạnh mẽ về cung cầu và sức lan tỏa về công nghệ, sáng tạo trong toàn vùng, góp phần hạn chế tình trạng đầu tư manh mún, dàn trải; tập trung vào vấn đề tạo việc làm và giải quyết việc làm để hạn chế tình trạng di dân cơ học. Quan tâm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, đề án đầu tư lớn của Trung ương trên địa bàn Thành phố và Vùng Thủ đô.

c) Đối với Quốc hội

- Quan tâm sớm xem xét quyết định hỗ trợ về ngân sách Trung ương để đẩy nhanh tiến độ triển khai những dự án, công trình quan trọng do Thành phố quản lý và quyết định bố trí vốn đối với những công trình, dự án trọng điểm do Trung ương triển khai trên địa bàn Thành phố.

- Tăng cường hoạt động giám sát theo chuyên đề việc thi hành Luật Thủ đô, trong đó đặc biệt quan tâm đến một số lĩnh vực như: quy hoạch, xây dựng; nhà ở; giao thông; đất đai; môi trường.

- Trên cơ sở báo cáo đề xuất của thành phố Hà Nội, hồ sơ đề nghị của Chính phủ, đề nghị Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét chấp thuận, thông qua đề nghị xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi) và đưa vào chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh trong những năm tới. Đồng thời, chỉ đạo các cơ quan thuộc Quốc hội phối hợp chặt chẽ với Chính phủ, các bộ, ngành và Thành phố trong quá trình xây dựng dự án Luật Thủ đô (sửa đổi), đảm bảo dự thảo Luật được xây dựng đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, đúng quy trình, quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trình Quốc hội thông qua trong các kỳ họp năm 2024.

2. Kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy định phù hợp với thực tiễn

Luật Thủ đô được ban hành với mục tiêu xây dựng, phát triển Thủ đô Hà Nội xanh, sạch, đẹp, văn minh, hiện đại, an ninh, an toàn, tiêu biểu cho cả nước, trở thành động lực để phát triển kinh tế vùng. Luật Thủ đô đã quy định những chính sách mới có tính đặc thù, những tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định nghiêm ngặt hơn nhằm giải quyết những vấn đề bức xúc của Thủ đô trong thời gian trước đây và hiện nay như: vấn đề quy hoạch, chỉnh trang đô thị, đô thị hóa, phát triển nhà ở, phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trước sức ép di dân cơ học tăng nhanh dẫn đến ùn tắc giao thông, quá tải về hạ tầng, ô nhiễm môi trường...

Tuy nhiên, qua 8 năm thi hành Luật, việc thực hiện các mục tiêu mà Luật Thủ đô hướng đến còn nhiều khó khăn, thách thức. Các cơ chế, chính sách trong Luật Thủ đô chưa phát huy được hiệu quả, tác động khá khiêm tốn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô. Nhiều vấn đề phát triển của Thủ đô còn chưa thực sự được giải quyết bằng quy định của Luật Thủ đô. Mặt khác, những bất cập, vướng mắc về thể chế nói chung đang làm chậm tiến trình phát triển, xây dựng Thủ đô. Việc sửa đổi, bổ sung Luật Thủ đô và các văn bản quy định chi tiết, nhằm tạo thể chế chất lượng cao để phát huy đúng mức tiềm năng, vị thế, vai trò của Thủ đô đang được đặt ra một cách cấp bách.

a) Đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Thủ đô

Từ kết quả tổng kết, thành phố Hà Nội đề xuất việc sửa đổi toàn diện Luật Thủ đô nhằm giải quyết những hạn chế, bất cập của Luật Thủ đô, tháo gỡ vướng mắc, điểm nghẽn về thể chế, tạo khuôn khổ pháp lý phù hợp giúp Thủ đô phát huy tiềm năng, thế mạnh, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để phát triển, xứng đáng với vị trí, vai trò Thủ đô, yêu cầu của Đảng, Nhà nước và mong muốn của

Nhân dân cả nước đối với Thủ đô Hà Nội. Cụ thể:

- Về quan điểm sửa đổi Luật Thủ đô:

+ Đứng đường lối, chủ trương, sự lãnh đạo toàn diện, tuyệt đối của Đảng; Tuân thủ Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

+ Đảm bảo sự phát triển bền vững của Thủ đô và đất nước; lợi ích quốc gia dân tộc; bảo đảm, bảo vệ, phát huy quyền con người, quyền công dân;

+ Đảm bảo hiệu lực, hiệu quả của bộ máy chính quyền Thủ đô và sự chỉ đạo điều hành tập trung, thống nhất, thông suốt từ Trung ương đến cơ sở;

+ Kế thừa, phát huy những giá trị của Luật Thủ đô hiện hành.

- Định hướng sửa đổi Luật Thủ đô:

+ Kịp thời thể chế các quan điểm, mục tiêu, định hướng lớn trong Nghị quyết mới của Bộ Chính trị về phương hướng nhiệm vụ phát triển Thủ đô giai đoạn 2021-2030, định hướng đến 2045; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVII; tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai thực hiện đồng bộ Quy hoạch Thành phố và Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau khi được điều chỉnh, ban hành)

+ Tạo cơ chế để hoàn thiện tổ chức, bộ máy chính quyền Thành phố theo hướng tinh gọn, hiện đại, chuyên nghiệp, giảm tầng nấc trung gian, năng động, hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với đặc điểm mô hình chính quyền đô thị và nông thôn của Thủ đô.

+ Tăng cường phân quyền, phân cấp cho Thủ đô trên các lĩnh vực: tổ chức bộ máy chính quyền, biên chế, tài chính – ngân sách, đầu tư, xây dựng, văn hóa, giáo dục đào tạo, khoa học và công nghệ, y tế, an sinh xã hội, nông nghiệp, giữ gìn an ninh trật tự... nhằm tạo sự chủ động, sáng tạo, tăng tính tự quản, tự chịu trách nhiệm của Thành phố.

+ Xây dựng những cơ chế chính sách mới, có tính chất đặc thù, vượt trội về mặt thể chế, phù hợp với vị trí, vai trò đặc biệt, tiềm năng, thế mạnh của Thủ đô, phù hợp điều kiện thực tiễn và mục tiêu xây dựng Thủ đô Hà Nội “Xanh - Thông minh - hiện đại”, với tinh thần “Hà Nội vì cả nước, cùng cả nước”. Thu hút, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để Thủ đô phát triển nhanh và bền vững, trở thành động lực phát triển của Vùng, của đất nước.

+ Khẳng định giá trị của Luật Thủ đô, nguyên tắc áp dụng pháp luật: “Ưu tiên áp dụng Luật Thủ đô khi có sự mâu thuẫn, quy định khác nhau giữa Luật Thủ đô và Luật chuyên ngành”.

- Việc đề nghị sửa đổi Luật Thủ đô được tập trung nghiên cứu, đề xuất vào các chính sách như sau:

+ Tổ chức chính quyền Thủ đô theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, đẩy mạnh phân quyền, phân cấp cho Thủ đô được chủ động quyết định về tổ chức, bộ máy, cơ chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức, biên chế, chế độ hợp đồng chuyên môn, tiền lương, thu nhập; Chính sách thu hút, huy

động nguồn nhân lực chất lượng cao.

+ Chính sách nâng cao năng lực, tính ổn định về tài chính, ngân sách của Thủ đô;

+ Chính sách huy động nguồn lực đầu tư của xã hội cho phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô.

+ Chính sách về quy hoạch, cải tạo, chỉnh trang đô thị, phát triển đô thị, nhà ở xã hội, phát triển hạ tầng kỹ thuật của Thủ đô.

+ Chính sách về bảo vệ môi trường và huy động, khai thác hiệu quả nguồn lực đất đai;

+ Chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp sạch, công nghệ cao, phát triển nông thôn.

+ Chính sách về bảo tồn, phát triển văn hóa; phát triển giáo dục và đào tạo Thủ đô;

+ Chính sách phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo;

+ Chính sách phát triển hệ thống y tế hướng tới mục tiêu chăm sóc sức khỏe bao trùm, toàn diện cho Nhân dân;

+ Chính sách phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, bao trùm và bền vững.

+ Chính sách đảm bảo trật tự, an toàn xã hội phù hợp với vị trí, vai trò là trung tâm chính trị - hành chính quốc gia của Thủ đô.

+ Chính sách về liên kết, phát triển vùng Thủ đô (trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện Nghị định số 91/2021/NĐ-CP ngày 21/10/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô để thi hành các quy định của pháp luật về Thủ đô)

+ Tiếp thu, luật hóa những quy định phù hợp, có hiệu quả trên cơ sở đánh giá kết quả triển khai thực hiện các Nghị quyết số 97/2019/QH14, Nghị quyết số 115/2020/QH14 và Nghị quyết số 160/2021/QH14 của Quốc hội; tiếp thu, có những chính sách, quy định đồng bộ để thực hiện Quy hoạch thành phố Hà Nội và Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội sau khi được điều chỉnh tổng thể, toàn diện.

b) Đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Thủ đô

Trong thời gian trình Quốc hội xem xét việc sửa đổi, bổ sung Luật Thủ đô, qua việc rà soát các quy định chi tiết thi hành Luật Thủ đô, UBND Thành phố đề nghị sửa đổi, bổ sung các văn bản của HĐND, UBND thành phố Hà Nội để đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, khả thi, tiếp tục triển khai Luật Thủ đô trong giai đoạn hiện nay, gồm 13 Nghị quyết của HĐND Thành phố, 02 Quyết định của UBND Thành phố (*Chi tiết tại phụ lục 3*).

c) Đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan

Trong quá trình tổ chức thi hành Luật Thủ đô và các văn bản quy định chi tiết, có những quy định của pháp luật chuyên ngành có sự mâu thuẫn, chồng chéo với quy định của Luật Thủ đô. Có quy định làm hạn chế việc thực hiện các quy định của Luật Thủ đô và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Thủ đô. Thành phố Hà Nội đề nghị Trung ương xem xét chỉ đạo việc rà soát, tiến hành sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện những quy định này để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật nói chung, Luật Thủ đô nói riêng đối với 57 văn bản quy định (*Chi tiết tại phụ lục 4*).

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội trân trọng báo cáo./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Thành ủy;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Văn phòng ĐDBQH và HĐND TP;
- Sở Tư pháp;
- VPUB: CVP, các PCVP, NC, TKBT, ĐT, KT, KGVX;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Chu Ngọc Anh

Phụ lục số 01
DANH MỤC
VĂN BẢN CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CỦA UBND THÀNH PHỐ VỀ THI HÀNH LUẬT THỦ ĐÔ

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /11/2021 của UBND thành phố Hà Nội)

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Trích yếu nội dung của văn bản
1.	Quyết định	127/QĐ-UBND ngày 08/01/2013 của UBND Thành phố	Ban hành Kế hoạch xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của UBND Thành phố và dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố do UBND Thành phố trình để cụ thể hóa các quy định của Luật Thủ đô.
2.	Quyết định	1495/QĐ-UBND ngày 18/3/2014 của UBND Thành phố	Về việc phê duyệt Quy hoạch hệ thống cây xanh, công viên, vườn hoa và hồ thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
3.	Quyết định	2338/QĐ-UBND ngày 01/4/2013 của UBND Thành phố	Về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của UBND Thành phố và dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố do UBND Thành phố trình để cụ thể hóa các quy định của Luật Thủ đô.
4.	Quyết định	5579/QĐ-UBND ngày 13/9/2013 của UBND Thành phố	Đề án nghiên cứu, xây dựng khung chính sách, công nghệ thẻ vé điện tử cho mạng lưới vận tải công cộng đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội.
5.	Quyết định	6239/QĐ-UBND ngày 15/10/2013 của UBND Thành phố	Về việc quy định trình tự, thủ tục ban hành quyết định về kế hoạch tổ chức thực hiện thu hồi đất, khảo sát, điều tra, kiểm đếm và các biện pháp thu hồi đất, giải phóng mặt bằng; ban hành quyết định phân kỳ thu hồi đất, giao đất, giải phóng mặt bằng.
6.	Quyết định	7177/QĐ-UBND ngày 28/11/2013 của UBND Thành phố	Về Danh mục nhà biệt thự thuộc đối tượng quản lý, sử dụng theo "Quy chế quản lý, sử dụng nhà biệt thự được xây dựng từ trước năm 1954 trên địa bàn thành phố Hà Nội".

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Trích yếu nội dung của văn bản
7.	Quyết định	7209/QĐ-UBND ngày 02/12/2013 của UBND Thành phố	Phê duyệt Đề án đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2014- 2015.
8.	Quyết định	8044/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của UBND Thành phố	Phê duyệt Đề án “Các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp bảo vệ môi trường Thành phố Hà Nội đến năm 2020”.
9.	Quyết định	1721/QĐ-UBND ngày 31/3/2014 của UBND Thành phố	Ban hành định mức dự toán chuyên ngành vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hà Nội.
10.	Quyết định	6714/QĐ-UBND ngày 16/12/2014 của UBND Thành phố	Về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ thành phố Hà Nội, trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội.
11.	Quyết định	1744/QĐ-UBND ngày 24/4/2015 của UBND Thành phố	Triển khai thực hiện thí điểm hỗ trợ Bệnh viện Tim Hà Nội.
12.	Quyết định	4308/QĐ-UBND ngày 18/8/2014 của UBND Thành phố	Về việc thành lập Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Thành phố Hà Nội.
13.	Quyết định	4862/QĐ-UBND ngày 19/9/2014 của UBND Thành phố	Về phê duyệt hỗ trợ kinh phí tiền lương cho các cơ sở giáo dục công lập thực hiện thí điểm chất lượng cao trên địa bàn Thủ Đô.
14.	Quyết định	420/QĐ-UBND ngày 27/01/2015 của UBND Thành phố	Ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành và triển khai Luật Thủ đô trên địa bàn Thành phố năm 2015.

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Trích yếu nội dung của văn bản
15.	Quyết định	1619/QĐ-UBND ngày 16/04/2015 của UBND Thành phố	Về việc thành lập Ban chỉ đạo công tác di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị.
16.	Quyết định	2735/QĐ-UBND ngày 16/6/2015 của UBND Thành phố	Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Quỹ Ưu đãi, khuyến khích các nhà khoa học đầu ngành, chuyên gia giỏi, người có trình độ cao tham gia cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và phát triển Thủ đô - Thu hút, sử dụng đào tạo, bồi dưỡng tài năng trẻ và nguồn nhân lực chất lượng cao.
17.	Quyết định	3096/QĐ-UBND ngày 03/7/2015 của UBND Thành phố	Phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô giai đoạn 2015 - 2020.
18.	Quyết định	3978/QĐ-UBND ngày 13/8/2015 của UBND Thành phố	Về việc ban hành Quy định về quản lý và áp dụng các công nghệ cho hệ thống thẻ vé điện tử của mạng lưới vận tải hành khách công cộng trên địa bàn Thành phố Hà Nội.
19.	Quyết định	6496/QĐ-UBND ngày 27/11/2015 UBND Thành phố	Về việc kiện toàn tổ công tác liên ngành và tổ giúp việc thực hiện sửa đổi, bổ sung cơ chế chính sách cải tạo, xây dựng nhà chung cư trên địa bàn Thành phố.
20.	Quyết định	7351/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND TP	Về việc ban hành Kế hoạch sơ kết 03 năm thi hành Luật Thủ đô của UBND Thành phố.
21.	Quyết định	1571/QĐ-UBND ngày 04/4/2016 UBND Thành phố	Về việc thành lập Ban chỉ đạo và Tổ thường trực giúp việc Ban chỉ đạo sơ kết 03 năm thi hành Luật Thủ đô.
22.	Quyết định	7165/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 của UBND	Ban hành Kế hoạch theo dõi thi hành Luật Thủ đô năm 2017.

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Trích yếu nội dung của văn bản
		Thành phố	
23.	Quyết định	1298/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của UBND Thành phố	Kế hoạch Tổng kết 05 năm thi hành Luật Thủ đô.
24.	Quyết định	2244/QĐ-UBND ngày 10/5/2018 của UBND Thành phố	Thành lập Tổ công tác tổng kết 05 năm thi hành Luật Thủ đô.
25.	Quyết định	5040/QĐ-UBND ngày 11/11/2020 của UBND Thành phố	Về việc phê duyệt Đề án khung nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen cấp Thành phố thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2025.
26.	Quyết định	1747/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 của UBND Thành phố	Thành lập Tổ Công tác đánh giá kết quả thi hành Luật Thủ đô; nghiên cứu, đề xuất chính sách, lập hồ sơ đề nghị và xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi).
27.	Quyết định	2317/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 của UBND Thành phố	Kiện toàn Tổ Công tác đánh giá kết quả thi hành Luật Thủ đô; nghiên cứu, đề xuất chính sách, lập hồ sơ đề nghị và xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi).
28.	Kế hoạch	84/KH-UBND ngày 27/5/2013 của UBND Thành phố	Phổ biến Luật Thủ đô và các văn bản quy định chi tiết thi hành trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2013.
29.	Kế hoạch	90/KH-UBND ngày 30/5/2013 của UBND Thành phố	Thực hiện Chương trình hành động của Thành uỷ Hà Nội về “Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.
30.	Kế hoạch	126/KH-UBND ngày 30/7/2013 của UBND	Về việc triển khai thực hiện Luật Thủ đô và các văn bản quy phạm pháp luật cụ thể hóa Luật Thủ đô.

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Trích yếu nội dung của văn bản
		Thành phố	
31.	Kế hoạch	147/KH-UBND ngày 24/9/2013 của UBND Thành phố	Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết 15/2013/NQ-HĐND ngày 17/07/2013 của Hội đồng nhân dân Thành phố về cơ chế tài chính áp dụng đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô.
32.	Kế hoạch	143/KH-UBND ngày 06/9/2013 của UBND Thành phố	Về triển khai thực hiện Nghị quyết số 14/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của HĐND Thành phố về chính sách trọng dụng nhân tài trong xây dựng, phát triển Thủ đô.
33.	Kế hoạch	159/KH-UBND ngày 07/10/2013 của UBND Thành phố	Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết 04/2013/NQ-HĐND ngày 12/07/2013 về chính sách ưu đãi đối với tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển khoa học và công nghệ và các nhà khoa học và công nghệ tham gia thực hiện chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô.
34.	Kế hoạch	149/KH-UBND ngày 25/9/2013 của UBND Thành phố	Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 16/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của HĐND Thành phố về chính sách khuyến khích đầu tư, huy động đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân vào việc xây dựng công trình văn hóa, công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí và bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn Thủ đô.
35.	Kế hoạch	96/KH-UBND ngày 13/05/2014 của UBND Thành phố	Về việc thực hiện Nghị quyết số 24/2013/NQ-HĐND ngày 04/01/2013 của HĐND Thành phố về việc ban hành Danh mục phố cổ, làng cổ, làng nghề truyền thống tiêu biểu, biệt thự cũ, công trình kiến trúc khác xây dựng trước năm 1954 và di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn Thủ đô.

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Trích yếu nội dung của văn bản
36.	Kế hoạch	1681/KH-BTP-UBND ngày 25/5/2016 của Bộ Tư pháp và UBND Thành phố	Về phối hợp thực hiện sơ kết 03 năm thi hành Luật Thủ đô giữa Bộ Tư pháp và UBND Thành phố Hà Nội.
37.	Kế hoạch	128/KH-TCT ngày 06/6/2018 của UBND Thành phố	Triển khai nhiệm vụ tổng kết 05 năm thi hành Luật Thủ đô của Tổ công tác tổng kết 05 năm thi hành Luật Thủ đô.
38.	Kế hoạch	242/KH-UBND ngày 27/12/2018 của UBND Thành phố	Về việc thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn thành phố Hà Nội, giai đoạn 2019-2020.
39.	Kế hoạch	56/KH-UBND ngày 14/3/2019 của UBND Thành phố	Theo dõi thi hành Luật Thủ đô trên địa bàn Thành phố Hà Nội năm 2019.
40.	Kế hoạch	222/KH-UBND ngày 07/10/2019 của UBND Thành phố	Về việc Triển khai thực hiện Đề án “Thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn thành phố Hà Nội.
41.	Kế hoạch	số 49/KH-UBND ngày 28/02/2020 của UBND Thành phố	về việc Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2025
42.	Kế hoạch	51/KH-UBND ngày 03/3/2020 của UBND Thành phố	Theo dõi thi hành Luật Thủ đô năm 2020.

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Trích yếu nội dung của văn bản
43.	Kế hoạch	63/KH-UBND ngày 15/3/2021 của UBND Thành phố	Đánh giá kết quả thi hành Luật Thủ đô và nghiên cứu, đề xuất chính sách, lập hồ sơ đề nghị và xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi) năm 2021.
44.	Kế hoạch	777/KH-BTP-UBNDTPHN ngày 19/3/2021 của Bộ Tư pháp và UBND Thành phố	Phối hợp giữa Bộ Tư pháp và UBND Thành phố Hà Nội về đánh giá kết quả thi hành Luật Thủ đô; nghiên cứu, đề xuất chính sách, lập hồ sơ đề nghị và xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi)
45.	Kế hoạch	122/KH-UBND ngày 18/5/2021 của UBND Thành phố	Nghiên cứu, đánh giá tác động của chính sách đề xuất trong hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi)
46.	Kế hoạch	01/KH-TCTLTD ngày 07/6/2021 của Tổ công tác xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi) của Thành phố	Triển khai nhiệm vụ về đánh giá kết quả thi hành Luật Thủ đô và nghiên cứu, đề xuất chính sách, lập hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi)
47.	Tờ trình	48/TTr-UBND ngày 02/7/2014 của UBND Thành phố	Về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật về quy hoạch kiến trúc đối với khu vực các quận Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa, Hai Bà Trưng trình Thủ tướng Chính phủ.
48.	Thông báo	80/TB-UBND ngày 10/4/2013 của UBND Thành phố	Ban hành Kế hoạch xây dựng văn bản triển khai cụ thể hóa Luật Thủ đô.
49.	Công văn	4113/UBND-NC ngày 10/6/2013 của UBND	Về việc đăng tải các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND và UBND Thành phố cụ thể hóa Luật Thủ đô để xin ý kiến tham

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Trích yếu nội dung của văn bản
		Thành phố	gia đóng góp của nhân dân.
50.	Công văn	3459/STC-HCSN ngày 10/7/2013 của Sở Tài chính	Hướng dẫn các sở, ngành xây dựng dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí phục vụ công tác xây dựng, ban hành văn bản cụ thể hóa các quy định của Luật Thủ đô.
51.	Công văn	8710/UBND-QHXDGT ngày 28/3/2014 của UBND Thành phố	Về việc đề nghị tham gia ý kiến dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật khu vực 04 quận: Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa, Hai Bà Trưng.
52.	Công văn	2186/UBND-QHXDGT ngày 28/3/2014 của UBND Thành phố	Về việc đề nghị Bộ Xây dựng tham gia ý kiến Dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật khu vực 04 quận: Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa, Hai Bà Trưng.
53.	Công văn	4170/UBND-QH ngày 10/6/2014 của UBND Thành phố	Về việc đề nghị Bộ Xây dựng tham gia ý kiến, thống nhất dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật khu vực 04 quận: Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa, Hai Bà Trưng.
54.	Công văn	6590/UBND-XDGT ngày 4/9/2014 của UBND Thành phố	Rà soát công khai Danh mục các dự án kêu gọi, thu hút, ưu tiên đầu tư theo nội dung Nghị quyết số 07/2013/NQ-HĐND ngày 12/7/2013.
55.	Công văn	9809/UBND-XDGT ngày 15/12/2014 của UBND Thành phố	Về việc "Khảo sát đánh giá chất lượng các chung cư cũ thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội".
56.	Công văn	9874/UBND-XDGT ngày 17/12/2014 của UBND Thành phố	Về việc rà soát và công khai Danh mục các dự án kêu gọi, thu hút đầu tư theo nội dung Nghị quyết số 07/2013/NQ-HĐND ngày 12/07/2013 của HĐND Thành phố.

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Trích yếu nội dung của văn bản
57.	Công văn	153/ĐĐBQH ngày 17/9/2015 của Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội	Về việc chuẩn bị nội dung buổi làm việc của Đoàn với Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN Thành phố trước kỳ họp thứ Mười, Quốc hội khóa XIII Thành phố.
58.	Công văn	7347/UBND-TH ngày 16/10/2015 của UBND Thành phố	Về việc chuẩn bị nội dung kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội.
59.	Công văn	7732/UBND-QHKT ngày 29/10/2015 của UBND Thành phố	Về việc đề nghị Bộ Xây dựng góp ý xây dựng và thống nhất nội dung dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật khu vực 04 quận: Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa, Hai Bà Trưng.
60.	Công văn	1723/UBND-QHKT ngày 23/3/2016 của UBND Thành phố	Về việc triển khai thực hiện Kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 52/TB-VPCP ngày 17/3/2016 về việc điều chỉnh quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050.
61.	Công văn	1246/UBND-KT ngày 04/3/2016 của UBND Thành phố	Về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định về một số cơ chế tài chính, ngân sách đặc thù đối với Thủ đô Hà Nội.
62.	Công văn	3788/UBND-ĐT ngày 24/6/2016 của UBND Thành phố	Về việc trình Thủ tướng Chính phủ xem xét ủy quyền cho UBND Thành phố xem xét, quyết định ban hành Quy chuẩn kỹ thuật khu vực 04 quận: Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa, Hai Bà Trưng.
63.	Công văn	4980/UBND-ĐT ngày 24/8/2016 của UBND Thành phố.	Về việc giải trình ý kiến của Bộ Xây dựng tại Công văn số 1546/BXD-KHCN về Quy chuẩn kỹ thuật quy hoạch kiến trúc tại 04 quận: Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa, Hai Bà Trưng.
64.	Công văn	4142/UBND-ĐT ngày 24/8/2017 của UBND	Về Dự thảo Quyết định Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chuẩn về quy hoạch, kiến trúc đối với khu vực các quận Ba Đình, Đống Đa, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Trích yếu nội dung của văn bản
		Thành phố	thành phố Hà Nội báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.
65.	Công văn	2542/UBND-ĐT ngày 07/6/2018 của UBND Thành phố	Về việc báo cáo quy chuẩn kỹ thuật về quy hoạch kiến trúc xây dựng tại 04 quận: Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa, Hai Bà Trưng.

Phụ lục số 02
DANH MỤC CÁC VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH LUẬT THỦ ĐÔ

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày...../.../2021 của UBND Thành phố Hà Nội)

I. VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH ĐƯỢC GIAO THEO LUẬT :

STT	Tên loại văn bản, số ký hiệu của văn bản, trích yếu, ngày tháng năm ban hành, cơ quan ban hành	Quy định chi tiết điều, khoản nào của Luật Thủ đô	Hiệu lực pháp lý của văn bản
I	VĂN BẢN CỦA TRUNG ƯƠNG		
1	Quyết định 130/QĐ-TTg ngày 23/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về biện pháp, lộ trình di dời và việc sử dụng quỹ đất sau khi di dời cơ sở sản xuất công nghiệp, bệnh viện, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ quan, đơn vị trong khu vực nội thành Hà Nội.	Khoản 1 Điều 9 Khoản 4 Điều 15	23/01/2015
2	Quyết định số 768/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.	Khoản 2 Điều 8	06/5/2016
3	Nghị định 63/2017/NĐ-CP ngày 19/5/2017 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách tài chính ngân sách đặc thù đối với Thủ đô Hà Nội.	Điều 21	05/7/2017
4	Thông tư 51/2014/TT-BTNMT ngày 05/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định Quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.	Khoản 3 Điều 14	01/01/2015
5	Nghị quyết 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc Hội về thí điểm cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội do Quốc hội ban hành.	Khoản 2, Khoản 3 Điều 21 (Quy định tại Khoản 1 Điều 22)	15/8/2020
6	Nghị định số 91/2021/NĐ-CP ngày 21/10/2021 quy định về cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô để thi hành các quy định của pháp luật về Thủ đô	Khoản 2, Điều 23	21/10/2021
II	VĂN BẢN CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI		

STT	Tên loại văn bản, số ký hiệu của văn bản, trích yếu, ngày tháng năm ban hành, cơ quan ban hành	Quy định chi tiết điều, khoản nào của Luật Thủ đô	Hiệu lực pháp lý của văn bản
A	NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND THÀNH PHỐ		
1	Nghị quyết 07/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của UBND thành phố Hà Nội về ưu tiên phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn; khuyến khích đầu tư xây dựng, khai thác bến xe, bãi đỗ xe ô tô và các phương tiện cơ giới khác; áp dụng công nghệ cao trong quản lý, điều hành hệ thống giao thông vận tải do thành phố Hà Nội ban hành.	Khoản 3, Điều 18	20/7/2019
2	Nghị quyết số 04/2013/NQ-HĐND ngày 12/7/2013 của HĐND Thành phố Về chính sách ưu đãi đối với tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển khoa học và công nghệ và các nhà khoa học và công nghệ tham gia thực hiện chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô.	Khoản 2, Điều 13	22/7/2013
3	Nghị quyết số 06/2013/NQ-HĐND ngày 12/7/2013 của HĐND Thành phố Quy định tỷ lệ diện tích đất ở, nhà ở để phát triển nhà ở xã hội trong các dự án phát triển nhà thương mại, khu đô thị mới trên địa bàn Thành phố Hà Nội.	Khoản 4, Khoản 5, Điều 16	22/7/2013
4	Nghị quyết số 17/2013/NQ-HĐND ngày 23/7/2013 của HĐND Thành phố Về biện pháp cải tạo, xây dựng lại khu chung cư cũ, nhà cũ xuống cấp; cải tạo, phục hồi nhà cổ, biệt thự cũ và công trình kiến trúc khác xây dựng trước năm 1954 trên địa bàn Thành phố Hà Nội.	Khoản 2, 3, Điều 16	02/8/2013
5	Nghị quyết số 07/2013/NQ-HĐND ngày 12/7/2013 của HĐND Thành phố Về chính sách ưu tiên đầu tư và huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng các khu đô thị, nhà ở, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại, thuận tiện ở ngoại thành.	Khoản 2, Điều 19	22/7/2013
6	Nghị quyết số 09/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của HĐND Thành phố Về các biện pháp bảo đảm việc thực hiện thu hồi đất, giải phóng mặt bằng kịp thời, đúng tiến độ đối với các dự án đầu tư quan trọng trên địa bàn Thủ đô.	Khoản 2, Điều 15	27/7/2013
7	Nghị quyết số 10/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của HĐND Thành phố Về thẩm quyền, điều kiện, thủ tục tặng danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô	Điều 7	27/7/2013

STT	Tên loại văn bản, số ký hiệu của văn bản, trích yếu, ngày tháng năm ban hành, cơ quan ban hành	Quy định chi tiết điều, khoản nào của Luật Thủ đô	Hiệu lực pháp lý của văn bản
	Hà Nội.		
8	Nghị quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của HĐND Thành phố Quy định diện tích ở bình quân đối với nhà thuê ở nội thành để công dân được đăng ký thường trú ở nội Thành phố Hà Nội.		27/7/2013
9	Nghị quyết 21/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của HĐND Thành phố Về việc kéo dài thời hạn áp dụng Nghị quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của HĐND Thành phố về quy định diện tích ở bình quân đối với nhà thuê ở nội thành để công dân được đăng ký thường trú ở nội thành Thành phố Hà Nội và ủy quyền cho Thường trực HĐND Thành phố xem xét, cho ý kiến các dự án đầu tư xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ.	Điểm b, Khoản 4, Điều 19	16/12/2016
10	Nghị quyết số 14/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của HĐND Thành phố Về chính sách trọng dụng nhân tài trong xây dựng, phát triển Thủ đô.	Khoản 2, Điều 13	27/7/2013
11	Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của HĐND Thành phố Về cơ chế tài chính áp dụng đối với cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô.	Khoản 4, Điều 12	27/7/2013
12	Nghị Quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của HĐND Thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của HĐND Thành phố về cơ chế tài chính áp dụng đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô.		01/01/2017

STT	Tên loại văn bản, số ký hiệu của văn bản, trích yếu, ngày tháng năm ban hành, cơ quan ban hành	Quy định chi tiết điều, khoản nào của Luật Thủ đô	Hiệu lực pháp lý của văn bản
13	Nghị quyết 13/2019/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 của HĐND Thành phố quy định mức trần học phí đối với cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô năm học 2020-2021.		14/12/2019
14	Nghị quyết số 16/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của HĐND Thành phố Về chính sách khuyến khích đầu tư, huy động đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân vào việc xây dựng công trình văn hóa, công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí và bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.	Điểm a, Điểm b Khoản 3, Điều 11	27/7/2013
15	Nghị quyết số 24/2013/NQ-HĐND ngày 04/12/2013 của HĐND Thành phố Về Danh mục phố cổ, làng cổ, làng nghề truyền thống tiêu biểu, biệt thự cũ, công trình kiến trúc khác xây dựng trước năm 1954 và di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn Thủ đô cần tập trung nguồn lực để bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa.		04/12/2013
16	Nghị quyết số 07/2014/NQ-HĐND ngày 11/7/2014 của HĐND Thành phố Quy định mức tiền phạt đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng.	Khoản 2, Điều 20	11/7/2014
17	Nghị quyết số 08/2014/NQ-HĐND ngày 11/7/2014 của HĐND Thành phố Quy định mức tiền phạt đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa.		11/7/2014
B	QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND THÀNH PHỐ		
1	Quyết định 20/2013/QĐ-UBND ngày 24/6/2013 của UBND Thành phố Quy định cụ thể tiêu chí về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, chương trình, phương pháp giảng dạy và dịch vụ giáo dục chất lượng cao áp dụng tại cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao.	Khoản 5 Điều 12	04/7/2014
2	Quyết định 21/2013/QĐ-UBND ngày 24/6/2013 của UBND Thành phố Quy định bổ sung chương trình giảng dạy nâng cao, ngoài chương trình giáo dục		04/7/2014

STT	Tên loại văn bản, số ký hiệu của văn bản, trích yếu, ngày, tháng năm ban hành, cơ quan ban hành	Quy định chi tiết điều, khoản nào của Luật Thủ đô	Hiệu lực pháp lý của văn bản
	mầm non, giáo dục phổ thông để áp dụng đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao.		
3	Quyết định 75/2014/QĐ-UBND ngày 08/10/2014 của UBND Thành phố phê duyệt cơ chế thực hiện tiền lương và tạo nguồn cải cách tiền lương đối với cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao theo Luật thủ đô.		18/10/2014
4	Quyết định số 52/2013/QĐ-UBND ngày 28/11/2013 của UBND Thành phố về Quy chế quản lý, sử dụng nhà biệt thự cũ được xây dựng từ trước năm 1954 trên địa bàn thành phố Hà Nội.	Khoản 5 Điều 16	08/12/2013
5	Quyết định 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND Thành phố quy định nội dung thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.	Khoản 2 Điều 15	08/4/2017
6	Quyết định 26/2015/QĐ-UBND ngày 15/10/2015 của UBND Thành phố Quy định về quy trình tổ chức tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản huy động đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân vào việc xây dựng công trình văn hóa, công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí không có khả năng kinh doanh và bảo tồn, tôn tạo phát huy giá trị văn hóa trên địa bàn thành phố Hà Nội.	Điểm a Khoản 3 Điều 11	25/10/2015
7	Quyết định 70/2014/QĐ-UBND ngày 12/9/2014 của UBND Thành phố về Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc chung thành phố Hà Nội.		22/09/2014
8	Quyết định 24/2015/QĐ-UBND ngày 13/8/2015 của UBND Thành phố về Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc Khu phố cũ Hà Nội.	Khoản 1 Điều 10	23/08/2015
9	Quyết định 11/2016/QĐ-UBND ngày 04/04/2016 của UBND Thành phố Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc công trình cao tầng trong khu vực nội đô lịch sử thành phố Hà Nội.		14/04/2016
10	Quyết định 32/2014/QĐ-UBND ngày 04/08/2014 của UBND Thành phố về Chính sách hỗ trợ đầu tư công trình cấp nước sạch nông thôn thành phố Hà Nội.	Khoản 3, Điều 17	14/08/2014

STT	Tên loại văn bản, số ký hiệu của văn bản, trích yếu, ngày tháng năm ban hành, cơ quan ban hành	Quy định chi tiết điều, khoản nào của Luật Thủ đô	Hiệu lực pháp lý của văn bản
11	Quyết định 31/2014/QĐ-UBND ngày 04/08/2014 của UBND Thành phố về Chính sách khuyến khích phát triển làng nghề thành phố Hà Nội.	Điểm a Khoản 3 Điều 11	14/08/2014

II. VĂN BẢN CỦA UBND THÀNH PHỐ TRIỂN KHAI THI HÀNH NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND THÀNH PHỐ:

STT	Tên văn bản	Ngày có hiệu lực	Đơn vị chủ trì tham mưu
1	Quyết định 6398/QĐ-UBND năm 2013 về Quy chế quản lý quy hoạch - kiến trúc Khu phố Cổ Hà Nội.	24/10/2013	Sở Quy hoạch kiến trúc
2	Quyết định 70/2014/QĐ-UBND ngày 12/9/2014 của UBND Thành phố về Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc chung thành phố Hà Nội.	22/9/2014	
3	Quyết định 24/2015/QĐ-UBND ngày 13/8/2015 của UBND Thành phố về Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc Khu phố cũ Hà Nội.	23/08/2015	
4	Quyết định 11/2016/QĐ-UBND ngày 04/04/2016 của UBND Thành phố Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc công trình cao tầng trong khu vực nội đô lịch sử thành phố Hà Nội.	14/04/2016	
5	Quyết định 41/2016/QĐ-UBND ngày 19/09/2016 của UBND Thành phố Quy định phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội.	29/09/2016	Sở KHĐT
6	Quyết định 23/2020/QĐ-UBND ngày 24/9/2020 của UBND Thành phố sửa đổi Quy định về phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội kèm theo Quyết định 41/2016/QĐ-UBND.	05/10/2020	Sở KHĐT
7	Quyết định 05/2021/QĐ-UBND ngày 01/4/2021 của UBND Thành phố về Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Thành phố Hà Nội.	11/4/2021	Sở Khoa học và Công nghệ
8	Quyết định 41/2017/QĐ-UBND ngày 06/12/2017 của UBND Thành phố về	16/12/2017	Sở Xây dựng

	Quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Hà Nội.		
9	Quyết định 17/2017/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của UBND Thành phố sửa đổi Quy định về sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hà Nội kèm theo Quyết định 69/2013/QĐ-UBND.	14/5/2017	
10	Quyết định 69/2013/QĐ-UBND ngày 30/12/2013 của UBND Thành phố Quy định sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hà Nội.	09/01/2014	
11	Quyết định 54/2016/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 của UBND Thành phố về giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt; giá dịch vụ vệ sinh môi trường đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường trên địa bàn thành phố Hà Nội.	01/01/2017	
12	Quyết định 30/2020/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của UBND Thành phố về quy trình, định mức dự toán duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội.	10/12/2020	
13	Quyết định 33/2020/QĐ-UBND ngày 08/12/2020 của UBND Thành phố về quy trình, định mức kinh tế kỹ thuật duy trì hệ thống thoát nước đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội.	18/12/2020	
14	Quyết định 34/2020/QĐ-UBND ngày 08/12/2020 của UBND Thành phố về quy trình, định mức kinh tế kỹ thuật duy trì công viên, cây xanh và chăn nuôi động vật trung bày trên địa bàn thành phố Hà Nội.	18/12/2020	
15	Quyết định 77/2014/QĐ-UBND ngày 10/10/2014 về Quy chế lựa chọn nhà thầu sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích trên địa bàn thành phố Hà Nội.	20/10/2014	
16	Quyết định 31/2020/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND Thành phố về việc ban hành quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của thành phố Hà Nội.	11/12/2020	Sở Tài chính
17	Quyết định 09/2018/QĐ-UBND ngày 03/5/2018 của UBND Thành phố quy	13/5/2018	Sở Giao

	định về quản lý, khai thác và bảo trì hệ thống đường đô thị trên địa bàn Thành phố Hà Nội.		thông vận tải
18	Quyết định 21/2020/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của UBND Thành phố về định mức kinh tế kỹ thuật cho loại hình buýt sử dụng nhiên liệu sạch (khí CNG) trên địa bàn thành phố Hà Nội.	01/10/2020	
19	Quyết định 24/2020/QĐ-UBND ngày 02/10/2020 của UBND Thành phố sửa đổi Quy định về hoạt động của phương tiện giao thông đường bộ trên địa bàn thành phố Hà Nội kèm theo Quyết định 06/2013/QĐ-UBND.	20/10/2020	
20	Quyết định 25/2020/QĐ-UBND ngày 19/10/2020 của UBND Thành phố quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì tuyến đường sắt đô thị Hà Nội số 2A Cát Linh - Hà Đông do thành phố Hà Nội ban hành.	29/10/2020	
21	Quyết định 47/2016/QĐ-UBND ngày 08/11/2016 phê duyệt mức hỗ trợ tự lo tái định cư bằng tiền đối với trường hợp được bố trí nhà tái định cư do thành phố Hà Nội ban hành.	18/11/2016	Sở Tài nguyên và Môi trường
22	Quyết định 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 quy định nội dung thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.	08/4/2017	

Phụ lục số 03
DANH MỤC NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND THÀNH PHỐ, QUYẾT ĐỊNH UBND THÀNH PHỐ
CẦN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ, BẮT BỎ

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày...../.../2021 của UBND Thành phố Hà Nội)

Số TT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu, ngày ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung	Kiến nghị	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn/ tình hình xây dựng
01	Nghị quyết	Số 04/2013/NQ-HĐND ngày 12/7/2013	Về chính sách ưu đãi đối với tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển khoa học và công nghệ và các nhà khoa học và công nghệ tham gia thực hiện chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô.	Sửa đổi, bổ sung	- Căn cứ pháp lý để ban hành Nghị quyết là: Luật Tổ chức HĐND, UBND 2003 đã hết hiệu lực pháp luật và bị thay thế bằng Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015 (sửa đổi 2019); Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân 2004 đã hết hiệu lực do được thay thế bằng Luật Ban hành văn bản QPPL 2015 (sửa đổi 2020); Luật khoa học và công nghệ 2000 hết hiệu lực được thay thế bằng Luật khoa học và công nghệ 2013. - Liên Ngành Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BKHCN-BNV-BTC của hướng dẫn thực hiện chính sách trọng dụng, sử dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ có nội dung liên quan đến Nghị quyết Số 04/2013/NQ-HĐND. - Văn bản được dẫn chiếu tại Điểm a Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 04/2013/NQ-HĐND là Quyết định 49/2010/QĐ-TTg ngày 19/7/2010 phê duyệt Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát	Sở Khoa học và công nghệ	

					triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành đã hết hiệu lực do được thay thế bởi Quyết định 38/2020/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 về Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành trong đó Quyết định 38/2020/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 đã bổ sung thêm nhiều công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển trong Danh mục.		
02	Nghị quyết	Số 06/2013/NQ-HĐND ngày 12/7/2013	Quy định tỷ lệ diện tích đất ở, nhà ở để phát triển nhà ở xã hội trong các dự án phát triển nhà thương mại, khu đô thị mới trên địa bàn thành phố Hà Nội.	Sửa đổi bổ sung	- Căn cứ pháp lý để ban hành Nghị quyết là: Luật Tổ chức HĐND, UBND 2003 đã hết hiệu lực do được thay thế bằng Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015 (sửa đổi 2019); Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân 2004 đã hết hiệu lực do được thay thế bằng Luật Ban hành văn bản QPPL 2015 (sửa đổi 2020); Luật nhà ở 2005 đã hết hiệu lực do được thay thế bởi Luật nhà ở 2014. - Đề nghị sửa đổi cụm từ “ dự án phát triển nhà thương mại” bằng cụm từ “ dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại” để đảm bảo phù hợp với Khoản 22 Điều 1 Nghị định 49/2021/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 100/2015/NĐ-CP về phát triển và quản lý nhà ở xã hội quy định “thay thế cụm từ “ dự án phát triển nhà ở thương mại, dự án đầu tư phát triển đô thị”, “ dự án nhà ở thương mại, khu đô thị” tại khoản 2 Điều 30 bằng cụm từ “ dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại, khu đô thị”. - Bổ sung quy định xây dựng Khu nhà ở xã hội tập trung tại các khu vực phù hợp; đặt hàng mua nhà ở thương mại làm nhà ở tái định cư. - Sửa đổi Khoản 1 Điều 3 Nghị quyết về hiệu lực thi hành của văn bản để đảm bảo phù hợp với quy định tại	Sở QHKT	

					Khoản 1 Điều 74 Nghị định 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định “Hiệu lực thi hành của văn bản phải được xác định cụ thể ngày, tháng, năm có hiệu lực của văn bản”.		
03	Nghị quyết	Số 07/2013/NQ- HĐND ngày 12/7/2013	Về chính sách ưu tiên và huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng các khu đô thị, nhà ở, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại, thuận tiện ở ngoại thành	Sửa đổi, bổ sung	Khoản 1 Điều 74 Nghị định 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định “Hiệu lực thi hành của văn bản phải được xác định cụ thể ngày, tháng, năm có hiệu lực của văn bản”. - Căn cứ pháp lý để ban hành Nghị quyết là: Luật Tổ chức HĐND, UBND 2003 đã hết hiệu do được thay thế bằng Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015 (sửa đổi 2019); Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân 2004 đã hết hiệu lực do được thay thế bằng Luật Ban hành văn bản QPPL 2015 (sửa đổi 2020); Luật đầu tư 2005 đã hết hiệu lực do được thay thế bởi Luật Đầu tư 2014; Luật Xây dựng 2003 đã hết hiệu lực do được thay thế bởi Luật Xây dựng 2014. - Bổ sung cơ chế chính sách thu hút các nhà đầu tư đầu tư xây dựng các khu đô thị, hệ thống hạ tầng kỹ thuật hạ tầng xã hội ở ngoại thành. - Đề nghị bãi bỏ nội dung tại Điểm b, Khoản 2, Điều 3 Nghị quyết 07/2013/NQ-HĐND. Lý do: Việc triển khai quy định “Chủ đầu tư dự án khu đô thị, nhà ở được giao ứng vốn đầu tư các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đầu mối phục vụ Dự án thuộc trách nhiệm đầu tư của Thành phố; chi phí đầu tư các công trình này được khấu trừ vào tiền sử dụng đất của Dự án” là không khả thi do các dự án đầu tư được triển khai chủ yếu theo Luật Đầu tư công 2014, công tác giải phóng mặt bằng thực hiện theo Luật Đất đai 2013 mà chưa có cơ chế đặc thù riêng cho các dự án đầu tư ở Hà Nội, trong khi đó các quy định về thu tiền sử dụng đất tại các Nghị định của Chính phủ và Thông tư của Bộ	Sở Xây dựng	

					Tài chính không có quy định về việc khấu trừ khoản chi phí đầu tư các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đầu mối phục vụ dự án thuộc trách nhiệm đầu tư của thành phố vào tiền sử dụng đất phải nộp. Mặt khác theo quy định của pháp luật đất đai hiện hành khoản chi phí được khấu trừ vào tiền sử dụng đất là tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do chủ đầu tư ứng trước cụ thể Khoản 2 Điều 15 Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định: “ 2. Trường hợp thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất không thông qua hình thức đấu giá và tự nguyện ứng trước tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thì được trừ số tiền đã ứng trước vào tiền sử dụng đất phải nộp theo phương án được duyệt; mức trừ không vượt quá số tiền sử dụng đất phải nộp.” - Sửa đổi Khoản 1 Điều 5 Nghị quyết về hiệu lực thi hành của văn bản để đảm bảo phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 74 Nghị định 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định “Hiệu lực thi hành của văn bản phải được xác định cụ thể ngày, tháng, năm có hiệu lực của văn bản”.		
04	Nghị quyết	Số 09/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013	Về các biện pháp bảo đảm việc thực hiện thu hồi đất, giải phóng mặt bằng kịp thời, đúng tiến độ đối với các dự án đầu tư quan trọng trên địa bàn Thủ đô	Điều chỉnh, bổ sung	- Căn cứ pháp lý để ban hành Nghị quyết là: Luật Tổ chức HĐND, UBND 2003 đã hết hiệu do được thay thế bằng Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015 (sửa đổi 2019); Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân 2004 đã hết hiệu lực do được thay thế bằng Luật Ban hành văn bản QPPL 2015 (sửa đổi 2020); Luật Đất đai năm 2003 đã hết hiệu lực do được thay thế bằng Luật Đất đai 2013.	Sở Tài nguyên môi trường	

					- Mức thưởng tiền đối với các hộ thực hiện đúng tiến độ bàn giao mặt bằng còn thấp nên chưa khuyến khích được hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi. - Quy định trường hợp cơ quan nhà nước quyết định Thu hồi đất đã thay đổi do đó cần thiết nghiên cứu điều chỉnh đối tượng áp dụng Nghị quyết. - Sửa đổi Điều 3 Nghị quyết về hiệu lực thi hành của văn bản để đảm bảo phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 74 Nghị định 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định “Hiệu lực thi hành của văn bản phải được xác định <i>cụ thể ngày, tháng, năm</i> có hiệu lực của văn bản”.		
05	Nghị quyết	Số 10/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013	Về thẩm quyền, điều kiện, thủ tục tặng danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô Hà Nội	Sửa đổi bổ sung	- Căn cứ pháp lý để ban hành Nghị quyết là: Luật Tổ chức HĐND, UBND 2003 đã hết hiệu do được thay thế bằng Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015 (sửa đổi 2019); Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân 2004 đã hết hiệu lực do được thay thế bằng Luật Ban hành văn bản QPPL 2015 (sửa đổi 2020). - Về thủ tục tặng danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô Hà Nội: - Cần có chính sách đãi ngộ đối với cá nhân được trao tặng danh hiệu Công dân ưu tú như: miễn thị thực khi vào Việt Nam, mời tham dự các ngày kỷ niệm lớn của Thủ đô Hà Nội và một số chính sách khác, một số chính sách trong thời gian công tác, học tập và làm việc tại Thủ đô Hà Nội... - Bổ sung nội dung thành phố Hà Nội với Bộ Ngoại giao đề Đại Sứ quán Việt Nam thực hiện trao tặng danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô kịp thời cho công dân	Sở Nội vụ	

					nước sở tại được trao tặng. - Bổ sung quy định cụ thể để các Bộ, ngành đề xuất tặng danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô cho các cá nhân người nước ngoài có đóng góp cho Thủ đô thuộc lĩnh vực quản lý. - Sửa đổi Điều 4 Nghị quyết về hiệu lực thi hành của văn bản để đảm bảo phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 74 Nghị định 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định “Hiệu lực thi hành của văn bản phải được xác định cụ thể ngày, tháng, năm có hiệu lực của văn bản”.		
06	Nghị quyết	Số 11/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013	Quy định diện tích ở bình quân đối với nhà thuê ở nội thành để công dân được đăng ký thường trú ở nội thành phố Hà Nội.	Thay thế	- Căn cứ pháp lý để ban hành Nghị quyết là: Luật Tổ chức HĐND, UBND 2003 đã hết hiệu lực do được thay thế bằng Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015 (sửa đổi 2019); Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân 2004 đã hết hiệu lực do được thay thế bằng Luật Ban hành văn bản QPPL 2015 (sửa đổi 2020); Luật cư trú 2006 và Luật cư trú sửa đổi 2013 đã hết hiệu lực do được thay thế bởi Luật cư trú 2020. Đồng thời Luật Cư trú năm 2020 đã bãi bỏ khoản 3, 4 điều 19 Luật Thủ đô. - Nghị quyết Số 11/2013/NQ-HĐND đã hết hiệu lực do hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản (hết năm 2020) cần được thay thế.	Công an Thành phố	
07		Số 21/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016	Về việc kéo dài thời hạn áp dụng Nghị quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của HĐND Thành phố	Bãi bỏ 1 phần văn bản	- Bãi bỏ Điều 1 Nghị quyết do hết thời hạn áp dụng đối với Nghị quyết Số 11/2013/NQ-HĐND (hết năm 2020).		

	Nghị quyết		về quy định diện tích ở bình quân đối với nhà thuê ở nội thành để công dân được đăng ký thường trú ở nội thành Thành phố Hà Nội và ủy quyền cho Thường trực HĐND Thành phố xem xét, cho ý kiến các dự án đầu tư xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ				
08	Nghị quyết	14/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013	Về chính sách trọng dụng nhân tài trong xây dựng, phát triển Thủ đô.	Thay thế	- Căn cứ ban hành Nghị quyết: Luật Tổ chức HĐND, UBND 2003 hết hiệu lực do được thay thế bằng Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015 (sửa đổi 2019); Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân 2004 đã hết hiệu lực do được thay thế bằng Luật Ban hành văn bản QPPL 2015 (sửa đổi 2020); Luật ngân sách nhà nước 2002 được thay thế bằng Luật ngân sách số 2015 và Luật Thi đua khen thưởng 2003 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật thi đua, khen thưởng sửa đổi 2013.	Sở Nội vụ; Sở Tài chính	

					- Nghiên cứu bổ sung chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối với người có thành tích xuất sắc, có nhiều sáng kiến trong công tác hiện đang làm việc tại các cơ quan thuộc Thành phố. - Sửa đổi quy định tại Khoản 1 Điều 9 Nghị quyết để đảm bảo phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 74 Nghị định 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định “Hiệu lực thi hành của văn bản phải được xác định cụ thể ngày, tháng, năm có hiệu lực của văn bản”.		
09	Nghị quyết	16/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013	Về chính sách khuyến khích đầu tư, huy động đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân vào việc xây dựng công trình văn hóa, công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí và bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn Thủ đô Hà Nội	Sửa đổi, bổ sung	- Căn cứ pháp lý để ban hành Nghị quyết là: Luật Tổ chức HĐND, UBND 2003 đã hết hiệu do được thay thế bằng Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015 (sửa đổi 2019); Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân 2004 đã hết hiệu lực do được thay thế bằng Luật Ban hành văn bản QPPL 2015 (sửa đổi 2020). - Nghiên cứu bổ sung quy định hình thức vinh danh những cá nhân, tập thể có những đóng góp trong xây dựng công trình văn hóa, công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí và bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản văn hóa. Bổ sung quy định về cơ chế đảm bảo nguồn xã hội hóa trong quá trình tu bổ, tôn tạo di tích. Lý do: Đảm bảo về tiến độ, chất lượng trong việc tu bổ, tôn tạo di tích từ nguồn xã hội hóa, tránh tình trạng kinh phí cho tu bổ, tôn tạo không đảm bảo trong khi các hạng mục đang triển khai. - Sửa đổi quy định tại Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết để đảm bảo phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 74	Sở Văn hóa và Thể thao	

					Nghị định 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định “Hiệu lực thi hành của văn bản phải được xác định cụ thể ngày, tháng, năm có hiệu lực của văn bản.		
10	Nghị quyết	Số 17/2013/NQ-HĐND ngày 23/7/2013	Về biện pháp cải tạo, xây dựng lại khu chung cư cũ, nhà cũ xuống cấp; cải tạo, phục hồi nhà cổ, biệt thự cũ và công trình kiến trúc khác xây dựng trước năm 1954 trên địa bàn thành phố Hà Nội.	Sửa đổi bổ sung	- Căn cứ pháp lý để ban hành Nghị quyết là Luật Tổ chức HĐND, UBND 2003 đã hết hiệu lực pháp luật và bị thay thế bằng Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015 (sửa đổi 2019); Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân 2004 đã hết hiệu lực do được thay thế bằng Luật Ban hành văn bản QPPL 2015 (sửa đổi 2020) Quốc hội và Chính phủ đã ban hành các Văn bản pháp luật liên quan đến nội dung của Nghị quyết: + Luật Nhà ở ngày 25/11/2014; + Luật Đất đai ngày 29/11/2013; + Nghị định số 69/2021/NĐ-CP về cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/9/2021) thay thế Nghị định số 101/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015. - Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 10 Nghị quyết 17/2013/NQ-HĐND Hà Nội như sau: “Trên cơ sở phân nhóm tại Khoản 1 Điều này, HĐND Thành phố giao UBND Thành phố quyết định công trình cải tạo, phục hồi, phá dỡ, xây dựng lại một số biệt thự cũ và công trình kiến trúc xây dựng trước năm 1954 bị hư hỏng nặng, có nguy cơ sụp đổ trên cơ sở kết quả kiểm định chất lượng hiện trạng công trình do đơn vị tư vấn có tư cách pháp nhân thực hiện bằng nguồn vốn của chủ sở hữu, chủ đầu tư đang sở hữu, quản lý, sử dụng tự đầu tư. Việc cải tạo, phục hồi phá dỡ, xây dựng lại phải đảm	Sở Xây dựng	

					bảo các quy định của pháp luật về di sản văn hóa và các quy định của pháp luật có liên quan.”. Lý do: Để xác định nhà cổ, biệt thự cũ và công trình kiến trúc xây dựng trước năm 1954 đã hư hỏng, xuống cấp, nguy hiểm phải lập Danh mục cải tạo, phục hồi, phá dỡ, xây dựng cần nguồn kinh phí rất lớn để thực hiện việc khảo sát, đánh giá và kiểm định chất lượng công trình và đầu tư cải tạo, phục hồi, xây dựng lại (với khối lượng 1.219 biệt thự và dự kiến khoảng 2.000 công trình kiến trúc xây dựng trước năm 1954 do Sở Quy hoạch và Kiến trúc đang được Thành phố giao nhiệm vụ đánh giá và xây dựng danh mục, danh mục nhà cổ do Sở Văn hóa thể thao chủ trì chưa xây dựng được danh mục) nên chưa lập được danh mục này). Hiện tại, các Chủ quản lý, sở hữu, sử dụng công trình đang tự bỏ kinh phí để thực hiện việc kiểm định chất lượng và đầu tư cải tạo, phục hồi, xây dựng công trình theo quy định. Mặt khác, theo quy định tại Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, yêu cầu các chủ sở hữu, quản lý sử dụng tự bỏ kinh phí để thực hiện việc kiểm định chất lượng xây dựng công trình nên Ngân sách nhà nước không thể bỏ toàn bộ kinh phí để kiểm định chất lượng cũng như đầu tư cải tạo, phục hồi, xây dựng lại đối với 1.219 biệt thự và khoảng 2.000 công trình kiến trúc và nhiều nhà cổ; trong đó có rất nhiều nhà cổ, biệt thự cũ hoặc công trình kiến trúc thuộc sở hữu tư nhân, đan xen sở hữu, đang sử dụng chung, người sử dụng không hợp tác, không bỏ kinh phí ra để kiểm định chất lượng.		
11	Nghị	Số	Sửa đổi, bổ sung	Sửa	1. Sửa đổi, bổ sung:	Sở	

quyết	14/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016	một số điều của nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của HĐND TP về cơ chế tài chính áp dụng đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao trên địa bàn thủ đô (theo khoản 4 điều 12 luật thủ đô)	đôi	- Khoản 2, Điều 1: “...Cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao (trừ đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên) được Ngân sách cấp kinh phí trong 05 năm (60 tháng) kể từ khi được công nhận theo lộ trình giảm dần, kết thúc 05 năm (60 tháng) đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên”. - Khoản 9 Điều 1: “1. Cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao (trừ đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên) được ngân sách cấp kinh phí trong 05 năm (60 tháng) kể từ khi được công nhận. Kết thúc 05 năm (60 tháng), cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao tự bảo đảm chi thường xuyên. 2. Đối với cơ sở giáo dục công lập (trừ đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên) đã được công nhận chất lượng cao trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực: Tiếp tục được ngân sách cấp kinh phí theo lộ trình quy định tại khoản 1 Điều này cho đến khi đủ 05 năm (60 tháng) kể từ khi được công nhận. Sau thời hạn trên, đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên”. 3. Nhà nước xem xét hỗ trợ kinh phí mua sắm sửa chữa lớn cho các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao”. 2. Lý do: - Theo quy định trước đây cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao sẽ nâng mức tự chủ sau 03 năm kể từ khi được công nhận. Trên thực tế sau 03 năm được công nhận, nhiều trường vẫn chưa đủ thời gian để khẳng định chất lượng của trường để phụ huynh tin tưởng đóng mức học phí cao. Thêm vào đó tâm lý của cha mẹ học sinh vẫn quen được sự hỗ trợ từ ngân sách nhà nước khi cho con theo học tại các trường công lập. Vì vậy mức học phí tăng nhanh sẽ gây bất an cho phụ huynh vừa	GDĐT	
-------	------------------------------------	--	-----	--	------	--

					khuyến nhà trường khó phát triển ổn định (học phí cao dẫn đến học sinh giảm, nguồn thu giảm, nhà trường sẽ rất khó khăn về kinh phí để duy trì hoạt động của trường). - Tạo điều kiện cho cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao có thời gian để chuẩn bị tâm thế và nguồn lực tài chính để tiến tới tự đảm bảo chi hoạt động thường xuyên, phù hợp với lộ trình chỉ thực hiện giảng dạy theo chương trình chất lượng cao đối với học sinh tuyển mới kể từ khi được công nhận cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao.		
12	Nghị quyết	Số 07/2014/NQ-HĐND ngày 11/7/2014	Quy định mức tiền phạt đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng.	Sửa đổi, bổ sung	- Căn cứ ban hành là: Luật Tổ chức HĐND, UBND 2003 đã hết hiệu lực do bị thay thế bởi Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi 2019); Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2004 đã hết hiệu lực do bị thay thế bởi Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 (sửa đổi 2020); Luật Xây dựng 2003 đã hết hiệu lực pháp luật do bị thay thế bởi Luật Xây dựng 2014 (sửa đổi 2020); Nghị định 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ đã hết hiệu lực do bị thay thế bởi Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ (Hiện nay Nghị định số 139/2017/NĐ-CP đang được tổng kết, kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp với Luật Xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020). Do đó cần sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 07/2014/NQ-HĐND của HĐND Thành phố Hà Nội nội dung về hành vi vi phạm cần nâng mức tiền phạt để đảm bảo phù hợp với Khoản 2 Điều 20 Luật Thủ đô. - Bổ sung thêm nội dung quy định cụ thể ngày, tháng,	Sở Xây dựng	Hiện tại Nghị định 139/2017/NĐ-CP cũng đang được xem xét sửa đổi bổ sung

					năm có hiệu lực của Nghị quyết để đảm bảo phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 74 Nghị định 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định “Hiệu lực thi hành của văn bản phải được xác định cụ thể ngày, tháng, năm có hiệu lực của văn bản”.		
13	Nghị quyết	Số 08/2014/NQ-HĐND ngày 11/7/2014	Quy định mức tiền phạt đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa	Sửa đổi bổ sung	- Căn cứ ban hành Nghị quyết là: Luật Tổ chức HĐND, UBND 2003 đã hết hiệu lực do bị thay thế bởi Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi 2019); Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2004 đã hết hiệu lực do bị thay thế bởi Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 (sửa đổi 2020); Nghị định 158/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 đã hết hiệu lực do được thay thế bởi Nghị định 38/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo. - Đề nghị sửa đổi bổ sung Nghị quyết để phù hợp với quy định mới tại Nghị định 38/2021/NĐ-CP, tiếp tục duy trì việc thực hiện tăng mức xử phạt tiền cao ở nội thành theo quy định tại Khoản 2 Điều 20 Luật Thủ đô. - Đề nghị sửa đổi Nghị quyết theo hướng áp dụng mở rộng ra các huyện ngoại thành đồng thời áp dụng cả lĩnh vực quảng cáo. Lý do: Hoạt động quảng cáo diễn ra trên địa bàn Thành phố rất đa dạng, phong phú từ các loại hình, phương tiện, chất liệu mang lại những hiệu quả to lớn cho cá nhân, tổ chức tham gia, thực hiện dịch vụ quảng cáo; bên cạnh những mặt tích cực do hoạt động quảng cáo mang lại còn có nhiều vi phạm, tái vi phạm phản cảm gây bức xúc, và tạo dư luận xấu trong đời sống xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng, mỹ quan đô thị, trật tự an toàn xã hội. Công tác	Sở Văn hoá và Thể thao	

					QLNN và xử lý vi phạm đối với hoạt động quảng cáo trong thời gian qua được ngành VH TT xử lý rất lớn, hiệu quả. Tuy vậy còn nhiều hành vi vi phạm trong lĩnh vực quảng cáo mà quy định pháp luật chưa điều chỉnh, hoặc chưa phù hợp, nhiều quy định trong xử lý vi phạm hoạt động quảng cáo còn nhẹ chưa đủ sức răn đe hoặc chưa có chế tài xử lý vi phạm với thực tiễn hoạt động của lĩnh vực quảng cáo. - Bổ sung thêm nội dung quy định cụ thể ngày, tháng, năm có hiệu lực của Nghị quyết để đảm bảo phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 74 Nghị định 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định “Hiệu lực thi hành của văn bản phải được xác định cụ thể ngày, tháng, năm có hiệu lực của văn bản”.		
14	Quyết định	Số 20/2013/QĐ-UBND ngày 24/6/2013 của UBND Thành phố	Quy định cụ thể tiêu chí về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, chương trình, phương pháp giảng dạy và dịch vụ giáo dục chất lượng cao áp dụng tại cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao.	Thay thế	- Thực hiện Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 nhiều văn bản của Bộ GDĐT là căn cứ xây dựng các tiêu chí trong Quyết định 20/2013/QĐ-UBND, 21/2013/QĐ-UBND đã hết hiệu lực và được thay bằng văn bản QPPL mới. - Sở GDĐT đã hoàn thiện quy trình dự thảo, trình Thành phố ban hành quyết định mới thay thế Quyết định 20, 21 (Sở GDĐT gửi kèm Tờ trình số 4213, 4214/TTr-SGDĐT ngày 02/12/2020 và Báo cáo số 911/BC-SGDĐT ngày 25/3/2021 thuyết minh về việc ban hành quyết định thay thế Quyết định 20, 21).	Sở Giáo dục và Đào tạo	
15	Quyết định	Số 21/2013/QĐ-UBND ngày	Quy định bổ sung chương trình giảng dạy nâng cao, ngoài chương trình giáo				

		24/6/2013 của UBND Thành phố	dục mầm non, giáo dục phổ thông để áp dụng đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao				
--	--	------------------------------------	--	--	--	--	--

Phụ lục số 04

DANH MỤC CÁC CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CHUYÊN NGÀNH

Mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập, cần sửa đổi bổ sung trong luật chuyên ngành, các văn bản của Thành phố

(Kèm theo Báo cáo số/BC-UBND ngày .../.../2021 của UBND Thành phố Hà Nội)

STT	Nội dung quy định (Điều, Khoản, Văn bản)	Nội dung vướng mắc, mâu thuẫn, chồng chéo	Đề xuất kiến nghị	Ghi chú
LUẬT (17 VĂN BẢN)				
1.	Luật Công chứng 2014 (Khoản 4 Điều 23)	Khoản 4 Điều 23 về Thành lập và đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng quy định thành phần hồ sơ đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng gồm giấy tờ chứng minh về trụ sở của Văn phòng công chứng. Tuy nhiên thành phần hồ sơ đăng ký doanh nghiệp được quy định các Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22 Luật Doanh nghiệp 2020 không yêu cầu giấy tờ chứng minh về trụ sở.	Sửa đổi quy định điều kiện về trụ sở làm việc đối với các tổ chức hành nghề trọng lĩnh vực BTTP theo hướng bỏ quy định các giấy tờ chứng minh về trụ sở để phù hợp với việc bỏ quy định về điều kiện trụ sở trong Luật Doanh nghiệp 2020	
2.	Luật Đấu giá tài sản 2016 (Điểm d Khoản 1 Điều 25)	Điểm d Khoản 1 Điều 25 quy định Thành phần hồ sơ đề nghị đăng ký hoạt động đấu giá tài sản gồm Giấy tờ chứng minh về trụ sở của doanh nghiệp đấu giá tài sản, cam kết bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết cho hoạt động đấu giá tài sản. Tuy nhiên thành phần hồ sơ đăng ký doanh nghiệp được quy định các Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22 Luật Doanh nghiệp 2020 không yêu cầu giấy tờ chứng minh về trụ sở.		
3.	Luật Luật sư 2006 (Điểm d Khoản 2 Điều 35)	Điểm d Khoản 2 Điều 35 quy định Thành phần hồ sơ đề nghị đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư gồm Giấy tờ chứng minh về trụ sở của tổ chức hành		

		nghề luật sư. Đối với đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích quy định tại Khoản 3 Điều 132 Luật Đất đai năm 2013 như sau: “3. Đối với diện tích đất chưa sử dụng vào các mục đích quy định tại khoản 2 Điều này thì Ủy ban nhân dân cấp xã cho hộ gia đình, cá nhân tại địa phương thuê để sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản theo hình thức đấu giá để cho thuê. Thời hạn sử dụng đất đối với mỗi lần thuê không quá 05 năm.” Để góp phần thúc đẩy sản xuất nông nghiệp gắn với sơ chế, chế biến sản phẩm, thúc đẩy liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm, nâng cao giá trị, chất lượng, thương hiệu sản phẩm, phát huy lợi thế sản xuất nông nghiệp.		
4.	Luật Đất đai năm 2013 (Khoản 3 Điều 132 Điểm b Khoản 1 Điều 118)	Sửa đổi Luật Đất đai 2013 theo hướng các hợp tác xã nông nghiệp được thuê đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích để sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản theo hình thức đấu giá.		
5.		Theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 118 Luật Đất đai quy định các trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất có "đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng để chuyển nhượng hoặc cho thuê". Tuy nhiên tại Điểm b Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 108 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án, bao gồm:	Kiến nghị Chính phủ ban hành văn bản hướng dẫn việc lựa chọn chủ đầu tư cho thống nhất giữa Luật Đất đai và các Nghị định về đấu thầu và quản lý cụm công nghiệp.	

		“b) Dự án đầu tư có sử dụng đất để xây dựng nhà ở thương mại; công trình thương mại, dịch vụ; công trình đa năng, tổ hợp đa năng cho mục đích kinh doanh; c) Dự án không thuộc quy định tại các điểm a và b khoản này nhưng phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật về xã hội hóa.” Như vậy, việc lựa chọn Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp không nằm trong đối tượng điều chỉnh của Nghị định số 25/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. Quy định này phù hợp với Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp, Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2020/NĐ-CP.		
6.	Luật Kiến trúc 2019 (Khoản 4 Điều 14)	Trước đây thẩm quyền ban hành Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đã được phân cấp cho UBND cấp huyện, tuy nhiên hiện nay Khoản 4 điều 14 Luật Kiến trúc 2019 quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng quy chế quản lý kiến trúc và trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trước khi ban hành; đối với quy chế quản lý kiến trúc của đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I là thành phố trực thuộc trung ương thì phải có ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng”. quy định này làm cho việc ban hành quy chế quản lý kiến trúc mất nhiều thời gian và khó khả thi;	Tăng cường phân cấp cho UBND cấp huyện trong công tác lập, phê duyệt quy chế quản lý kiến trúc làm căn cứ cấp GPXD	
7.	Luật An toàn thực phẩm năm 2010	Tại Luật an toàn thực phẩm năm 2010 quy định về đăng bản công bố hợp quy đối với thực phẩm đã qua	Sửa đổi Luật an toàn thực phẩm 2010,	

		chế biến (khoản 3 Điều 12), phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến thực phẩm (khoản 3 Điều 17), dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm (khoản 3 Điều 18), thực phẩm nhập khẩu (điểm a khoản 1 Điều 38). Tuy nhiên, để đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị sản xuất, kinh doanh nên thực tế hiện nay quy định của pháp luật được xây dựng theo hướng chuyên phương thức quản lý từ tiền kiểm sang hậu kiểm, việc công bố các sản phẩm thực phẩm nêu trên đang được thực hiện theo hai hình thức tự công bố sản phẩm và đăng ký bản công bố sản phẩm (quy định tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 của Chính phủ)	trong đó sửa đổi nội dung đăng ký bản công bố hợp quy thành tự công bố sản phẩm hoặc đăng ký bản công bố sản phẩm.	
8.	Luật Bảo hiểm xã hội 2014	Luật bảo hiểm xã hội 2014 chưa quy định trách nhiệm của các đơn vị nợ bảo hiểm xã hội; việc hoãn giãn khoản nợ, các biện pháp cưỡng chế thu hồi nợ đóng bảo hiểm xã hội, giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội đối với người tham gia bảo hiểm xã hội trong thời gian đơn vị, doanh nghiệp nợ đóng bảo hiểm xã hội để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho người tham gia bảo hiểm xã hội.	Bổ sung quy định cụ thể về nợ bảo hiểm xã hội.	
9.	Luật Việc làm 2013 (Điểm c, Khoản 1, Điều 43)	Tại điểm b, khoản 1, điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội quy định: "Người làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới 03 tháng;". Tại điểm c, khoản 1, điều 43 Luật Việc làm quy định: "Hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một	Cần sửa đổi, bổ sung Luật Việc làm theo hướng đối tượng bắt buộc tham gia bảo hiểm thất nghiệp là	

		công việc nhất định có thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 12 tháng” Từ việc quy định không thống nhất giữa thời hạn của hợp đồng lao động khi thực hiện trách nhiệm trích nộp bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp dẫn đến các doanh nghiệp khi thực hiện nghĩa vụ trích nộp bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp phải mất thời gian tách hai thời điểm khác nhau. Mặt khác việc quy định thời hạn hợp đồng lao động từ đủ 03 tháng thuộc đối tượng bắt buộc đóng bảo hiểm thất nghiệp là do trước đây Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006 quy định đối tượng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là người lao động ký hợp đồng lao động từ đủ 03 tháng trở lên. Tuy nhiên, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 đã điều chỉnh lại đối tượng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, trong đó có người lao động ký hợp đồng lao động từ đủ 01 tháng đến dưới 12 tháng. Vì vậy, dẫn đến sự không thống nhất như trên.	Người làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới 03 tháng để thống nhất về mặt thời hạn của hợp đồng lao động làm căn cứ trích nộp các khoản BHXH, BHTN của người lao động.	
10.	Bộ Luật lao động năm 2019 (Khoản 1 Điều 14)	Khoản 1 Điều 14 Bộ luật Lao động quy định về hình thức hợp đồng lao động (HDLĐ): "HDLĐ được giao kết thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử có giá trị như HDLĐ bằng văn bản". Tuy nhiên pháp luật về giao dịch điện tử không quy định cụ thể về cách thức sử dụng chữ ký điện tử như thế nào là hợp pháp (Ký bằng chữ ký số kèm chứng thư; ký bằng chữ ký scan và xác nhận thông qua mã	- Bộ Thông tin Truyền thông có hướng dẫn cụ thể về phương thức sử dụng chữ ký điện tử khi giao kết hợp đồng lao động - Bổ sung quy định về thanh lý hợp đồng lao động bằng hình thức	

		OTP từ điện thoại; ký bằng bằng phương thức chèn hình ảnh chữ ký mẫu...) vì vậy, các doanh nghiệp sử dụng đông lao động muốn áp dụng hình thức giao kết hợp đồng lao động thông qua phương tiện điện tử gặp lúng túng. Ngoài ra, việc Bộ luật Lao động có quy định về hình thức giao kết hợp đồng lao động thông qua phương tiện điện tử nhưng không có quy định về việc thanh lý hợp đồng lao động bằng hình thức phương tiện điện tử, dẫn đến việc doanh nghiệp vẫn phải sử dụng các phương thức truyền thống gây tốn kém và thêm thời gian của doanh nghiệp trong việc tuyển dụng, quản lý lao động. Đặc biệt là những doanh nghiệp sử dụng đông lao động.	phương tiện điện tử.	
11.	Luật Xây dựng sửa đổi 2020 (Khoản 37 Điều 1)	Khoản 37 Điều 1 quy định “Bãi bỏ khoản 1, sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 103 như sau: “2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép xây dựng đối với công trình thuộc đối tượng có yêu cầu phải cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh, trừ công trình quy định tại khoản 3 Điều này. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền cho Sở Xây dựng, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép xây dựng thuộc chức năng và phạm vi quản lý của cơ quan này.	Sửa đổi, bổ sung Luật Xây dựng hoặc làm rõ tại Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng về việc phân cấp ủy quyền rõ nội dung trên. Sở Xây dựng đề nghị bổ sung thêm vào sau Khoản 3 nội dung: “trừ các trường hợp thuộc phạm vi quản lý của	

		3. Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV và nhà ở riêng lẻ trên địa bàn do mình quản lý.”” Việc quy định như vậy dẫn đến chồng chéo trong thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV trên địa bàn các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế giữa Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế và ủy ban nhân dân cấp huyện.	Ban quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất, Ban Quản lý khu công nghệ cao Láng - Hòa Lạc”. Lý do: Khắc phục những chồng chéo trong công tác quản lý việc xây dựng công trình theo quy hoạch và trật tự xây dựng trong phạm vi quản lý của Ban quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất, Ban Quản lý khu công nghệ cao Láng - Hòa Lạc.	
12.	Luật Hộ tịch 2014	Luật Hộ tịch không quy định công dân được cấp lại bản chính giấy khai sinh khi bị mất, hỏng, cũ nát. Qua thực tế, quy định này gây khó khăn cho công dân, bởi vì, một số cơ quan, đơn vị vẫn yêu cầu có bản chính để đối chiếu, công dân chuyển qua nhiều nơi cư trú khác nhau cần bản chính để có thể sao công chứng, chứng thực không phải quay về nơi có sổ gốc để trích lục bản sao. Mặt khác tâm lý của người dân luôn muốn có bản chính giấy khai sinh, do đó nhu cầu cấp lại bản chính	Kiến nghị sửa đổi Luật Hộ tịch cho phép UBND cấp huyện được cấp lại bản chính giấy khai sinh cho công dân khi bị mất, hỏng, cũ nát bản chính. Kiến nghị sửa đổi, bổ	

		giấy khai sinh của người dân là rất cần thiết.	sung quy định về khai thác dữ liệu hộ tịch điện tử để phục vụ cho người dân và doanh nghiệp.	
13.	Luật Du lịch 2017	Điều 5; Điều 70 hiện chưa được thực hiện trên thực tế nên chưa thực sự huy động được mọi nguồn lực cho phát triển du lịch để bảo đảm du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.	Đề nghị Chính phủ xem xét ban hành chính sách khuyến khích hỗ trợ phát triển du lịch triển khai thống nhất trên toàn quốc theo quy định tại Điều 5 Luật Du lịch. Có chính sách tăng cường đầu tư về giáo dục đào tạo chuyên ngành, đào tạo nghề, nhất là loại hình đào tạo nguồn nhân lực du lịch chất lượng cao nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế du lịch sau dịch Covid-19. Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:	
		Điều 16 Việc điều tra, phân loại, đánh giá tài nguyên du lịch trên phạm vi cả nước chưa được triển khai.		
		Điều 20, 21, 22 mục 3, chương III không thực hiện được trong thực tế do thay đổi về pháp luật, thực hiện theo luật quy hoạch 2017.		
		Điều 23 và Điều 25 còn mang tính chất khung, không có các tiêu chí, thang điểm cụ thể cho từng nhóm, vì vậy dẫn đến khó khăn trong việc lượng hóa khi thẩm định công nhận khu, điểm du lịch cấp Thành phố, cũng như trong công tác đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất kỹ		

		thuật và chất lượng dịch vụ của các khu điểm tham quan du lịch.	đẩy nhanh việc tổ chức hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch theo Điều 70 của Luật Du lịch 2017 để sớm thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp lữ hành theo Điều 71 của Luật Du lịch để doanh nghiệp lữ hành sớm phục hồi và phát triển	
14.	Luật quy hoạch 2017	Đối với thành phố trực thuộc trung ương chỉ lập quy hoạch chung Thành phố theo Luật quy hoạch đô thị 2009, không cần làm quy hoạch Thành phố (Quy hoạch tỉnh) theo Luật quy hoạch 2017 vì nội hàm của đồ án Quy hoạch chung thành phố đã cập nhập gần như đầy đủ đối với quy hoạch ngành khác.	Cần có hướng dẫn thực hiện Luật Quy hoạch	
15.	Luật Quy hoạch Đô thị 2009	Chưa có quy định về lập, thành phần hồ sơ đồ án quy hoạch không gian ngầm đô thị dẫn đến Đồ án Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội (1259) chưa có nội dung quy hoạch không gian ngầm đô thị.	Bộ Xây dựng sớm có hướng dẫn cụ thể về nội dung và thành phần hồ sơ của quy hoạch không gian ngầm đô thị trong các đồ án quy hoạch chung, Quy hoạch phân khu và quy	

			hoạch chi tiết	
16.	Luật Đầu tư 2020	Khoản 5 Điều 3 <i>Dự án đầu tư mở rộng</i> là dự án đầu tư phát triển dự án đầu tư đang hoạt động bằng cách mở rộng quy mô, nâng cao công suất, đổi mới công nghệ, giảm ô nhiễm hoặc cải thiện môi trường. Thủ tục như là dự án độc lập hay điều chỉnh dự án đang hoạt động; các nội dung khác xác định như thế nào: tiến độ thực hiện dự án đang hoạt động hay cho phần mở rộng; thời hạn hoạt động của Dự án đang hoạt động (thời hạn hoạt động còn lại) và dự án đầu tư mở rộng (thời hạn hoạt động mới không quá 50 năm)	Nghiên cứu theo hướng là thủ tục Dự án độc lập	
		Về thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh: - Theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư không quy định thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án phải lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức đấu giá, đấu thầu (không phải dự án nhà ở, khu đô thị được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư) theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 29 (ví dụ đối với	Cần thống nhất nội dung hiểu về thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh đối với trường hợp lựa chọn nhà đầu tư thông qua đấu giá, đấu thầu; Cần thiết cần quy định rõ hơn	

		ngiht Nhà nước giao đất, cho thuê đất không thuộc trường hợp nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất;" thì trường hợp này là bao gồm cả đối với các dự án phải lựa chọn thông qua đấu giá, đấu thầu...		
		Điều 36 quy định về thời hạn thực hiện thủ tục đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư: 35 ngày. Thực tiễn nội dung, lĩnh vực, các cơ quan lấy ý kiến nhiều, phức tạp. Điểm d Khoản 4 Điều 33 Luật Đầu tư đối với trường hợp Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư có yêu cầu đánh giá các nội dung nhà đầu tư phải đảm bảo các quy định pháp luật liên quan nhưng không rõ phạm vi như thế nào, cần gửi bao nhiêu cơ quan để đánh giá.	Nên áp dụng linh hoạt cho cơ quan đăng ký đầu tư, nếu cần thêm số lượng hồ sơ thì thống nhất với nhà đầu tư nộp bổ sung	
		Có quy định nhà đầu tư được thành lập tổ chức kinh tế (Đ22 Luật Đầu tư), Tổ chức kinh tế thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh (Điều 3 Luật Đầu tư); nhưng không có quy định tổ chức kinh tế là nhà đầu tư để thực hiện dự án hoặc được tiếp tục thực hiện dự án (như đối với đầu tư tư nước ngoài đã quy định rõ tổ chức kinh tế thành lập là nhà đầu tư thực hiện dự án); Điều 51 Nghị định 31/2021/NĐ-CP có quy định thay đổi loại hình tổ chức kinh tế được tiếp tục thực hiện dự án	Thống nhất nội dung áp dụng, tổ chức kinh tế do nhà đầu tư thành lập là nhà đầu tư tiếp tục thực hiện dự án như đối với đầu tư nước ngoài, theo quy định về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.	

		Điều 75 Luật Đầu tư 2020 (về sửa điểm c khoản 2 Điều 22 Luật Nhà ở: Trong trường hợp có nhiều nhà đầu tư thì việc xác định chủ đầu tư theo quy định của Luật Xây dựng; Chính phủ quy định chi tiết); Nghị định 30/2021/NĐ-CP: trường hợp nhiều nhà đầu tư dự án nhà ở được chấp thuận chủ trương đầu tư theo Luật Đầu tư thì các nhà đầu tư này có thể ủy quyền cho một nhà đầu tư có đủ điều kiện hoặc thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã có đủ điều kiện... để làm thủ tục công nhận chủ đầu tư dự án nhà ở (như vậy dự án nhà ở có xác định tổ chức kinh tế thành lập làm chủ đầu tư thực hiện DA; chưa cụ thể các vấn đề có liên quan về người đang sử dụng đất hợp tác với nhà đầu tư khác và việc xác định chủ đầu tư có phải sẽ được giao đất, cho thuê đất hay ko?) Trong khi quy định tại NĐ 25/2020, và được sửa đổi tại các NĐ 31/2021, 35/2021 về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án, có quy định nhà đầu tư sau khi trúng thầu được thành lập Doanh nghiệp dự án để thực hiện dự án.		
17.	Luật Doanh nghiệp 2020 (Điều 24)	Điều 24 quy định về Điều lệ công ty Thực tế, doanh nghiệp có thể sửa đổi Điều lệ ngay sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Như vậy, dẫn đến tình trạng Điều lệ công ty được lưu giữ tại Cơ quan đăng ký kinh doanh đã được thay thế bởi Điều lệ mới do Đại hội đồng cổ đông sửa đổi, bổ sung, thông qua. Bên cạnh đó, việc scan, tải, lưu trữ Điều lệ tại thời điểm thành lập, chuyển đổi loại hình	Kiến nghị bỏ Điều lệ công ty trong thủ tục thành lập doanh nghiệp, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.	

		mất nhiều thời gian của doanh nghiệp và chiếm phần lớn dung lượng bộ nhớ gây ra xử lý chậm trang Hệ thống thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.		
		NGHỊ ĐỊNH CHÍNH PHỦ (25 VĂN BẢN)		
18.	Khoản 5 Điều 1 Nghị định 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 sửa đổi Nghị định 99/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật Nhà ở	Đối với tổ chức kinh tế có quyền sử dụng đất được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp và đất nông nghiệp nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân: Luật đầu tư 2020 cho phép chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu và Luật Đất đai 2013 cho phép chuyển quyền mục đích sử dụng đất thực hiện dự án đầu tư (trong đó có dự án xây dựng nhà ở thương mại), trừ các trường hợp nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Như vậy, nội dung chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện dự án xây dựng nhà ở thương mại theo quy định của Luật đất đai 2013 và Luật Đầu tư 2020 và các Nghị định hướng dẫn thi hành là thống nhất thực hiện. Tuy nhiên theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021, việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với công nhận nhà đầu tư làm chủ đầu tư (chỉ định chủ đầu tư) dự án xây dựng nhà ở thương mại <u>chỉ thực hiện đối với các trường hợp nhà đầu tư có quyền sử dụng đất ở hợp pháp và các loại đất khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển</u> mục đích sử dụng đất sang làm đất ở. Như vậy, gặp vướng mắc khi thực hiện thủ tục chấp	Sửa đổi, bổ sung Nghị định 30/2021/NĐ-CP để đồng bộ, phù hợp với quy định của Luật Đất đai 2013, Luật Đầu tư 2020 và các Nghị định hướng dẫn thi hành	

		thuận chủ trương đầu tư đồng thời công nhận nhà đầu tư làm chủ đầu tư (chỉ định chủ đầu tư) để chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện dự án xây dựng nhà ở thương mại đối với các trường hợp tổ chức kinh tế có quyền sử dụng đất được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp và đất nông nghiệp nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân.		
19.	Nghị 31/2021/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đầu tư	Trình tự thủ tục chủ trương đầu tư đối với các dự án thuộc trường hợp nhận chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất - Điểm d, khoản 2 Điều 31 Nghị định 31/2021/NĐ-CP quy định hồ sơ nộp: Bản sao văn bản cho phép nhận chuyển nhượng đất của cấp có thẩm quyền. - Luật Đất đai quy định: Trừ trường hợp thu hồi đất, nhận chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án sản xuất kinh doanh (Đ75); Phải có	Nghiên cứu lồng ghép thủ tục trên nguyên tắc không làm phát sinh thủ tục hành chính, đảm bảo đồng thời thực hiện của các cơ quan theo hướng: + Cơ quan đăng ký đầu tư tiếp nhận hồ sơ gửi lấy ý kiến	

		dụng đất để thực hiện dự án thì lại phải có hồ sơ đề xuất dự án, và quy định đất đai không quy định thủ tục hành chính lập, tiếp nhận hồ sơ, thẩm định thẩm tra hồ sơ dự án để báo cáo cho phép nhận chuyển nhượng đất; nếu có quy định thì dự án lại 02 lần lập hồ sơ đề xuất dự án.	+ Sở TNMT thẩm định, xác định nhu cầu sử dụng đất, báo cáo UBND TP có văn bản cho phép nhận chuyển nhượng, góp vốn (bao gồm cả nội dung chuyển mục đích sử dụng đất), đồng gửi cả Cơ quan đăng ký đầu tư + Sau khi có văn bản cho phép chuyển nhượng, góp vốn của UBND Thành phố; Hoàn thiện hồ sơ, trình phê duyệt chủ trương đầu tư.	
		Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư thực hiện đối với các dự án thuộc chuyển mục đích sử dụng đất đang quản lý sử dụng	Cần làm rõ quy định về thành phần hồ sơ	

		phải làm	
		Xử lý chuyển tiếp đối với các dự án mới lựa chọn Nhà đầu tư/ chủ đầu tư trước đây, nhưng chưa làm thủ tục GCNĐT (theo Luật Đầu tư 2005), Quyết định chủ trương đầu tư (theo Luật Đầu tư 2014) - Các trường hợp chuyển tiếp đã được quy định tại Luật Đầu tư 2020, Nghị định 31/2021/NĐ-CP: đối với các dự án đã cấp GCNĐT, quyết định chủ trương đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư... - Chưa quy định đối với trường hợp mới có quyết định lựa chọn nhà đầu tư/chủ đầu tư trước đây nhưng chưa có thủ tục GCNĐT, quyết định chủ trương, chấp thuận chủ trương... Riêng đối với lĩnh vực Nhà ở đã có quy định tại Nghị định 30/2021/NĐ-CP: Đã lựa chọn thì không phải lựa chọn lại - Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời nhà đầu tư: Có quyền sử dụng đất (cổ quyết định giao, cho thuê đất, hợp đồng thuê đất...), trường hợp khác không thuộc đấu giá, đấu thầu. - Như vậy, nhà đầu tư đã được lựa chọn nhưng chưa có thủ tục đầu tư nêu trên có thuộc trường hợp chấp thuận chủ trương đồng thời với nhà đầu tư trong trường hợp không đấu giá, đấu thầu không?	
			Tiếp tục nghiên cứu,

	án đầu tư sau khi dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư, sau khi được giao đất, cho thuê đất. - Điều 53 Nghị định 31/2021/NĐ-CP quy định: việc sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản trên đất góp vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh và điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án - Không có quy định điều chỉnh chủ trương đầu tư về điều chỉnh nhà đầu tư trong trường hợp ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh (trong khi tại Hà Nội có nhiều dự án khu nhà ở, khu đô thị trước đây đã được giao chủ đầu tư, cho phép khu đô thị mới với cơ chế chỉ tính tổng mức đầu tư về GPMB và hạ tầng nay phải điều chỉnh lại theo quy hoạch chung, phân khu đô thị và tính toán lại tổng vốn đầu tư theo quy định mới đầu tư đồng bộ cả khu nhà ở, khu đô thị.. nếu không có trường hợp điều chỉnh nhà đầu tư cho phép hợp đồng hợp tác kinh doanh thì sẽ rất khó đảm bảo năng lực tài chính theo tính toán mới.		
	Điêu chỉnh, gia hạn thời gian hoạt động dự án (Khoản 3 Điều 41 Luật Đầu tư và Điều 55 Nghị định 31/2021/NĐ-CP) - Đã quy định để đồng bộ với gia hạn thời gian sử dụng đất theo quy định pháp luật về đất đai (Điều 126 Luật Đất đai - Người đang sử dụng đất có nhu cầu gia hạn thì được gia hạn, tối đa không quá 50 năm)	quy định rõ	

		- Tuy nhiên, nghiên cứu tính đồng bộ về việc kéo dài thời gian hoạt động dự án theo Luật Đầu tư với gia hạn thời gian sử dụng đất theo Luật Đất đai, giữa thủ tục chấm dứt hoạt động dự án với thủ tục thu hồi đất của người đang sử dụng không còn nhu cầu; Việc gia hạn này có quy định số lần được gia hạn không?		
20.	Nghị 30/2021/NĐ-CP	định Khoản 5 Điều 1 Nghị định 30/2021/NĐ-CP sửa đổi Điểm b Khoản 2 Điều 18 Nghị định 99/2015/NĐ-CP như sau: “2. Nhà đầu tư có quyền sử dụng đất thuộc một trong các trường hợp quy định dưới đây và có đủ các điều kiện làm chủ đầu tư dự án quy định tại Điều 21 của Luật Nhà ở 2014, pháp luật kinh doanh bất động sản, pháp luật có liên quan thì trong quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời xác định nhà đầu tư đó làm chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại: a) Có quyền sử dụng đất ở hợp pháp; b) Có quyền sử dụng đất ở hợp pháp và các loại đất khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sang làm đất ở;” Trong bối cảnh hiện nay quỹ đất là vô cùng hạn chế quy định trên sẽ khiến các dự án nhà ở thương mại xin thực hiện trên đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp mà theo quy hoạch đất ở sẽ không thực hiện được so không có đất ở kèm theo	Sửa đổi điểm b Khoản 2 Nghị định 30/2021/NĐ-CP như sau: “Có quyền sử dụng đất ở hợp pháp hoặc các loại đất khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sang làm đất ở”	

21.	Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi thành một số điều của Luật An toàn thực phẩm	Tại Điều 12 quy định đối tượng không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP trong đó có cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ. Theo hướng dẫn tại Công văn số 3109/BCT-KHCN ngày 20/4/2018 của Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện công tác quản lý an toàn thực phẩm thì hộ sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ (trong đó có hộ kinh doanh cá thể) cũng là hộ kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ và không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận. Thực tế cho thấy, có nhiều doanh nghiệp “lách luật” chuyển thành loại hình hộ kinh doanh hoặc thành lập thêm hộ kinh doanh để sản xuất (doanh nghiệp chỉ làm phân phối sản phẩm), gây khó khăn trong công tác quản lý và khó kiểm soát công tác đảm bảo an toàn thực phẩm đối với các cơ sở này.	Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi thành một số điều của Luật An toàn thực phẩm, theo đó quy định cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP.	
22.	Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về ATTP	Tại Khoản 1 Điều 10 - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương quy định: các cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP thực hiện gửi bản cam kết hoặc bản sao có xác nhận của cơ sở một trong các Giấy chứng nhận (quy định tại điểm k Khoản 1 Điều 12 - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP) đến cơ quan quản lý nhà nước được phân công, phân cấp quản lý. Tuy nhiên, Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về ATTP không quy định chế tài xử lý đối	Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về ATTP, trong đó bổ sung chế tài xử lý đối với hành vi không thực hiện quy định của pháp luật đối với cơ sở không	

		với hành vi không thực hiện quy định nêu trên.	thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP nêu trên.	
23.	Khoản 3 Điều 15 Nghị định 42/2020/NĐ-CP ngày 8/4/2020 của Chính Phủ quy định về Danh mục hàng hoá nguy hiểm, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa và Khoản 9 Điều 9 Nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 hướng dẫn Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật Phòng cháy và chữa cháy sửa đổi	Khoản 3 Điều 15 Nghị định 42/2020/NĐ-CP quy định thời hạn giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm cấp không quá 24 tháng và <u>không quá niên hạn sử dụng của phương tiện</u> . Tuy nhiên Khoản 9 Điều 9 Nghị định 136/2020/NĐ-CP quy định giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ có giá trị không vượt quá <u>thời hạn còn lại của giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện</u> . Thời hạn của giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường không phải là niên hạn sử dụng của phương tiện. Do vậy Nghị định 42/2020/NĐ-CP và Nghị định 136/2020/NĐ-CP đang quy định chưa thống nhất về thời hạn của giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy nổ gây khó khăn cho cơ quan công an và chủ phương tiện khi thực hiện thủ tục hành chính	Chính phủ xem xét sửa đổi quy định tại Nghị định 136/2020/NĐ-CP như sau: “Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy nổ có giá trị không quá 24 tháng và không quá niên hạn sử dụng của phương tiện.	Mâu thuẫn giữa các Nghị định, không có nội dung đặc thù cần điều chỉnh
24.	Nghị định 136/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật Phòng cháy và	Điều 19 Bộ Luật Lao động 2019 quy định: “Người lao động <u>có thể giao kết nhiều hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động nhưng phải</u>	Chính phủ xem xét sửa đổi quy định tại Khoản 10, Điều 41	

	chữa cháy sửa đổi	“Cá nhân có văn bằng, chứng chỉ về phòng cháy chữa cháy phải tham gia trực tiếp vào hoạt động kinh doanh dịch vụ của cơ sở. Cá nhân đã sử dụng văn bằng, chứng chỉ để đảm bảo cho một cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy thì không được sử dụng văn bằng, chứng chỉ đó để đảm bảo cho cơ sở khác đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy”	đảm bảo thống nhất với Bộ luật Lao động 2019 về quyền lợi hợp pháp của người lao động.	
		Điều 17 Nghị định 136/2020/NĐ-CP quy định: Tạm đình chỉ hoạt động đối với cơ sở đưa công trình, hạng mục công trình có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy quy định tại phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định vào hoạt động, sử dụng khi chưa có văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an có thẩm quyền. Trong vòng 30 ngày cơ sở không khắc phục hoặc không thể khắc phục được thì bị đình chỉ hoạt động. Qua triển khai xử lý các hành vi vi phạm trong lĩnh vực phòng cháy chữa cháy, việc thi hành Quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động của các cơ sở công cộng phục vụ dân sinh như trường học, bệnh viện ... đang gặp nhiều khó khăn, vướng mắc do ảnh hưởng đến nhu cầu của người dân, tác động đến an sinh xã hội	Kiến nghị Chính phủ có giải pháp tháo gỡ khó khăn trên	
25.	Khoản 3 Điều 11 Nghị định 155/2018/NĐ-CP sửa đổi quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh	Khoản 3 Điều 11 Nghị định 155/2018/NĐ-CP sửa đổi Điều 22 Nghị định số 109/2016/NĐ-CP quy định về hình thức tổ chức của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong đó Cơ sở dịch vụ thẩm mỹ là một trong những hình thức tổ chức của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.	Đề xuất sửa đổi: bỏ cơ sở dịch vụ thẩm mỹ ra khỏi các tổ chức hành nghề khám bệnh chữa bệnh vì	Nội dung kiến nghị của Sở Xây dựng không có tính chất đặc thù

	thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế		không quy định việc cấp giấy phép hoạt động và để đảm bảo phân định rõ trách nhiệm quản lý nhà nước.	
26.	Nghị định 08/1998/NĐ-CP ngày 22/01/1998 của Chính phủ ban hành Quy chế thành lập Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam	Quy chế ban hành đã cách đây hơn 20 năm, chưa có quy định đối với việc thành lập chi nhánh của các hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam, chưa rõ cơ quan đầu mối quản lý hoạt động của hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài	Cần xem xét quy định 01 cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm rà soát, sửa đổi, bổ sung Quy chế thành lập hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam để phù hợp với thực tiễn và yêu cầu quản lý hiện nay, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động hợp pháp của các doanh nghiệp nước ngoài.	
27.	Nghị định 25/2011/NĐ-CP ngày 06/04/2011 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông	Ngày 10/10/2020 Chính phủ ban hành Nghị quyết 149/NQ-CP về phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 9/2020, trong đó quyết nghị về việc lắp đặt các trạm thu phát sóng thông tin di động (BTS) của các doanh nghiệp viễn thông di động trên tài sản công, giao Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu đưa quy định về việc xây dựng, lắp đặt trạm BTS trên tài sản công vào dự	Chính phủ, Bộ Thông tin và truyền thông sớm sửa đổi, bổ sung Nghị định 25/2011/NĐ-CP	

		thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 25/2011/NĐ-CP ngày 06/04/2011 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông. Nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp viễn thông trong việc xây dựng, lắp đặt trạm BTS trên đất công, tài sản công đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.		
28.	Quyết định 23/2019/QĐ-TTg ngày 27/6/2019 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành Danh mục hàng hóa nhập khẩu phải làm thủ tục hải quan tại cửa nhập khẩu	Qua phản ánh của cộng đồng doanh nghiệp, quyết định này đang gây khó khăn, hạn chế quyền tự do kinh doanh, đi ngược lại nỗ lực tạo thuận lợi thương mại của Chính phủ đối với các mặt hàng không ảnh hưởng đến an sinh, an toàn của nền kinh tế. Việc phải làm thủ tục tại cửa khẩu làm phát sinh thêm các chi phí gồm: lưu kho bãi, bốc xếp hàng hóa, ùn tắc tại cửa khẩu, bố trí nhân lực ngoài trụ sở doanh nghiệp, khi có vướng mắc phải giải trình thì thông qua các nhân viên của công ty giao nhận, không chủ động về thời gian thông quan... Luật Hải quan 2014 không có quy định hạn chế địa điểm làm thủ tục hải quan. Theo đó, doanh nghiệp được lựa chọn cơ quan hải quan tiếp nhận, đăng kí và kiểm tra hồ sơ hải quan, kiểm tra thực tế hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Theo Khoản 2 Điều 4 Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 quy định căn cứ vào tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa trong từng thời kì, Thủ tướng chính phủ quyết định danh mục hàng hóa nhập khẩu phải làm thủ tục hải quan tại cửa nhập khẩu. Quy định trên chỉ rõ Thủ tướng chính phủ căn cứ tình hình thực tế trong từng thời kì để ban hành danh mục	Sửa đổi Quyết định 23/2019/QĐ-TTg theo hướng chỉ quy định phải làm thủ tục hải quan tại cửa nhập khẩu đối với hàng hóa có yêu cầu đảm bảo an ninh, an toàn bao gồm: tàu bay, du thuyền, xăng các loại, tiền chất thuốc nổ, vật liệu nổ công nghiệp; phế liệu	

		hàng hóa phải làm thủ tục hải quan tại cửa nhập khẩu. Việc phải làm thủ tục hải quan tại cửa nhập khẩu đối với hàng hóa đã được điều chỉnh bằng chính sách thuế dẫn đến không phát huy được tối đa nguồn lực sẵn có của hệ thống tổ chức bộ máy hải quan trong nội địa để phục vụ và hỗ trợ sản xuất, kinh doanh thương mại.		
29.	Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường	Khoản 12 điều 1 Nghị định 40/2019/NĐ-CP không đề cập đến nội dung ủy quyền (?) và đơn vị nhận ủy quyền khiến cho việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Quản lý tiếp tục bị vướng mắc, gặp khó khăn trong việc đề nghị ủy quyền.	Sửa đổi bổ sung văn bản để phù hợp với tình hình thực tế.	
30.	Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế	Khoản 2 điều 52 quy định Quyền hạn, trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường: “Hướng dẫn việc ủy quyền cho Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về môi trường quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 63 Nghị định này và một số nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường trong khu công nghiệp, khu kinh tế theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.” Tại khoản 2 Điều 62 Nghị định quy định: “Các bộ, ngành chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ	Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội Kiến nghị: Các bộ, ngành có văn bản hướng dẫn rõ về phân cấp, ủy quyền, giao nhiệm vụ cụ thể cho Ban quản lý về lĩnh vực tài nguyên và môi trường.	

		Nội vụ ban hành các điều kiện, tiêu chí để phân cấp, ủy quyền trong từng lĩnh vực quản lý theo nguyên tắc tạo điều kiện cho các Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế thực hiện cơ chế hành chính "một cửa tại chỗ" và đảm bảo hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước khu công nghiệp, khu kinh tế." Tuy nhiên đến nay Bộ Tài nguyên và Môi trường chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể về việc ủy quyền đối với lĩnh vực tài nguyên và môi trường cho Ban quản lý. Chính vì vậy, việc thực hiện cơ chế hành chính "một cửa tại chỗ" chưa đạt hiệu quả, các doanh nghiệp vẫn gặp nhiều khó khăn trong việc hoàn thiện hồ sơ, giấy tờ, thủ tục pháp lý.		
31.	Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng	Khoản 2 Điều 17 Quy định về thành phần hồ sơ thành lập Văn phòng công chứng gồm các giấy tờ chứng minh về trụ sở của Văn phòng công chứng tại thời điểm đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng.	Kiến nghị sửa đổi quy định điều kiện về trụ sở làm việc đối với các tổ chức hành nghề trong lĩnh vực BTTP theo hướng bỏ quy định các giấy tờ chứng minh về trụ sở để phù hợp với việc bỏ quy định về điều kiện trụ sở trong Luật Doanh nghiệp năm 2020	
32.	Điều 22 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 Về hòa giải thương mại	Điểm c khoản 2 Quy định về thành phần hồ sơ Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại gồm Giấy tờ chứng minh về trụ sở của Trung tâm.		

33.	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực GDDT	- Điểm d khoản 2 Điều 5 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP về cơ cấu khối công trình mẫu thuẫn, thiếu so với khoản 4 Điều 5 Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học. - Điểm a khoản 2 Điều 17 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP về diện tích khu đất xây dựng trường mẫu thuẫn so với khoản 3 Điều 9 Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT. - Điểm b khoản 2 Điều 17 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP về cơ cấu khối công trình mẫu thuẫn so với điểm b khoản 4 Điều 9 Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT. Điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp quy định: Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp về y tế, giáo dục và đào tạo thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.	Kiến nghị sửa đổi bổ sung các quy định cho thống nhất.	
34.	Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước	- Khoản 1 Điều 23 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 quy định cụ thể về phần trăm vốn điều lệ của Nhà đầu tư nước ngoài (trên 50%). Tuy nhiên, Nghị định số 86/2018/NĐ-CP chưa có quy định cụ thể về vốn sở hữu, phần góp vốn của	Kiến nghị sửa đổi, bổ sung	

	ngoài trong lĩnh vực giáo dục.	nhà đầu tư nước ngoài khi đề xuất các dự án GDĐT. Đề nghị sửa đổi, bổ sung Nghị định số 86/2018/NĐ-CP trong đó quy định rõ vốn đầu tư nước ngoài trên 50% thực hiện theo Nghị số 86/2018/NĐ-CP; vốn đầu tư nước ngoài dưới 50% thực hiện theo Nghị định số 46/2017/NĐ-CP (thành lập trường vốn trong nước). - Theo khoản 2 Điều 1 Nghị định 86/2018/NĐ-CP quy định: Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức quốc tế, cá nhân nước ngoài hoạt động hợp tác, đầu tư trong lĩnh vực GDĐT. Tuy nhiên Nghị định chưa quy định rõ tỷ lệ vốn góp, hay mua lại cổ phần của nhà đầu tư trong nước là bao nhiêu phần trăm để làm căn cứ xác định việc thành lập trường sẽ theo quy định là trường có vốn đầu tư nước ngoài hay có vốn đầu tư trong nước. - Tại Nghị định chưa quy định cụ thể việc chuyển loại hình từ trường tư thục (có vốn đầu tư trong nước) sang trường có vốn đầu tư nước ngoài và ngược lại.		
35.	Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP	Điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị định số 135/2018/NĐ-CP về diện tích khu đất xây dựng quy định diện tích đất 8 m ² /học sinh mâu thuẫn với khoản 3 Điều 5 Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT.	Bãi bỏ nội dung này	

36.	Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi thành một số điều của Luật An toàn thực phẩm	Điều 12 quy định cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ không thuộc đối tượng phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Theo hướng dẫn tại Công văn số 3109/BCT-KHCN ngày 20/4/2018 của Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện công tác quản lý an toàn thực phẩm thì hộ sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ (trong đó có hộ kinh doanh cá thể) cũng là hộ kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ và không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận. Thực tế cho thấy, có nhiều doanh nghiệp “lách luật” chuyển thành loại hình hộ kinh doanh hoặc thành lập thêm hộ kinh doanh để sản xuất (doanh nghiệp chỉ làm phân phối sản phẩm), gây khó khăn trong công tác quản lý và khó kiểm soát công tác đảm bảo an toàn thực phẩm đối với các cơ sở này.	Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi thành một số điều của Luật An toàn thực phẩm	
37.	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ công thương	Điều 12, điều 13 sử dụng cụm từ “Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm” nhưng tại phần Phụ lục (các biểu mẫu) lại sử dụng cụm từ “Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm”.	Kiến nghị sửa đổi, bổ sung Nghị định số 17/2020/NĐ-CP theo hướng thống nhất cách gọi cho phù hợp với Luật an toàn thực phẩm, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.	
38.	Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày	Khoản 2 điều 24 quy định một trong các điều kiện cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng	- Kiến nghị Chính phủ sửa đổi điều kiện	

	3/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu	dầu là cửa hàng thuộc sở hữu, đồng sở hữu của thương nhân là đại lý hoặc tổng đại lý hoặc thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu hoặc thương nhân phân phối xăng dầu hoặc thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu hoặc thương nhân sản xuất xăng dầu có hệ thống phân phối theo quy định. Tuy nhiên, ngày 20/4/2015, Bộ Công Thương có Văn bản số 3835/BCT-TTTN hướng dẫn: trường hợp doanh nghiệp sở hữu liên doanh, liên kết với đơn vị khác bằng hình thức góp vốn và giao cho đơn vị đó hạch toán thu, chi... và đứng tên trên Giấy chứng nhận thì vẫn cấp Giấy chứng nhận cho đơn vị liên doanh, liên kết. Trên thực tế, hoạt động liên doanh, liên kết rất phổ biến nhưng nếu quy định như vậy là chưa phù hợp với điều kiện đầu tư trong Nghị định số 83/2014/NĐ-CP. Vì vậy, đề nghị sửa đổi điều kiện đầu tư trong Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, cho phép cấp Giấy chứng nhận cho doanh nghiệp liên doanh, liên kết trong trường hợp được chủ sở hữu hoặc đồng sở hữu cửa hàng xăng dầu cho phép. - Khoản 2 Điều 24 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP quy định một trong các thành phần hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu phải có “tài liệu chứng minh tính hợp pháp về xây dựng của cửa hàng bán lẻ xăng dầu”, đây là quy định bổ sung thêm so với Nghị định số 84/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.	đầu tư trong Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, cho phép cấp Giấy chứng nhận cho doanh nghiệp liên doanh, liên kết trong trường hợp được chủ sở hữu hoặc đồng sở hữu cửa hàng xăng dầu cho phép. - Kiến nghị sửa đổi Điều 24 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP theo hướng bỏ quy định về thành phần hồ sơ “tài liệu chứng minh tính pháp lý xây dựng của hàng xăng dầu” đối với các trường hợp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu đã được cấp và hết hiệu lực.	
--	--	---	---	--

		Tại văn bản số 2188/BCT-TTTN ngày 22/3/2018, Bộ Công Thương đã hướng dẫn Sở Công Thương các tỉnh, thành phố căn cứ vào giấy phép xây dựng của cấp có thẩm quyền cho phép xây dựng cửa hàng xăng dầu để cấp giấy chứng nhận. Tuy nhiên đối với các cửa hàng xăng dầu được xây dựng và tồn tại đã lâu (từ 15 đến trên 20 năm) sẽ không có các tài liệu nêu trên do tại thời điểm xây dựng cửa hàng xăng dầu, các quy định về quản lý xây dựng, quản lý đất đai chưa đồng bộ, quy hoạch phát triển đô thị, quy hoạch chi tiết xây dựng... chưa được phê duyệt. Trên thực tế những cửa hàng này đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu và hiện vẫn đáp ứng các điều kiện theo quy định trừ điều kiện về tài liệu chứng minh tính hợp pháp về xây dựng của cửa hàng bán lẻ xăng dầu. Do đó, việc không cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đã gây bức xúc đối với các doanh nghiệp vì ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và nhu cầu tiêu dùng xăng dầu của xã hội. - Thực tế hiện nay có tồn tại mô hình cây xăng mini: nhằm kiểm soát toàn diện hoạt động kinh doanh xăng dầu, đề nghị bổ sung quy định cụ thể đối với loại hình này theo hướng quy định vùng, khu vực được phép triển khai mô hình cây xăng mini (đối với vùng sâu, vùng xa... do việc đáp ứng nhu cầu tiêu thụ xăng dầu gặp khó khăn).		
--	--	---	--	--

39.	Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị	Điều 24, Điều 25 quy định về Nội dung đồ án quy hoạch cấp điện đô thị và Nội dung đồ án quy hoạch chiếu sáng đô thị. Tuy nhiên, việc xây dựng Đồ án Quy hoạch cấp điện và chiếu sáng đô thị gặp khó khăn do chưa có hướng dẫn chi tiết nội dung lập Đồ án Quy hoạch cấp điện và chiếu sáng đô thị.	Hiện nay Thành phố Hà Nội đang nghiên cứu xây dựng Đồ án Quy hoạch cấp điện và chiếu sáng đô thị thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, đến nay vẫn không có hướng dẫn cụ thể để xây dựng đề cương nhiệm vụ chi tiết. Đề nghị Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương xây dựng hướng dẫn chi tiết nội dung lập Đồ án Quy hoạch cấp điện và chiếu sáng đô thị.	
40.	Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực y tế	điểm a, khoản 5, Điều 59 đi kèm với biện pháp khắc phục hậu quả là tiêu hủy toàn bộ thuốc và dược liệu có tại cơ sở là chưa hợp lý vì cơ sở đã xuất trình được hóa đơn chứng minh được nguồn gốc xuất xứ của thuốc và dược liệu.	Kiến nghị Chính phủ sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tình hình thực tế	
41.	Nghị định 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính	Điều 22; 23; 24 Nghị định 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai	Bộ KH&CN và Bộ Tài chính có hướng dẫn cụ thể để thực hiện.	

	phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước	thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước: - Việc chuyển giao các kết quả nghiên cứu khoa học, đặc biệt là các kết quả phát triển công nghệ từ nguồn vốn hỗ trợ của nhà nước cho doanh nghiệp để tạo thành sản phẩm, hàng hóa cung cấp cho thị trường còn chậm do khó khăn, vướng khi thực hiện quy định của pháp luật liên quan về hoàn trả giá trị và phân chia lợi nhuận. - Trường hợp nhiệm vụ KH&CN do cơ quan nhà nước (sử dụng 100% ngân sách nhà nước, không có nguồn kinh phí khác), tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội đặt hàng tổ chức, cá nhân khác thực hiện bằng nguồn ngân sách cấp; đơn vị đặt hàng (cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị) đồng thời là đơn vị tiếp nhận, ứng dụng kết quả hình thành từ nhiệm vụ KH&CN vào thực tiễn thì việc yêu cầu hoàn trả giá trị tài sản hoặc phân chia lợi nhuận. - Khoản 1 Điều 24 quy định tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm lập báo cáo về tài sản (trong đó mô tả cụ thể thông tin về tài sản và chi phí tạo lập tài sản) kèm theo các hồ sơ có liên quan, gửi cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ KH&CN. Các nội dung này chưa có hướng dẫn thực hiện nên chưa triển khai được.		
42.	Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30/9/2013 của Chính phủ quy định	Điểm c, đ Khoản 2 Điều 4 còn bất cập, thiếu rõ ràng về đối tượng áp dụng biện pháp xử lý hành chính. người	Kiến nghị quy định kéo dài thời gian áp	

	chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn	cắp, lừa đảo, đánh bạc, gây rối trật tự công cộng hoặc là người từ đủ 18 tuổi trở lên, trong 6 tháng đã ít nhất hai lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm phạm tài sản của cơ quan, tổ chức; tài sản, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân hoặc người nước ngoài; vi phạm trật tự, an toàn xã hội mới bị áp dụng biện pháp xử phạt này.	bị xử phạt vi phạm hành chính, đồng thời quy định trách nhiệm phối hợp giữa các địa phương trong việc trao đổi, cung cấp thông tin vi phạm.
		Thời hiệu, thủ tục xử lý	Về thời hiệu, đề nghị quy định theo hướng thời hiệu áp dụng biện pháp giáo dục là 06 tháng kể từ ngày ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính lần 02 thay vì kể từ ngày thực hiện lần

			tránh trường hợp thời gian xử lý hành vi vi phạm hành chính lần 02 còn nhưng thời hiệu áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường thì đã hết. Riêng đối với trường hợp đối tượng thực hiện hành vi có dấu hiệu tội phạm, đề nghị quy định thời hiệu 01 năm kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm thay vì thực hiện hành vi vi phạm.	
		Điều 33, 34 về Việc quản lý cư trú, đi lại, vắng mặt của người được giáo dục	Đề nghị bổ sung chế tài áp dụng đối với trường hợp người vi phạm cố tình trốn tránh, không chịu hợp tác với cơ quan chức năng khi triệu tập và thực hiện các biện pháp giáo dục bắt buộc.	

		Biểu mẫu trong quá trình lập hồ sơ giáo dục còn nhiều, nên hợp nhất một số biểu mẫu cũng như rút gọn một số bước trong quy trình giáo dục đối tượng	Đề nghị các cấp nhanh chóng điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện thống nhất các nội dung hệ thống văn bản pháp luật có liên quan trong việc thực hiện quản lý đối tượng được áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn.	
QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG (03 VĂN BẢN)				
43.	Quyết định 130/QĐ-TTg ngày 23/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Biện pháp, lộ trình di dời và việc sử dụng quỹ đất sau khi di dời cơ sở sản xuất công nghiệp, bệnh viện, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục	Đề nghị Bộ Xây dựng nghiên cứu, sửa đổi quy định tại Quyết định 130/QĐ-TTg ngày 23/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Biện pháp, lộ trình di dời và việc sử dụng quỹ đất sau khi di dời cơ sở sản xuất công nghiệp, bệnh viện, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, đơn vị trong khu vực nội thành Hà Nội đối với nội dung nội dung: "<i>Quỹ đất sau khi di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, cơ quan đơn vị được đấu giá công khai theo quy định để tạo kinh phí</i>	Sở Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị: Nghiên cứu chỉnh sửa để đảm bảo việc thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan, đơn vị di dời và đảm bảo đồng bộ với quy định của các Luật liên quan.	

	nghề nghiệp và các cơ quan, đơn vị trong khu vực nội thành Hà Nội	<i>tái đầu tư cho doanh nghiệp bị di dời. Sử dụng hiệu quả quỹ đất còn lại sau khi di dời đúng mục đích, chức năng và các chỉ tiêu sử dụng đất phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt, tuân thủ Luật Thủ đô và quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc của thành phố Hà Nội".</i> Qua thực tiễn cho thấy, việc đấu giá công khai chưa đảm bảo đồng bộ với các quy định liên quan về sử dụng đất đai, chuyển mục đích sử dụng đất của người đang quản lý sử dụng theo quy định của Luật Đất đai, không thuộc trường hợp thu hồi đất để đấu giá quyền sử dụng đất tại vị trí di dời nếu người sử dụng đất có nhu cầu đầu tư theo quy hoạch; Luật Đầu tư 2020 cũng có quy định về chấp thuận chủ trương đồng thời giao nhà đầu tư dự án khi có quyền sử dụng đất...; Mặt khác, nội dung quy định "cơ quan đơn vị được đấu giá công khai..." không rõ ràng là cơ quan nhà nước thu hồi đất để đấu giá hay cơ quan đơn vị di dời được hay phải tổ chức đấu giá...		
44.	Quyết định số 41/2017/QĐ-TTg ngày 15/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định trình tự, thủ tục điều chuyển công trình điện được đầu tư bằng vốn nhà nước sang Tập đoàn Điện	Để giảm bớt các bước trong quy trình triển khai, đẩy nhanh tiến độ thực hiện điều chuyển tài sản công trình điện	Quyết định số 41/2017/QĐ-TTg ngày 15/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định trình tự, thủ tục điều chuyển công trình điện được đầu tư bằng vốn nhà nước sang Tập đoàn Điện	

	lực Việt Nam quản lý		lực Việt Nam quản lý	
45.	Quyết định số 23/2019/QĐ-TTg ngày 27/6/2019 của Thủ Tướng Chính phủ ban hành danh mục hàng hóa nhập khẩu phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập	Quyết định số 23/2019/QĐ-TTg ngày 27/6/2019 đang gây khó khăn, hạn chế quyền tự do kinh doanh, đi ngược lại nỗ lực tạo thuận lợi thương mại của Chính phủ đối với mặt hàng không ảnh hưởng đến an ninh, an toàn của nền kinh tế. Việc phải làm thủ tục tại cửa nhập khẩu làm phát sinh thêm một số chi phí như: chi phí lưu kho bãi, bốc xếp hàng hóa, ùn tắc tại cửa khẩu, bố trí nhân lực ngoài trụ sở doanh nghiệp, khi có vướng mắc phải giải trình thì phải thông qua các nhân viên của công ty giao nhận, không chủ động về thời gian thông quan... Luật Hải quan năm 2014 không có điều, khoản hạn chế địa điểm làm thủ tục hải quan. Theo đó, doanh nghiệp được lựa chọn cơ quan hải quan tiếp nhận, đăng ký và kiểm tra hồ sơ hải quan, kiểm tra thực tế hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Theo khoản 2 điều 4 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ, căn cứ tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa trong từng thời kỳ, Thủ tướng Chính phủ quyết định Danh mục hàng hóa nhập khẩu phải làm thủ tục hải quan tại cửa nhập khẩu. Việc phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập đối với hàng hóa đã được điều chỉnh bằng chính sách thuế dẫn đến không phát huy được tối đa nguồn lực sẵn có của hệ thống tổ chức bộ máy hải quan trong nội địa để phục vụ và hỗ trợ sản xuất, kinh doanh thương mại.	Sửa đổi Quyết định 23/2019/QĐ-TTg theo hướng chỉ quy định phải làm thủ tục hải quan tại cửa nhập khẩu đối với hàng hóa có yêu cầu đảm bảo an ninh, an toàn bao gồm: tàu bay, du thuyền, xăng các loại, tiền chất thuốc nổ, vật liệu nổ công nghiệp; phế liệu	

		Đồng thời, có thể làm phát sinh rủi ro cho cán bộ công chức tại Chi cục hải quan cửa khẩu nhập vì áp lực về khối lượng công việc lớn và yêu cầu đảm bảo thời gian thông quan.		
		THÔNG TƯ (15 VĂN BẢN)		
46.	Thông tư Liên tịch số 23/2005/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/8/2005 của liên Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xếp hạng và xếp lương đối với thành viên chuyên trách hội đồng quản trị, tổng giám đốc, giám đốc, Phó tổng giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng công ty nhà nước	Văn bản được ban hành cách đây 16 năm, một số mã để xác định các chỉ tiêu về tài chính (vốn, doanh thu...) không còn phù hợp với các văn bản quy định của Bộ tài chính hiện hành.	Liên Bộ: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Thông tư Liên tịch số 23/2005/TTLT-BLĐTBXH-BTC hoặc ban hành văn bản mới.	
47.	Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội của liên Bộ Lao động -Thương	Hiện nay theo Luật doanh nghiệp, từ ngày 01/01/2021, các doanh nghiệp nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ được gọi là doanh nghiệp nhà nước do vậy không còn có loại hình doanh nghiệp nhà nước nắm cổ phần vốn góp chi phối. Vì vậy, Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 hoặc ban	

	binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước	động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước không còn phù hợp với Luật Doanh nghiệp.	hành văn bản mới thay thế.	
48.	Thông tư số 59/2018/TT-BTC ngày 16/7/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 219/2015/TT-BTC về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp	Ngày 30/11/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 140/2020/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định: Số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017, số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 và số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018, trong đó đã khắc phục được một số vướng mắc phát sinh về cơ chế, chính sách trong công tác cổ phần hóa, thoái vốn của giai đoạn 2016-2020; tuy nhiên, một số nội dung Nghị định giao các bộ chuyên ngành hướng dẫn thực hiện nhưng đến nay chưa có văn bản hướng dẫn, cụ thể: + Bộ Tài chính được giao hướng dẫn các nội dung về: Xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện cổ phần hóa theo Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP; quy chế mẫu bán đấu giá công khai (thông thường/theo lô/theo lô cổ phần kèm nợ phải thu) và chào bán cạnh tranh (thông thường/theo lô/theo lô cổ phần kèm nợ phải thu) để chuyển nhượng vốn; xác định giá trị thương hiệu (trong đó bao gồm giá trị văn hóa, lịch sử) vào giá khởi điểm để chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư tại doanh	Bộ Tài chính sớm ban hành Thông tư hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện cổ phần hóa theo Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP	

		ng nghiệp và vốn của doanh nghiệp nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp khác theo Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP. Bộ Tài chính đã dự thảo “Thông tư hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện cổ phần hóa theo Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP”, hiện đang lấy ý kiến tham gia của các bộ, ngành, địa phương.		
49.	Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật công chứng	điểm d khoản 1 Điều 19	Kiến nghị sửa đổi quy định điều kiện về trụ sở làm việc đối với các tổ chức hành nghề trong lĩnh vực BTTP theo hướng bỏ quy định các giấy tờ chứng minh về trụ sở để phù hợp với việc bỏ quy định về điều kiện trụ sở trong Luật Doanh nghiệp năm 2020	
50.	Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm	Khoản 5 Điều 12 Tiêu chí 1.5 về khối lớp và tổ chức lớp học quy định trường tiểu học có không quá 30 lớp học là không phù hợp do Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT Điều lệ trường tiểu học chỉ quy định sĩ số học sinh trong 1 lớp là không quá 35 học sinh, không quy	Bãi bỏ nội dung này	

	định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học	định số lượng lớp trong 1 trường. Việc quy định trường tiểu học đạt KĐCLGD cấp độ 2 chỉ có không quá 30 lớp gây khó khăn cho quy mô trường lớp ở các Thành phố lớn, không hợp lý khi trường tiểu học hạng 2 có không quá 27 lớp, trường hạng 1 từ 28 lớp trở lên.		
51.	Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở	Khoản 4 Điều 17 Tiêu chí 1.5 về Lớp học quy định trường trung học có không quá 45 lớp học là không phù hợp với trường liên cấp (trường phổ thông có 2 cấp học hoặc 3 cấp học); theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT Điều lệ trường trung học chỉ quy định số học sinh/lớp không quá 45 học sinh, Thông tư 18 đã quy định lớp học có không quá 40 học sinh khi trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 nên bỏ nội dung quy định trường có không quá 45 lớp học.	Bãi bỏ nội dung này	
52.	Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập	Khoản 2 tại các Điều 3, Điều 4, Điều 5 của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp đối với giáo viên mầm non (tiểu học, THCS, THPT) các hạng III, II, I có sự khác nhau về tiêu chuẩn: - Ngoài các tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp của giáo viên mầm non (tiểu học, THCS, THPT) hạng III, giáo viên mầm non (tiểu học, THCS, THPT) hạng II phải luôn luôn gương mẫu thực hiện các quy định về đạo đức nhà giáo; - Ngoài các tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp của giáo viên mầm non (tiểu học, THCS, THPT) hạng II, giáo viên mầm non (tiểu học, THCS, THPT) hạng I phải là tấm gương mẫu mực về đạo đức nhà giáo và	Bãi bỏ nội dung này	
53.	Thông tư số			

	ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp hạng viên chức giảng dạy trong các trường tiểu học công lập.	vận động, hỗ trợ đồng nghiệp thực hiện tốt các quy định về đạo đức nhà giáo. Đạo đức nghề nghiệp là chuẩn mực chung vì vậy không nên quy định giáo viên cấp cao thì đạo đức cao hơn giáo viên cấp thấp. Đạo đức nhà giáo đã được quy định tại Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/4/2008 của Bộ GDĐT quy định về đạo đức nhà giáo.		
54.	Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học cơ sở công lập.		Bãi bỏ nội dung này	
55.	Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ		Bãi bỏ nội dung này	

	nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học phổ thông công lập.			
56.	Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù	Khoản 3, Khoản 4 Điều 12 quy định nội dung về Nội dung hồ sơ Đồ án quy hoạch cấp điện đô thị và Đồ án quy hoạch chiếu sáng đô thị. Tuy nhiên, đến nay vẫn không có hướng dẫn cụ thể để xây dựng đề cương nhiệm vụ chi tiết.	Đề nghị Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương xây dựng hướng dẫn chi tiết nội dung lập Đồ án Quy hoạch cấp điện và chiếu sáng đô thị.	
57.	Thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 hướng dẫn xây dựng định mức xây dựng, phân bổ dự toán, quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước	Điểm c, khoản 1 Điều 7 Thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN quy định: “Dự toán tiền công trực tiếp đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ không quá 20% tổng dự toán tiền công trực tiếp đối với các chức danh quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 5 Thông tư này.” Tuy nhiên: - Định mức này còn thấp so với một số lĩnh vực cần nhiều nhân viên hỗ trợ như nông nghiệp, y tế, giáo dục,.... - Tỷ lệ bao nhiêu phụ thuộc vào từng nhiệm vụ khoa học và công nghệ và đã có Hội đồng tư vấn, Hội đồng thẩm định kinh phí đánh giá khi xét duyệt nhiệm vụ	Bỏ quy định “Dự toán tiền công trực tiếp đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ không quá 20% tổng dự toán tiền công trực tiếp đối với các chức danh quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 5 Thông tư này.”	
58.	Thông tư số	- Thiếu những quy định về biện pháp bảo đảm cho việc	Đề nghị sửa đổi bỏ	

	08/2014/TT-TTCP ngày 24/11/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định về thẩm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra	thực hiện kết luận thanh tra, chế tài xử lý đối với các trường hợp để kéo dài, không thực hiện kết luận thanh tra, làm giảm hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước.	sung Thông tư và xem xét sửa Nghị định 86/2011/NĐ-CP quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra	
59.		Trung ương chưa có văn bản hướng dẫn về cơ chế tài chính để triển khai các hoạt động tài trợ, cho vay đối với Quỹ phát triển khoa học và công nghệ ở các địa phương. Do đó Hà Nội chưa triển khai thực hiện được các nội dung trong Nghị quyết số 04 đối với Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của thành phố Hà Nội	Bộ KHCN và Bộ Tài chính hướng dẫn về cơ chế tài chính để triển khai các hoạt động tài trợ, cho vay đối với Quỹ phát triển khoa học và công nghệ ở địa phương	